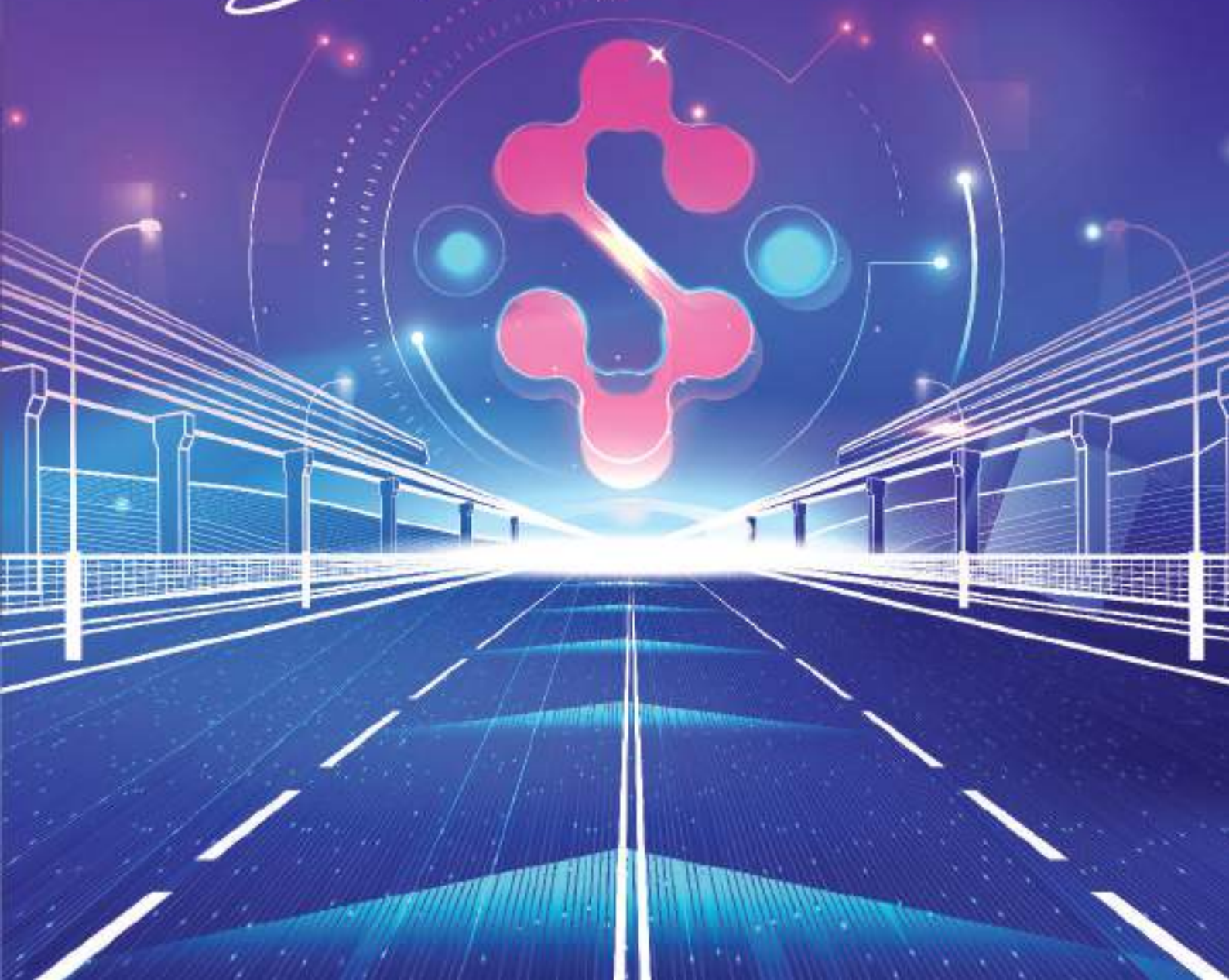


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2022

*Đột phá vươn xa*





# DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>KienlongBank</b>	Ngân hàng TMCP Kiên Long
<b>HĐQT</b>	Hội đồng Quản trị
<b>BĐH</b>	Ban Điều hành
<b>BKS</b>	Ban Kiểm soát
<b>TGD</b>	Tổng Giám đốc
<b>GD</b>	Giám đốc
<b>GDKV</b>	Giám đốc Khu vực
<b>ĐHĐCĐ</b>	Đại hội Đồng cổ đông
<b>KBA</b>	Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Kiên Long
<b>NHNN Việt Nam</b>	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
<b>CBNV</b>	Cán bộ nhân viên
<b>CTV</b>	Cộng tác viên



# MỤC LỤC

CHƯƠNG <b>01</b>	Lời ngỏ	04
CHƯƠNG <b>02</b>	Thông điệp của Hội đồng Quản trị	06
CHƯƠNG <b>03</b>	Tổng quan về KienlongBank	12
CHƯƠNG <b>04</b>	Hoạt động kinh doanh năm 2022	48
CHƯƠNG <b>05</b>	Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022	66
CHƯƠNG <b>06</b>	Mạng lưới giao dịch	138



CHƯƠNG  
**01.**  
LỜI NGỎ

# Giới hạn sinh ra để *bứt phá*

Có thể nói, năm 2022 tiếp tục lại là một năm khó khăn nữa với toàn nền kinh tế nói chung. Nhưng trong một thế giới đầy biến động đó, vùng an toàn đôi khi lại trở nên nguy hiểm. Không có giới hạn nào bằng giới hạn chúng ta tự tạo ra cho chính mình. Năm 2022 cũng là thời điểm KienlongBank nỗ lực vượt qua nghịch cảnh, giữ nhịp tiến về phía trước, kiếm tìm cơ hội trong khó khăn để vươn mình tới những đỉnh cao mới.

Thành công không chỉ là đích đến mà là cả một hành trình dài nỗ lực. Hơn 28 năm qua, dẫn dắt con đường đi của KienlongBank là triết lý "đặt khách hàng là trọng tâm" cùng văn hoá không ngừng đổi mới, sáng tạo để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng. Là năm thứ 2 trong chiến lược chuyển đổi từ mô hình kinh doanh truyền thống sang Ngân hàng số hiện đại, toàn diện, KienlongBank đang tập trung nguồn lực vào các sáng kiến công nghệ nhằm đưa đến các dịch vụ tài chính ưu việt cho người dùng.

Với hành trình làm chủ công nghệ, kết nối vạn nhu cầu để phụng sự người dùng, KienlongBank đang nỗ lực mang đến những thay đổi đột phá thông qua các bước đi đầy chiến lược của mình.







# CHƯƠNG 02

## THÔNG DIỆP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





Bà Trần Thị Thu Hằng

CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Đối tác, Quý Khách hàng cùng toàn thể Cán bộ nhân viên KienlongBank,

Bước sang năm thứ 2 trong hành trình trở thành Ngân hàng số hiện đại và năng động, mang tới những tiện ích góp phần nâng cao giá trị cuộc sống của khách hàng, Ngân hàng TMCP Kiên Long (KienlongBank) tiếp tục đánh dấu thêm một năm thành công với sự nỗ lực đáng ghi nhận khi hoàn thành mục tiêu kép về chuyển đổi số nền tảng lõi của ngân hàng và kế hoạch lợi nhuận năm được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Năm 2022, nền kinh tế Việt Nam đối diện với những khó khăn, thách thức chung chưa từng có. Điều này khiến cho nguồn vốn luân chuyển cho hoạt động đầu tư, thúc đẩy phục hồi của nền kinh tế Việt Nam sau đại dịch Covid-19 bị ngưng trệ, tạo áp lực và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng. Mặc dù vậy, bằng chủ trương, chính sách điều hành đúng đắn, kịp thời của Chính phủ, GDP Việt Nam năm 2022 tăng trưởng 8,02%, mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây, lạm phát kiểm soát ở mức 3,15%; hoàn thành các mục tiêu mà Quốc hội đề ra từ đầu năm.

Xác định mô hình mục tiêu theo xu hướng kỷ nguyên số 4.0 cũng như bám sát chỉ đạo của NHNN, KienlongBank luôn chủ động và linh hoạt trước diễn biến của thị trường, góp phần cùng hệ thống ngân hàng ổn định thị trường tiền tệ, phát triển tín dụng, thúc đẩy nền kinh tế phục hồi. Bên cạnh đó, cùng với việc hoàn thành áp dụng tiêu chuẩn Basel II, KienlongBank cũng chủ động đánh giá nhận diện, xây dựng khẩu vị, ban hành các văn bản nội bộ về quản trị rủi ro phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn hoạt động kinh doanh.

Nhờ chuẩn bị đầy đủ, tinh thần sẵn sàng chia sẻ, và sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên, KienlongBank đã khép lại năm 2022 đầy biến động bằng việc hoàn thành vượt chỉ tiêu lợi nhuận và đặt nền tảng cho sự bứt phá, cùng định hướng phát triển bền vững.

### NỀN TẢNG VỮNG VÀNG - SẴN SÀNG BỨT PHÁ

Với xuất phát điểm là ngân hàng có quy mô hoạt động vừa và nhỏ, KienlongBank lựa chọn chiến lược đột phá là số hóa nền tảng hoạt động, cung cấp hành trình trải nghiệm đa tiện ích, riêng biệt 24h cho khách hàng nhằm nhanh chóng định vị thị phần, thương hiệu KienlongBank trong bối cảnh thị trường tài chính – ngân hàng có sự cạnh tranh gay gắt. Theo đó, trong giai đoạn tới, KienlongBank sẽ tập trung kiện toàn nền tảng quản trị doanh nghiệp và kết nối nền tảng thương mại điện tử, đối tác định chế tài chính xây dựng hệ sinh thái tài chính số với sản phẩm “may đo” riêng biệt, đặc trưng cho từng đối tượng khách hàng.

KienlongBank cũng đẩy mạnh việc củng cố nền tảng quản trị ngân hàng và quản trị rủi ro vững mạnh thông qua kiện toàn mô hình cơ cấu tổ chức, thực hiện kiểm soát, giám sát mọi hoạt động theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Nối tiếp định hướng đó, trong năm 2022, KienlongBank đã hoàn thành việc áp dụng chuẩn mực Basel II trong quản trị rủi ro, chuyển đổi thành công hệ thống Core-card Smart Vista và chuyển đổi môi trường văn phòng số E-office cho toàn hệ thống. KienlongBank kỳ vọng sẽ hoàn tất công tác chuẩn bị cho quá trình chuyển đổi số toàn diện với việc chuyển đổi thành công ngân hàng lõi Core-bank và chuyển đổi thành công mô hình kinh doanh mục tiêu.





## ĐỘNG LỰC BỨT PHÁ MẠNH MỀ

Bước sang năm 2023 - năm bán lẻ trong lộ trình chiến lược số hóa đồng thời cũng là năm khởi đầu cho nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản trị mới, KienlongBank đặt ra tầm nhìn trở thành một ngân hàng hiện đại, mở đầu cho kỷ nguyên số hóa toàn diện ngành ngân hàng, đưa kênh số hóa và sản phẩm số hóa trở thành động lực chính cho sự tăng trưởng quy mô, hiệu quả của ngân hàng trong giai đoạn tới. KienlongBank tiếp tục triển khai các sản phẩm số hóa tích hợp trên nền tảng sản phẩm số đơn lẻ đã phát triển và ứng dụng công nghệ AI hỗ trợ phục vụ nhu cầu khách hàng; đồng thời, tích cực xây dựng hệ sinh thái với các đối tác thương mại điện tử - đại lý ngân hàng, nhằm gia tăng giá trị trong một "điểm chạm" đối các khách hàng.

Với mục tiêu trên, năm 2023 sẽ là năm rất quan trọng và đầy thử thách với KienlongBank khi phải thực hiện hai mục tiêu kép chuẩn bị nền tảng vững vàng cho sự bứt phá và tiếp tục duy trì hiệu quả hoạt động kinh doanh doanh. Nhưng Tôi tin rằng, với những công tác chuẩn bị đầy đủ, sự tối rên trước diễn biến phức tạp của thị trường tài chính cùng sự nỗ lực, đoàn kết của gần 5.000 cán bộ nhân viên, KienlongBank sẽ hoàn thành tất cả mục tiêu đặt ra, mang lại giá trị cống hiến cho xã hội, cộng đồng và giá trị lợi ích tối ưu cho các cổ đông.

Một lần nữa, Tôi chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các Quý khách hàng đã tin tưởng lựa chọn và đồng hành của KienlongBank, các Quý cổ đông đã tin nhiệm vào sự nỗ lực của các bộ nhân viên KienlongBank trong 28 năm qua.

Kính chúc Quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng!

CHỦ TỊCH HĐQT

TRẦN THỊ THU HẰNG







CHƯƠNG

03

# TỔNG QUAN VỀ KIENLONGBANK







# GIỚI THIỆU CÔNG TY

❖ Tên đầy đủ  
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long

❖ Tên giao dịch quốc tế  
Kien Long Commercial Joint - Stock Bank

❖ Tên gọi tắt  
KienlongBank

❖ Công ty kiểm toán  
Công ty TNHH kiểm toán & tư vấn A&C

❖ Chủ tịch HĐQT  
Bà Trần Thị Thu Hằng

❖ Tổng Giám đốc  
Ông Trần Ngọc Minh

❖ Mã số thuế  
1700197787

❖ Mã giao dịch Swift  
KLBKVNXX

- Ngày 27/10/1995, Ngân hàng Kiên Long chính thức đi vào hoạt động.
- Giấy phép thành lập: Số 0056/NH-GP ngày 18/09/1995 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995, đăng ký thay đổi lần thứ 40, ngày 17 tháng 12 năm 2021.
- Ngân hàng có một Công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Kiên Long.
- Mạng lưới hoạt động gồm có:

## HỘI SỞ

2 VĂN PHÒNG  
ĐẠI DIỆN

134 CHI NHÁNH,  
PHÒNG GIAO DỊCH  
TRÊN TOÀN QUỐC

### Hoạt động chính:

- ❖ Huy động vốn ngắn, trung và dài hạn theo các hình thức tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi thanh toán, chứng chỉ tiền gửi.
- ❖ Cấp tín dụng dưới hình thức cho vay, bảo lãnh, bao thanh toán, chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá.
- ❖ Cung ứng các phương tiện thanh toán, cung ứng dịch vụ thanh toán, kinh doanh ngoại hối và thực hiện dịch vụ ngân hàng khác.





# TẦM NHÌN & SỨ MỆNH

## TẦM NHÌN

Trở thành thương hiệu Xanh và phát triển bền vững trong ngành Ngân hàng Việt Nam.

## SỨ MỆNH

Cung cấp dịch vụ ngân hàng chuyên nghiệp, luôn mang lại giá trị gia tăng đối với khách hàng, cổ đông; chia sẻ giá trị Xanh và tiên phong tham gia các chương trình, hoạt động Xanh vì lợi ích phát triển cộng đồng tại Việt Nam.



# GIÁ TRỊ CỐT LÕI

## TÂM

Dùng chữ "TÂM" để giao tiếp, hợp tác, phục vụ giữa con người với con người.

## TÍN

Lãnh đạo có uy tín với nhân viên - Nội bộ đồng lòng, đoàn kết, gắn bó lâu dài; Nhân viên tạo được sự tin nhiệm với khách hàng - Tạo sự gắn kết, trung thành.

## KIÊN

Chia sẻ thông tin, ước mơ và thành công với khách hàng; chia sẻ những lúc khó khăn với khách hàng - Chính phục, Bản lĩnh vượt qua khó khăn - Kiên định

## XANH

Môi trường - Sức sống - Kỳ vọng - Hy vọng.





# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



## 1995

- Ngày 27 tháng 10 năm 1995, KienlongBank được thành lập với tên gọi Ngân hàng TMCP Nông thôn Kiên Long. Trụ sở chính đặt tại xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.
- Vốn điều lệ 1,2 tỷ đồng, 10 CBNV.

## 1996

- KienlongBank là Ngân hàng TMCP đầu tiên tại Kiên Giang thực hiện truyền số liệu kế toán qua mạng điện thoại từ các đơn vị về Hội sở hàng ngày.
- Mở rộng thêm 3 PGD: Số 01, Số 02, Số 03.

## 2000

- Tăng vốn điều lệ lên 4,5 tỷ đồng.

## 2006

- KienlongBank chuyển đổi mô hình từ Ngân hàng Nông thôn thành Ngân hàng Đô thị và đổi tên thành Ngân hàng TMCP Kiên Long.
- Được Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam trao tặng Bằng khen vì đã có thành tích trong công tác từ năm 2001 đến năm 2005, góp phần vào xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

## 2007

- Có 6 CN và 14 PGD.
- Tăng vốn điều lệ lên 580 tỷ đồng.
- Nhận Huân chương Lao động Hạng 3 do Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2002 đến 2006.
- Nhận Bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Tài chính vì đã có thành tích chấp hành tốt chính sách thuế năm 2006.

## 2014

- Triển khai ứng dụng Kienlong Mobile Banking.
- Đưa vào hoạt động website mới: www.kienlongbank.com.
- Gia nhập Hệ thống Visa quốc tế
- Đạt Chứng nhận 77/1.000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất năm 2013.
- Đạt Chứng nhận 55/500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2013 do Việt Nam Report cấp.
- 3.375 CBNV, CTV.

## 2015

- Nâng cấp Hệ thống Thẻ với công nghệ tiên tiến của Tập đoàn Sungard tại Mỹ, hoạt động trên phạm vi toàn cầu.
- Triển khai nộp thuế điện tử, thanh toán trực tuyến.
- 27 CN và 76 PGD, 3.585 CBNV, CTV.

## 2016

- 28 CN và 89 PGD.
- Phát hành thẻ tín dụng quốc tế KienlongBank Visa và Đại sứ thương hiệu là Ông Henrique Calisto.
- Áp dụng đầu số Hotline mới 1900 6929.
- Hoàn thành Trung tâm dữ liệu và nâng cấp hệ thống Core thẻ.

## 2017

- Cổ phiếu KienlongBank (Mã chứng khoán KLB) chính thức giao dịch trên sàn UPCoM.
- Ký kết hợp đồng hợp tác với tổ chức Thẻ quốc tế JCB.
- Mở rộng kênh thanh toán dịch vụ Internet Banking.
- Triển khai dịch vụ thu thuế điện tử kết nối Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan.
- 4.113 CBNV, CTV.

## 2018

- Tăng vốn điều lệ lên 3.236,96 tỷ đồng.
- 31 CN và 103 PGD.
- Phát hành thẻ tín dụng quốc tế KienlongBank JCB.
- Ký kết thỏa thuận hợp tác tư vấn triển khai Thông tư 13/2018/TT-NHNN và Thông tư 41/2016/TT-NHNN với Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG.

## 2019

- Ký kết phân phối sản phẩm bảo hiểm với Công ty AIA Việt Nam. Phát hành thẻ ghi nợ quốc tế KienlongBank JCB/ Visa.
- Tất toán trước hạn toàn bộ trái phiếu VAMC.
- Top 100 công ty đại chúng lớn nhất Việt Nam (Ngân hàng thứ 22) do Forbes Việt Nam bình chọn.
- Top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (Profit 500) 3 năm liên: 2017, 2018 và 2019.

## 2020

- Tiếp tục đứng trong bảng xếp hạng Top VNR500, Top FAST500 và Top PROFIT500.
- Được vinh danh "Ngân hàng tiêu biểu vì cộng đồng".
- Đạt giải thưởng Ngân hàng dẫn đầu về phát hành thẻ tín dụng JCB.
- Hoàn thành Dự án tư vấn đánh giá hệ thống công nghệ thông tin.
- Nâng cấp thẻ từ lên thẻ chip VCCS với Napas.

## 2021

- Tăng vốn điều lệ lên 3.652,81 tỷ đồng.
- Kỷ niệm 26 năm thành lập và ra mắt Logo, Bộ nhận diện thương hiệu mới.
- Lần đầu tiên đưa vào hoạt động hệ thống máy giao dịch tự động thẻ hệ mới STM.
- Ra mắt ứng dụng Mobile Banking mới - KienlongBank Plus.

## 2022

- Nâng cấp, chuyển đổi thành công hệ thống core Thẻ Smart Vista.
- Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro theo chuẩn mực Basel II.
- KienlongBank được vinh danh Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2022
- Ứng dụng KienlongBank Plus lọt top các Sản phẩm, Dịch vụ, Giải pháp Chuyển đổi số tiêu biểu tại Vietnam Digital Awards 2022





# GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

**Trải qua 27 năm hình thành và phát triển, KienlongBank đã vinh dự nhận được nhiều giải thưởng danh giá từ các cơ quan, ban, ngành ghi nhận những nỗ lực không ngừng của Ngân hàng.**



KienlongBank được vinh danh  
Top 500 Doanh nghiệp có lợi  
nhuận tốt nhất Việt Nam năm  
2022



Ứng dụng KienlongBank Plus lọt top  
các Sản phẩm, Dịch vụ, Giải pháp  
Chuyển đổi số tiêu biểu tại Vietnam  
Digital Awards 2022



Ngân hàng dẫn đầu về tăng  
trưởng doanh số chi tiêu thẻ  
ghi nợ 2021



Ngân hàng dẫn đầu về tỷ lệ  
tăng trưởng trong dịch vụ  
Napas 24/7 2022



Ngân hàng dẫn đầu về  
doanh số chi tiêu thẻ ghi nợ  
2021



TOP 500  
Nhà tuyển dụng Việt Nam



Bằng khen của Chủ tịch UBND Tỉnh  
Kiên Giang về đạt thành tích xuất sắc  
trong phong trào thi đua thực hiện  
nộp ngân sách nhà nước

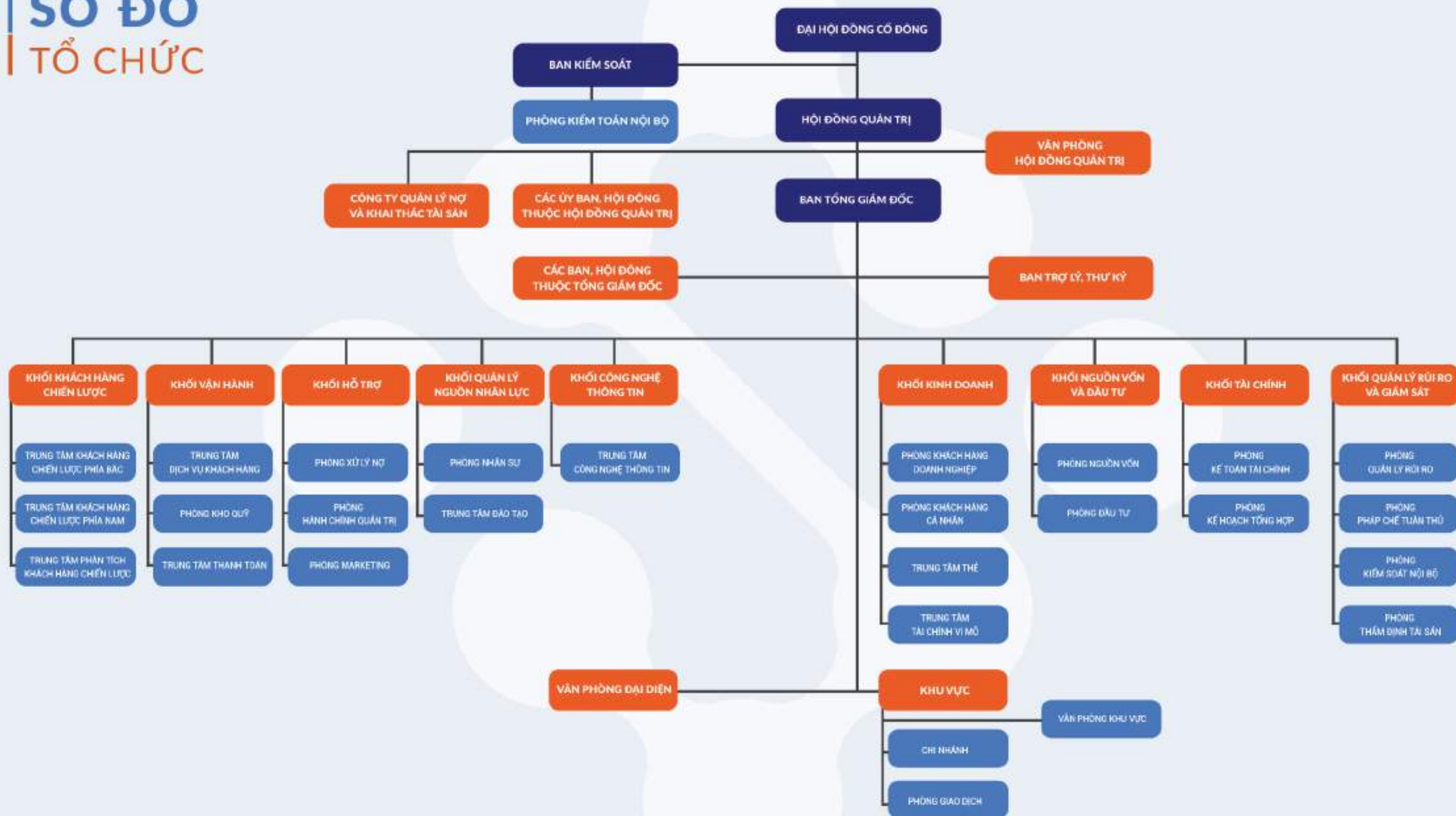


Bằng khen của Chủ tịch UBND  
Tỉnh Kiên Giang về đóng góp  
an sinh xã hội 2021





# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC







# GIỚI THIỆU

## CƠ CẤU BAN LÃNH ĐẠO





**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

**Kinh nghiệm:**

Bà Trần Thị Thu Hằng có hơn 10 năm kinh nghiệm trong ngành ngân hàng, giai đoạn 2011-2018, bà trải qua một số vị trí quản lý ở LienVietPostBank và MSB. Bà còn từng giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc tại Tập đoàn lớn.

Từ ngày 28/01/2021 đến ngày 31/01/2021, Bà giữ chức vụ Thành viên HĐQT KienlongBank.

Bà đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT KienlongBank từ ngày 01/02/2021 đến ngày 02/05/2021.

Từ ngày 03/05/2021 đến hết ngày 25/05/2021, Bà giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT phụ trách hoạt động HĐQT KienlongBank.

Bà giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT KienlongBank kể từ ngày 26/05/2021.

**Bà Trần Thị Thu Hằng**  
Chủ tịch HĐQT

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sĩ kinh tế - Học viện Ngân hàng

**Kinh nghiệm:**

Ông từng nắm giữ các vị trí quản lý tại ngân hàng (Phó Giám đốc Kinh doanh Chi nhánh, Trưởng Phòng Thẩm định Hội sở), Phụ trách Tài chính các Doanh nghiệp/ Tập đoàn lớn (Giám đốc Nguồn vốn, Trưởng Ban Tài chính, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính).

Ông gia nhập và đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 07/01/2021.

Trong giai đoạn từ ngày 15/10/2021 đến ngày 08/12/2021, Ông được bổ nhiệm Quyền Tổng Giám đốc KienlongBank.

Từ ngày 09/12/2021, Ông chính thức đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc KienlongBank.

Ông đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 28/12/2021 đến nay.

**Ông Trần Ngọc Minh**  
Thành viên HĐQT, kiêm TGD

# | HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Trình độ chuyên môn:**

Tiến sĩ Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Nam California (Mỹ).

**Kinh nghiệm:**

Hiện Ông là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc U&I Group, Thành viên Ban Nghiên cứu Phát triển kinh tế tư nhân của Chính phủ, Chủ tịch Liên đoàn Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương, Chủ tịch Liên đoàn Vovinam Thế giới, Chủ tịch Liên đoàn Vovinam Việt Nam.

Ông là Thành viên độc lập HĐQT KienlongBank kể từ tháng 04/2013 đến tháng 04/2018.

Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT KienlongBank từ ngày 26/04/2018 đến nay.

**Ông Mai Hữu Tín**  
Phó Chủ tịch HĐQT

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

**Kinh nghiệm:**

Ông đã từng phụ trách công việc Kế toán, Kế toán trưởng, Trưởng phòng đầu tư tài chính, Trưởng phòng tài chính, Trưởng Ban kiểm soát, Thành viên HĐQT của các công ty trong và ngoài nước tại Việt Nam, Trợ lý Chủ tịch HĐQT KienlongBank.

Ông là Thành viên HĐQT KienlongBank kể từ tháng 04/2013 đến tháng 04/2018.

Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT KienlongBank từ ngày 26/04/2018 đến nay.

**Ông Phạm Trần Duy Huyền**  
Phó Chủ tịch HĐQT





**Ông Bùi Thanh Hải**  
Thành viên HĐQT

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Luật - Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.  
Thẻ thẩm định viên về giá của Bộ Tài chính.

**Kinh nghiệm:**

Ông từng nắm giữ các vị trí Giám đốc, Thành viên HĐQT tại các doanh nghiệp trong nước.

Từ tháng 10/2012 đến tháng 03/2013, ông đảm nhiệm Phó Phòng Pháp chế và Xử lý nợ KienlongBank.

Từ tháng 04/2013 đến tháng 04/2019, ông là Thành viên HĐQT KienlongBank.

Từ tháng 04/2014 đến tháng 01/2018, ông là Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản KienlongBank.

Từ tháng 02/2018 đến nay, ông đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản KienlongBank.

Ông đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT KienlongBank từ ngày 28/12/2018 đến nay.



**Bà Nguyễn Thụy Quỳnh Hương**  
Thành viên HĐQT

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng - Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh, Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Thạc sĩ Quản trị điều hành cao cấp - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

**Kinh nghiệm:**

Bà từng làm việc tại Công ty liên doanh Gạch CeramicDotalia và hoạt động đầu tư kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác.

Bà đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT KienlongBank từ tháng 04/2014 đến nay.

Bà đảm nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản KienlongBank từ tháng 04/2014 đến nay.



# | HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Bà Trần Tuấn Anh**  
Thành viên HĐQT

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Tài chính - Tín dụng - Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, Thạc sĩ Luật - Chuyên ngành Luật kinh tế - Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.

**Kinh nghiệm:**

Bà từng đảm nhiệm các chức vụ Phó Phòng Dịch vụ Địa ốc, Trưởng Ban Pháp chế của Ngân hàng Phát triển TP. Hồ Chí Minh; Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Pháp chế, Thành viên HĐQT chuyên trách kiêm Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.

Từ ngày 02/07/2014 đến ngày 23/02/2018, Bà đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank.

Ngày 24/02/2018, Bà đảm nhiệm chức vụ Quyền Tổng Giám đốc KienlongBank. Từ ngày 23/04/2018 đến ngày 14/10/2021, Bà đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc KienlongBank.

Bà đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT KienlongBank từ ngày 26/04/2018 đến nay.



**Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh**  
Thành viên độc lập HĐQT

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Delaware State University, Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Cử nhân Ngoại ngữ - Trường Đại học Ngoại Ngữ.

**Kinh nghiệm:**

Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh tế. Bà từng giữ vị trí Trưởng ban Tài chính Tập đoàn Geleximco; Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư tổng hợp Hà Nội; Chủ tịch HĐQT công ty quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán An Bình. Bà đảm nhiệm nhiều vị trí, chức vụ quan trọng là Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc trong các công ty, Tập đoàn BĐS lớn tại Việt Nam.

Bà đảm nhiệm chức vụ Thành viên độc lập HĐQT KienlongBank từ ngày 28/12/2021 đến nay.



**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Southern California University for Professional Studies. Cử nhân Kinh tế Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Chứng chỉ Kiểm toán viên Bộ Tài chính

**Kinh nghiệm:**

Ông có nhiều năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí, chức vụ quan trọng.

Ông từng đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng Kiểm toán – Kiểm soát tuân thủ Miền Nam Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank).

Từ tháng 03/2013 đến tháng 04/2018 Trưởng Ban Kiểm soát KienlongBank. Từ tháng 04/2018 đến tháng 01/2021 Chủ tịch Hội đồng quản trị KienlongBank.

Từ tháng 02/2021 đến tháng 04/2021 Thành viên Hội đồng quản trị KienlongBank.

Ông đảm nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát KienlongBank từ ngày 28/12/2021 đến ngày 01/01/2022.

Ông đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban kiểm soát KienlongBank từ ngày 01/01/2022 đến nay.



**Ông Lê Khắc Gia Bảo**  
Trưởng Ban kiểm soát

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Kinh tế Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

**Kinh nghiệm:**

Bà có nhiều năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí, chức vụ quan trọng. Bà từng đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng Phòng Kế hoạch và QLDN Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt. Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ - Khối Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Trưởng phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu. Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ Công ty cổ phần Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji.

Bà đảm nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát KienlongBank từ ngày 28/12/2021 đến nay.



**Bà Đỗ Thị Tuyết Trinh**  
Thành viên Ban Kiểm soát



# | **BAN KIỂM SOÁT**

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

**Kinh nghiệm:**

Ông đã từng là Thanh tra viên tài chính cấp 1, Giám định viên tài chính – kế toán, Phó Trưởng phòng quản lý ngân sách.

Ông đảm nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát KienlongBank tháng 04/2014 đến nay.



**Ông Đặng Minh Quân**  
Thành viên Ban Kiểm soát

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

**Kinh nghiệm:**

Ông từng đảm nhiệm các chức vụ Giám đốc Kiểm tra Miền Nam tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.

Từ tháng 08/2015, Ông giữ chức vụ Trưởng Kiểm toán nội bộ KienlongBank.

Ông đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát KienlongBank từ ngày 26/04/2018 đến ngày 01/01/2022.

Ông đảm nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát KienlongBank từ ngày 01/01/2022 đến nay.



**Ông Nguyễn Cao Cường**  
Thành viên Ban Kiểm soát

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Kinh tế Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

**Kinh nghiệm:**

Bà từng làm Trưởng Nhóm kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán độc lập, bà từng tham gia kiểm toán đối với nhiều tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại, định chế tài chính lớn trong và ngoài nước.

Bà đảm nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát KienlongBank từ ngày 28/12/2021 đến nay.



**Bà Vũ Hạnh Ngân**  
Thành viên Ban Kiểm soát



**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sĩ kinh tế - Học viện Ngân hàng

**Kinh nghiệm:**

Ông từng nắm giữ các vị trí quản lý tại ngân hàng (Phó Giám đốc Kinh doanh Chi nhánh, Trưởng Phòng Thẩm định Hội sở), Phụ trách Tài chính các Doanh nghiệp/Tập đoàn lớn (Giám đốc Nguồn vốn, Trưởng Ban Tài chính, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính).

Ông gia nhập và đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 07/01/2021.

Trong giai đoạn từ ngày 15/10/2021 đến ngày 08/12/2021, Ông được bổ nhiệm Quyền Tổng Giám đốc KienlongBank.

Từ ngày 09/12/2021, Ông chính thức đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc KienlongBank.

Ông đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 28/12/2021 đến nay.

**Ông Trần Ngọc Minh**  
Thành viên HĐQT, kiêm TGD

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Kinh tế ngành Ngân hàng trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

**Kinh nghiệm:**

Ông từng là Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.

Tháng 12/2012, Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank.

Tháng 12/2013, Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank kiêm Giám đốc Phòng Đầu tư.

Từ ngày 26/04/2018 đến tháng 01/2021, Ông đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc KienlongBank.

Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 28/01/2021 đến nay.

**Ông Lê Trung Việt**  
Phó Tổng Giám đốc

# BAN ĐIỀU HÀNH

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Ngân hàng trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

**Kinh nghiệm:**

Ông từng nắm giữ các vị trí quản lý tại ngân hàng Ông từng là Giám đốc Phòng Giao dịch, Giám đốc Chi nhánh, Trợ lý Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc KienlongBank kiêm Giám đốc Chi nhánh.

Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ tháng 10/2016 đến nay.

**Ông Nguyễn Hoàng An**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Ngân hàng trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

**Kinh nghiệm:**

Bà từng là Kế toán trưởng, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.

Bà được bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Phòng Kế toán - Tài chính của KienlongBank từ ngày 02/07/2014.

Bà đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc, kiêm Kế toán trưởng, kiêm Giám đốc Phòng Kế toán - Tài chính KienlongBank từ ngày 01/07/2018 đến nay.

**Bà Phạm Thị Mỹ Chi**  
Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng





**Ông Nguyễn Văn Minh**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân điện tử viễn thông, trường Đại học Khoa học Tự nhiên – Đại học Quốc gia Hà Nội.

**Kinh nghiệm:**

Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin, từng thiết kế và xây dựng nhiều dự án phần mềm cho các tổ chức, cơ quan nhà nước và doanh nghiệp trong và ngoài nước. Chức vụ đảm nhiệm gần nhất là Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH SSF Investment.

Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin KienlongBank từ ngày 07/01/2021 đến ngày 30/05/2021.

Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 31/05/2021 đến nay.



**Ông Trần Hồng Minh**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Kinh tế Đầu tư - Đại Học Kinh tế Quốc Dân.

**Kinh nghiệm:**

Ông có gần 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại các ngân hàng lớn như: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ...

Trước khi được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank, ông Minh giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Khách hàng chiến lược phía Bắc từ tháng 03/2021 đến tháng 11/2022.

Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 26/11/2022 đến nay.



# | BAN ĐIỀU HÀNH



**Ông Trần Văn Thái Bình**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân điện tử viễn thông, trường Đại học Khoa học Tự nhiên – Đại học Quốc gia Hà Nội.

**Kinh nghiệm:**

Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin, từng thiết kế và xây dựng nhiều dự án phần mềm cho các tổ chức, cơ quan nhà nước và doanh nghiệp trong và ngoài nước. Chức vụ đảm nhiệm gần nhất là Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH SSF Investment.

Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin KienlongBank từ ngày 07/01/2021 đến ngày 30/05/2021.

Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 31/05/2021 đến nay.



**Bà Nguyễn Thị Thanh Hương**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Tài chính, Ngân hàng.

**Kinh nghiệm:**

Ông từng nắm giữ các vị trí quản lý tại ngân hàng Ông Bà có hơn 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Bà đảm nhiệm nhiều vị trí, chức vụ quan trọng tại các ngân hàng lớn: Quyền Tổng Giám đốc tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt; Giám đốc Vùng tại Ngân hàng Quốc tế; Giám đốc chi nhánh tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;...

Bà gia nhập KienlongBank và đảm nhiệm chức vụ Cố vấn Chủ tịch Hội đồng quản trị từ năm 2021. Bà chính thức đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc KienlongBank từ ngày 05/01/2023.





# CÔNG TY TRỰC THUỘC

Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản (KBA) - Ngân hàng TMCP Kiên Long

**1 Tên tiếng Việt:** Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Kiên Long

**2 Tên tiếng Anh:** KienlongBank Asset Management Company

**3 Tên viết tắt:** Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng Kiên Long

**4 Trụ sở chính:** Tầng 6, Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, P. Vĩnh Thanh Vân, Tp. Rạch Giá, T. Kiên Giang

**5 Thông tin liên hệ:**

Điện thoại: (0297) 386 9950

Email: kba@kienlongbank.com

Mã số thuế: 1701452905



VỐN ĐIỀU LỆ  
**500 TỶ**

**6 Lĩnh vực hoạt động:**

- Cung cấp dịch vụ tư vấn giá bất động sản cho khách hàng vay tại KienlongBank.

- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho hàng phục vụ khách hàng vay thế chấp tài sản bảo đảm là hàng hóa tại KienlongBank và các đối tượng khách hàng khác.



# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông Ngân hàng TMCP Kiên Long tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông (cổ đông)	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỉ lệ sở hữu (%)
<b>1</b>	<b>Trong nước</b>	<b>1.936</b>	<b>365.281.649</b>	<b>100,00</b>
	Tổ chức	6	17.275.219	4,73
	Cá nhân	1.929	344.206.430	94,23
	Cổ phiếu quỹ	1	3.800.000	1,04
<b>2</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>4</b>	<b>229</b>	<b>0,00</b>
	Tổ chức	-	-	-
	Cá nhân	4	229	0,00
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.940</b>	<b>365.281.878</b>	<b>100,00</b>

KienlongBank





# DẤU ẤN 2022

## 10 SỰ KIỆN NỔI BẬT 2022







## 1

**KienlongBank gây ấn tượng tại sự kiện "Chuyển đổi số" ngành Ngân hàng**

Là một trong số 13 ngân hàng, tổ chức tín dụng tiêu biểu tham gia ngày chuyển đổi số ngành Ngân hàng, KienlongBank ghi dấu với hệ thống máy giao dịch ngân hàng tự động Smart Teller Machine (STM), bộ giải pháp tiêu biểu giúp tái định hình lại hành vi và thói quen của người dùng trong thời đại số.

Với phương châm lấy khách hàng làm trọng tâm, chuyển đổi số được xác định là giải pháp chiến lược giúp ngành Ngân hàng vượt lên thách thức kỷ nguyên số và tận dụng tối đa những thành quả của cuộc CMCN 4.0. Trong khuôn khổ sự kiện đã diễn ra nhiều hoạt động nhằm tăng cường kết nối, thúc đẩy chuyển đổi số với những bài tham luận về các giải pháp ứng dụng công nghệ vào phát triển sản phẩm/dịch vụ ngân hàng bên cạnh khu trưng bày các sản phẩm/dịch vụ tiêu biểu về ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số của các đơn vị tham gia.

Với những tính năng và công nghệ vượt trội, máy STM hứa hẹn sẽ góp phần vào việc hiện thực hóa hành trình chuyển đổi số chung của ngành Ngân hàng.



Đây là sản phẩm được nghiên cứu và sản xuất tại Việt Nam tích hợp phần mềm điều khiển máy tự phát triển (UniCAT) đạt chuẩn quốc tế EMVCO L2. Với dịch vụ xác thực danh tính (bằng căn cước công dân gắn chip, xác thực bằng tĩnh mạch), STM được đánh giá là một trong những dòng máy đạt độ chính xác cao nhất tại Việt Nam hiện nay, đồng thời cũng là máy giao dịch ngân hàng tự động duy nhất được sản xuất hoàn toàn trong nước, từ thiết bị phần cứng đến phần mềm, đã vượt qua chứng thực bảo mật thẻ của Mỹ (EMV Level 2), chứng chỉ VCCS của NAPAS... đảm bảo an toàn trong vận hành.

Bằng việc làm chủ nền tảng phần mềm hiện đại, cùng với khả năng tùy biến được phần cứng, STM được thiết kế tương đồng với hệ thống core banking của các ngân hàng truyền thống, dẫn đến việc tối ưu hơn trong khâu tích hợp cũng như bảo dưỡng, bảo trì sau này.

## 2

**KienlongBank nâng cấp thành công hệ thống core Thẻ Smart Vista**

Việc chuyển đổi hệ thống core Thẻ đánh dấu bước chuyển quan trọng trong chặng đường bứt tốc kỷ nguyên số của KienlongBank, giúp hiện thực hóa mục tiêu trở thành Ngân hàng số hiện đại và thân thiện trong 5 năm tới. Quá trình chuyển đổi hệ thống core Thẻ được KienlongBank đồng bộ trên tất cả các kênh: quản lý thẻ nội địa, thẻ quốc tế Visa, JCB; triển khai mới MasterCard; quản lý giao dịch thẻ nội địa và quốc tế; quản lý hệ thống ATM/POS/STM...

Hệ thống core Thẻ mới của KienlongBank được phát triển dựa trên bộ sản phẩm Smart Vista và được tùy biến với những yêu cầu riêng của Ngân hàng. Ưu điểm của hệ thống này sẽ giúp quản lý và đáp ứng được sự gia tăng đột biến số lượng khách hàng cũng như xử lý được các giao dịch lớn. Smart Vista giúp quản lý toàn diện toàn bộ hệ thống máy ATM/POS/STM và hệ thống Thẻ. Đặc biệt, với sự liên kết giữa hệ thống Thẻ và các kênh thanh toán điện tử của ngân hàng cũng sẽ đem lại cho chủ thẻ nhiều trải nghiệm và tiện lợi hơn khi thanh toán online.

Việc chuyển đổi hệ thống Thẻ được kỳ vọng sẽ đáp ứng toàn bộ yêu cầu kết nối, tích hợp từ các hệ thống khác của Ngân hàng như: Internet Banking, Mobile Banking, core Banking... qua đó hỗ trợ tối ưu cho việc phát triển các sản phẩm Thẻ, các kênh kết nối và trung gian thanh toán. Đặc biệt, với cấu trúc hiện đại và linh hoạt, hệ thống mới có thể điều chỉnh quy trình quản lý của KienlongBank, giảm thiểu các chi phí bảo hành - bảo trì, dễ dàng tùy biến để phù hợp với nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng.

Với việc chuyển đổi thành công và sử dụng hệ thống quản lý thẻ mới, KienlongBank chính thức áp dụng những ứng dụng công nghệ hiện đại theo các chuẩn mực quốc tế. Hệ thống mới đề cao tính an toàn bảo mật được PA-DSS xác thực, đảm bảo các tiêu chuẩn về bảo mật và an toàn dữ liệu thẻ như PCI-DSS của tổ chức thẻ quốc tế Visa/MasterCard/JCB.



## 3

**KienlongBank gia tăng lợi thế cạnh tranh với việc phát triển chuỗi các sản phẩm số hoá**

Đứng trước nhu cầu ngày càng lớn của khách hàng về những trải nghiệm ngân hàng liền mạch, cá nhân hóa liên tục mọi lúc, mọi nơi, việc phát triển chuỗi các sản phẩm số hoá đã và đang trở thành chiến lược dài hạn trong hành trình chinh phục khách hàng của KienlongBank.

**Rút - chuyển tiền liên ngân hàng chỉ với mã QR trên máy STM**

Theo đó, với tính năng quét mã QR trên máy STM của KienlongBank, khách hàng có thể dễ dàng rút - chuyển tiền liên ngân hàng thông qua ứng dụng Mobile Banking của bất kỳ ngân hàng nào, hoàn toàn không cần đến thẻ nhựa truyền thống (thẻ vật lý). Các thao tác thanh toán được thực hiện dễ dàng, nhanh chóng mà không cần phải nhập các thông tin chi tiết người thụ hưởng như cách sử dụng Mobile Banking truyền thống.

**Hoàn thiện bộ giải pháp tài chính cho chuỗi cửa hàng bán lẻ**

Được tích hợp ngay trên siêu ứng dụng KienlongBank Plus, MyShop được trang bị nhiều tính năng thiết thực hơn cho các chủ cửa hàng so với cùng phân khúc như hỗ trợ thiết lập tài khoản giao dịch ngân hàng dưới dạng nickname dễ nhớ; theo dõi dòng tiền, thống kê và trích xuất báo cáo doanh thu cho từng cửa hàng trong hệ thống; hỗ trợ tích hợp với các giải pháp quản lý bán hàng của các bên thứ 3 và đặc biệt tạo ra một kênh giao tiếp riêng giúp chủ shop có thể chia sẻ biến động số dư tài khoản ngân hàng với nhiều nhân viên với nhau nhưng vẫn đảm bảo tính bảo mật thông tin và phân quyền cần thiết.

**Chuyển đổi thẻ ghi nợ từ thẻ từ sang thẻ chip**

KienlongBank là một trong những đơn vị tiên phong trong việc thực hiện chuyển đổi thẻ ghi nợ nội địa từ thẻ từ sang thẻ chip. Việc chuyển đổi thẻ từ sang thẻ chip sẽ hạn chế được tình trạng tội phạm đánh cắp dữ liệu thẻ để chế tạo thẻ giả nhằm rút trộm tiền, hạn chế các rủi ro về gian lận giả mạo trong thanh toán thẻ, đảm bảo an toàn thanh toán cho khách hàng.

**Đa tiện ích thẻ trên ứng dụng KienlongBank Plus**

Với mong muốn đem lại cho khách hàng trải nghiệm hoàn hảo, các tính năng, dịch vụ thẻ hoàn toàn vượt trội được "số hóa" ngay trên ứng dụng KienlongBank Plus sẽ giúp khách hàng "chạm" với mọi tính năng thẻ được tích hợp. Theo đó chỉ với ứng dụng KienlongBank Plus, khách hàng có thể Mở/khóa thẻ; Mở/khóa thanh toán trực tuyến; Kích hoạt thẻ; Thanh toán dư nợ Thẻ tín dụng; Cài đặt trích nợ tự động.







## 4

**KienlongBank hoàn thiện chuẩn Basel II về hệ thống quản trị ngân hàng**

Trong chiến lược phát triển đến năm 2025, ngoài mục tiêu trở thành Ngân hàng số hàng đầu Việt Nam, KienlongBank còn hướng tới trở thành một trong những ngân hàng bán lẻ hiện đại, phát triển bền vững trên thị trường tài chính ngân hàng. Đồng thời với đó, Ngân hàng đã hoàn thành chuẩn Basel II về hệ thống quản trị ngân hàng theo chuẩn mực quốc tế. Đây là một trong những yếu tố then chốt quyết định sự phát triển an toàn, hiệu quả và bền vững của hệ thống Ngân hàng Kiên Long. Điều này giúp phát triển hệ thống các TCTD đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế trong năm 2020 và giai đoạn 2021-2025.



Ngoài ra, Ngân hàng cũng tiến hành nghiên cứu, ban hành tiêu chí để triển khai áp dụng Basel III; Hoàn thiện cơ sở pháp lý, cơ chế chính sách về ổn định tài chính, chính sách an toàn vĩ mô, công cụ an toàn vĩ mô,... Tiếp tục rà soát, sửa đổi, hoàn thiện hệ thống pháp luật về cơ cấu lại và xử lý nợ xấu,... Hoàn thiện hành lang pháp lý, cơ chế, chính sách cho hoạt động thanh toán và chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng; Hoàn thiện hành lang pháp lý để quản lý hoạt động cho vay tiêu dùng phù hợp với thực tế.

## 5

**Năm 2022, KienlongBank ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 682 tỷ đồng**

Năm 2022 trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức nói chung và ngành ngân hàng nói riêng, song với sự chỉ đạo sát sao của NHNN, KienlongBank đã triển khai đồng bộ, linh hoạt các giải pháp, góp phần ổn định tình hình hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian qua. Các hoạt động đều đảm bảo chất lượng, hiệu quả, an toàn và bền vững.

Kết thúc năm tài chính 2022, bám sát theo các mục tiêu trọng yếu và các chỉ tiêu kinh doanh được ĐHCĐ thông qua, KienlongBank đã hoàn thành vượt kế hoạch năm. Lũy kế năm 2022, lợi nhuận trước thuế KienlongBank đạt gần 682 tỷ đồng và ghi nhận 544,5 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Đặc biệt, tổng thu nhập hoạt động tăng 294,4 tỷ đồng, tăng 12,70% so với năm trước, chủ yếu do thu nhập lãi thuần tăng 160,6 tỷ đồng, tăng 8,32% so với cùng kỳ. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tăng 140,4 tỷ đồng, tức tăng 54,92% so với năm 2021.

Tại thời điểm 31/12/2022, tổng tài sản hợp nhất của KienlongBank ghi nhận gần 85.760 tỷ đồng. Tổng huy động vốn đạt 75.843 tỷ đồng, Tổng dư nợ tín dụng đạt hơn 45.498 tỷ đồng, tăng 16,12% so với năm 2021. Tỷ lệ nợ xấu tiếp tục kiểm soát dưới 1,18%. Trong năm 2022, nhằm tích lũy nguồn lực xử lý rủi ro và đảm bảo hoạt động an toàn, bền vững, KienlongBank cũng đã tăng cường trích lập dự phòng để kiểm soát, ngăn ngừa nợ xấu, Ngân hàng đã nâng cao chất lượng tín dụng, tăng tỷ lệ trích lập phòng ngừa rủi ro, tạo bộ đệm dự phòng lớn.



## 6

**KienlongBank triển khai chương trình hỗ trợ nhằm đồng hành cùng cộng đồng doanh nghiệp**

Năm 2022, phát huy tốt vai trò của một ngân hàng thương mại trong việc trợ lực cho nền kinh tế, dựa trên khả năng cùng năng lực tài chính của mình, KienlongBank đã triển khai đa dạng các chương trình hỗ trợ cũng như đồng hành cùng cộng đồng doanh nghiệp trong cả nước.

**Giảm 1% lãi vay, hỗ trợ khách hàng vượt qua Covid-19**

Theo đó, tất cả khách hàng cá nhân/ doanh nghiệp đang vay vốn tại KienlongBank bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 và thỏa các điều kiện của chương trình, sẽ được giảm 1 %/năm so với mức lãi suất đang áp dụng đối với từng khế ước nhận nợ/ khoản vay.

Bên cạnh các chính sách giảm lãi suất, KienlongBank còn miễn phí hoàn toàn dịch vụ chuyển tiền trong nước bằng VND (áp dụng chuyển tiền trong và ngoài hệ thống KienlongBank) trên tất cả các kênh giao dịch qua: Mobile Banking, Internet Banking và Quầy giao dịch; chính sách miễn phí cho khách hàng doanh nghiệp mở tài khoản chi lương tại KienlongBank; miễn phí chuyển đổi thẻ ghi nợ nội địa sang thẻ chip...

**Ưu đãi lãi suất 4.6% cho doanh nghiệp mới**

Gói tín dụng "Siêu ưu đãi Plus dành cho khách hàng doanh nghiệp kết hợp gói hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước" khách hàng doanh nghiệp mới, khi đáp ứng đủ các điều kiện vay vốn, khách hàng sẽ nhận được siêu ưu đãi lãi vay với lãi suất 4,6%/năm (kỳ cố định lãi suất ưu đãi 03 tháng). Sau thời gian 03 tháng hưởng lãi suất ưu đãi, lãi suất cho vay được điều chỉnh theo quy định của KienlongBank trong từng thời kỳ và tiếp tục được hỗ trợ lãi suất 2,0%/năm từ ngân sách nhà nước.

**Giảm lãi suất cho vay lên đến 2%/năm**

Theo đó, với gói tín dụng 4.000 tỷ đồng, KienlongBank dành cho các khách hàng cá nhân, với mức ưu đãi giảm lãi tối đa 1%/ năm so với mức lãi thông thường phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn. Song song với đó, Ngân hàng cũng triển khai gói ưu đãi lãi suất vay dành cho khách hàng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp phụ trợ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, với quy mô 1.000 tỷ đồng. Khách hàng sẽ được hưởng chương trình giảm lãi suất vay từ 0,5% - 2%/năm cùng ưu đãi miễn phí trả nợ trước hạn và ưu đãi giảm phí dịch vụ thanh toán quốc tế lên đến 15%.







## 7 KienlongBank trao tặng căn hộ cao cấp cho khách hàng tham gia chương trình "Sinh nhật Vàng - Trúng nhà Sang"

Ngày 10/02/2023, KienlongBank trang trọng tổ chức lễ trao giải Đặc biệt cho khách hàng tham gia chương trình "Sinh nhật Vàng - Trúng nhà Sang". Đây là món quà Ngân hàng gửi tặng cho khách hàng thay cho lời cảm ơn, tri ân sâu sắc vì sự đồng hành trong sự phát triển hưng thịnh của KienlongBank suốt 27 năm qua.



Chương trình "Sinh nhật Vàng - Trúng nhà Sang" được KienlongBank triển khai từ ngày 09/09/2022 - 31/12/2022 nhân dịp sinh nhật 27 năm Ngân hàng. Sau hơn 03 tháng triển khai, chương trình đã thu hút sự quan tâm và tham gia của hàng triệu khách hàng. Theo đó, khách hàng may mắn nhất là chủ 01 căn hộ Sunshine Sky City. Bên cạnh 27.000 quà tặng trực tiếp, khách hàng may mắn cũng đã được Ngân hàng trao tặng và sở hữu nhiều giải thưởng công nghệ giá trị như: 05 MacBook, 02 iPhone, 10 Apple Watch, 23 AirPods Pro và 48 số tiết kiệm, tài khoản tiết kiệm trị giá 2.700.000 đồng. Tổng giá trị giải thưởng lên tới hơn 10 tỷ đồng.

KienlongBank mong muốn thông qua các chương trình khuyến mại là lời tri ân tới toàn thể Quý khách hàng đã luôn đồng hành và tin tưởng sử dụng dịch vụ. Đại diện Ngân hàng cũng gửi lời cảm ơn và chúc mừng các khách hàng đã may mắn trúng thưởng trong chương trình.

Với mong muốn đồng hành và trở thành một địa chỉ đáng tin cậy cho mọi khách hàng trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tiêu dùng hàng ngày, KienlongBank đang nỗ lực từng ngày để thay đổi mình thông qua việc ứng dụng công nghệ để làm mới sản phẩm, dịch vụ, nhằm tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng trong giai đoạn tăng trưởng mới trên con đường trở thành một Ngân hàng số hiện đại và toàn diện.

## 8 KienlongBank đồng hành và hỗ trợ sự phát triển của ngành giáo dục Việt Nam

Là một trong những Ngân hàng thương mại Việt Nam, trong suốt hành trình 27 năm hình thành và phát triển, bên cạnh thực hiện nhiệm vụ đồng hành và hỗ trợ cùng cộng đồng doanh nghiệp Việt, phục vụ sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn và nền kinh tế, KienlongBank luôn phát huy trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng, ưu tiên dành sự quan tâm đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo. Trong đó, năm 2022 là một năm Ngân hàng dành nhiều nguồn lực cho việc hợp tác, đồng hành, hỗ trợ các cơ sở đào tạo trên cả nước.

**KienlongBank và hành trình chấp cánh ước mơ xanh, cùng trẻ em nghèo vượt khó**

Chung trong không khí tung bừng chào đón năm học mới, KienlongBank cùng với Ban Lãnh đạo trường THPTBT THCS Trung Thượng (huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá) tổ chức chương trình "Chấp cánh ước mơ xanh, cùng em tiến bước tới trường".

Thấu hiểu những khó khăn trong công tác giảng dạy và học tập tại các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, đồng thời trợ giúp các em học sinh và thầy cô trong hoạt động tiếp cận những nguồn tri thức mới, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Kien Long đã dành tặng những suất học bổng, phòng máy tính và các trang thiết bị phục vụ việc học tập của các em học sinh và nâng cao chất lượng giảng dạy của các thầy cô giáo trong nhà trường.



# KienlongBank

## KienlongBank trao tặng Thư các cho trường THPT THTT Kiên Giang

Với mong muốn đóng góp để nâng cao chất lượng đào tạo, tháng 9/2022 KienlongBank triển khai việc xây dựng thư các cho Trường phổ thông Dân tộc nội trú THPT Kiên Giang.

Ngày 26/2/2023, tại Trường phổ thông Dân tộc nội trú THPT Kiên Giang tổ chức Lễ khánh thành Thư các. Công trình do KienlongBank xây dựng với mong muốn các em học sinh sẽ tiếp cận được nhiều nguồn tri thức mới, hỗ trợ công tác giảng dạy cho các thầy cô giáo. Đây là công trình được xây dựng nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập Trường với tổng giá trị 1.250.000.000 đồng.

Được thành lập từ năm 1991, Trường phổ thông Dân tộc nội trú THPT Kiên Giang đây là ngôi trường chuyên biệt có nhiệm vụ giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên mảnh đất Kiên Giang. Trải qua hơn 30 năm phát triển, các thế hệ thầy và trò của nhà trường đã cùng nhau xây dựng và đạt nhiều thành tích đáng tự hào. Dưới sự bồi dưỡng, đào tạo từ nhà trường, hàng nghìn thế hệ học trò đã trưởng thành, công tác trên nhiều lĩnh vực, thành đạt trong cuộc sống và có những cống hiến tích cực cho quê hương, đất nước.

Với cơ sở vật chất hiện đại, tân tiến, Thư các không chỉ giúp đáp ứng được nhu cầu học tập, giảng dạy tại nhà trường mà đây sẽ là nơi ươm mầm nên những lớp thế hệ tri thức mới, góp phần nâng cao hơn nữa mục tiêu giáo dục tại tỉnh nhà.



## KienlongBank hợp tác cùng các trường Đại học trong cả nước



Năm 2022, KienlongBank đã triển khai hoạt động ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với nhiều trường Đại học trong cả nước như Đại học Bình Dương, Đại học Ngân hàng TP. HCM... Theo thỏa thuận hợp tác, KienlongBank sẽ cùng với các trường Đại học thống nhất phối hợp triển khai công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Trong đó, về phía Ngân hàng sẽ đẩy mạnh các chương trình hội thảo tư vấn tuyển dụng, định hướng nghề nghiệp cho các em sinh viên, nâng cao kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu thực tế.



Với vai trò là đơn vị hợp tác chiến lược, nhà trường cũng sẽ tăng cường quảng bá thương hiệu KienlongBank thông qua các dịch vụ ngân hàng; sản phẩm phù hợp Ngân hàng cung cấp. Dự kiến ngân hàng cũng sẽ gia tăng tiện ích cho nhà trường thông qua việc lắp đặt máy giao dịch thế hệ mới STM để tăng cường trải nghiệm và sử dụng dịch vụ tiện ích hữu hiệu của STM.





## 9

## KienlongBank Plus được vinh danh tại Vietnam Digital Awards năm 2022

Ngày 25/10/2022, KienlongBank được vinh danh trong Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2022. Giải thưởng là sự ghi nhận những thành quả và đóng góp của các doanh nghiệp trong suốt thời gian qua, đồng thời giúp nâng cao năng lực cạnh tranh, bồi dưỡng và xây dựng hình ảnh doanh nghiệp trước các đối tác, nhà đầu tư và người tiêu dùng.

Nằm trong số Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam 2022, KienlongBank cho thấy tài thao lược của Ban Lãnh đạo Ngân hàng, sự đồng lòng của toàn thể CBNV và sự tin tưởng đồng hành của khách hàng, đối tác và cổ đông. Nhìn lại chặng đường 27 năm qua, cho tới nay, KienlongBank đã tạo dựng được thương hiệu trên thị trường tài chính cũng như trong tư duy của khách hàng, nhận được đánh giá cao từ giới chuyên môn. Ngân hàng đã được vinh danh trong Top 100 công ty đại chúng lớn nhất Việt Nam do Forbes Việt Nam bình chọn (năm 2019), đứng trong bảng xếp hạng Top VNR500, Top FAST500 và Top PROFIT500 (năm 2020)...

Sớm tạo lập được cho mình một vị thế và hướng đi khác biệt, KienlongBank không ngừng phấn đấu trong từng bước đi mang tầm chiến lược, lấy giá trị thực của sản phẩm làm thước đo định danh thương hiệu, với khát vọng kiến tạo nên những giá trị sống bền vững cho cộng đồng. Các sản phẩm, dịch vụ của KienlongBank cho thấy sự đầu tư nghiên cứu tỉ mỉ về thị trường cùng tâm lý, hành vi khách hàng để tạo ra những sản phẩm có tính chất "may đo" theo nhu cầu. Trong hành trình phát triển của mình, KienlongBank cũng xác định được nhiệm vụ trọng tâm cần ưu tiên trong quá trình chuyển đổi số và phát triển đồng đều ba trụ cột Kinh tế số - Chính phủ số - Xã hội số. Do đó, Ngân hàng đã đẩy mạnh công tác đầu tư hạ tầng, ứng dụng công nghệ để kéo gần khoảng cách giữa người dân với việc tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng số.



## 10

## KienlongBank lọt Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam 2022

Ngày 25/10/2022, KienlongBank được vinh danh trong Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2022. Giải thưởng là sự ghi nhận những thành quả và đóng góp của các doanh nghiệp trong suốt thời gian qua, đồng thời giúp nâng cao năng lực cạnh tranh, bồi dưỡng và xây dựng hình ảnh doanh nghiệp trước các đối tác, nhà đầu tư và người tiêu dùng.

Nằm trong số Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam 2022, KienlongBank cho thấy tài thao lược của Ban Lãnh đạo Ngân hàng, sự đồng lòng của toàn thể CBNV và sự tin tưởng đồng hành của khách hàng, đối tác và cổ đông. Nhìn lại chặng đường 27 năm qua, cho tới nay, KienlongBank đã tạo dựng được thương hiệu trên thị trường tài chính cũng như trong tư duy của khách hàng, nhận được đánh giá cao từ giới chuyên môn. Ngân hàng đã được vinh danh trong Top 100 công ty đại chúng lớn nhất Việt Nam do Forbes Việt Nam bình chọn (năm 2019), đứng trong bảng xếp hạng Top VNR500, Top FAST500 và Top PROFIT500 (năm 2020)...

Sớm tạo lập được cho mình một vị thế và hướng đi khác biệt, KienlongBank không ngừng phấn đấu trong từng bước đi mang tầm chiến lược, lấy giá trị thực của sản phẩm làm thước đo định danh thương hiệu, với khát vọng kiến tạo nên những giá trị sống bền vững cho cộng đồng. Các sản phẩm, dịch vụ của KienlongBank cho thấy sự đầu tư nghiên cứu tỉ mỉ về thị trường cùng tâm lý, hành vi khách hàng để tạo ra những sản phẩm có tính chất "may đo" theo nhu cầu.

Trong hành trình phát triển của mình, KienlongBank cũng xác định được nhiệm vụ trọng tâm cần ưu tiên trong quá trình chuyển đổi số và phát triển đồng đều ba trụ cột Kinh tế số - Chính phủ số - Xã hội số. Do đó, Ngân hàng đã đẩy mạnh công tác đầu tư hạ tầng, ứng dụng công nghệ để kéo gần khoảng cách giữa người dân với việc tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng số.





CHƯƠNG

# 04

HOẠT ĐỘNG  
KINH DOANH 2022







# BÁO CÁO

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ động nhận diện bối cảnh, bám sát định hướng phát triển của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, kết hợp điều hành linh hoạt gắn với tình hình thực tế, KienlongBank đã nỗ lực hoàn thành các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao, tiếp tục khẳng định vị thế, thương hiệu ngân hàng tận tụy, sẵn lòng chia sẻ, đồng hành cùng khách hàng, mang tới giá trị tối ưu cho cổ đông.

### I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

#### 1. VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA KIENLONGBANK NĂM 2022

Với sự kiên định về chiến lược và mục tiêu hoạt động kinh doanh cùng với tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ nhân viên (CBNV) KienlongBank, tính đến ngày 31/12/2022, các chỉ tiêu kết quả kinh doanh của KienlongBank cơ bản bám sát với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua, chi tiết như sau:

TỔNG TÀI SẢN	VỐN ĐIỀU LỆ	TỔNG HUY ĐỘNG VỐN	DỰ NỢ CẤP TÍN DỤNG	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	TỶ LỆ NỢ XẤU
đạt <b>85.760</b> tỷ đồng	đạt <b>3.653</b> tỷ đồng	đạt <b>75.843</b> tỷ đồng	đạt <b>45.498</b> tỷ đồng	đạt <b>681,86</b> tỷ đồng	đúng trị ở mức <b>1,18%</b>



## 2. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 2.1. Tình hình hoạt động và công tác nhân sự

Tính đến ngày 31/12/2022, HĐQT KienlongBank nhiệm kỳ 2018 – 2022 gồm 08 thành viên, trong đó có 01 thành viên là người điều hành, 07 thành viên không phải là người điều hành, 01 thành viên độc lập. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ trong HĐQT	Ngày bổ nhiệm
1	Bà Trần Thị Thu Hằng	Chủ tịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 28/01/2021: thành viên HĐQT;</li> <li>• 01/02/2021: Phó Chủ tịch HĐQT;</li> <li>• 26/5/2021: Chủ tịch HĐQT.</li> </ul>
2	Ông Mai Hữu Tín	Phó Chủ tịch	26/4/2018
3	Ông Phạm Trần Duy Huyền	Phó Chủ tịch	26/4/2018
4	Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên, kiêm Tổng Giám đốc	28/12/2021
5	Bà Nguyễn Thụy Quỳnh Hương	Thành viên	26/4/2018
6	Bà Trần Tuấn Anh	Thành viên	26/4/2018
7	Ông Bùi Thanh Hải	Thành viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 26/4/2018: thành viên HĐQT</li> <li>• 12/04/2019: thôi nhiệm HĐQT</li> <li>• 28/12/2021: thành viên HĐQT</li> </ul>
8	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên độc lập	28/12/2021

Tháng 11/2022, bà Trần Tuấn Anh và bà Nguyễn Thụy Quỳnh Hương có Đơn từ nhiệm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2022 vì lý do cá nhân. KienlongBank đã thực hiện công bố thông tin theo quy định. Do việc miễn nhiệm thành viên HĐQT thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua việc miễn nhiệm đối với bà Trần Tuấn Anh và bà Nguyễn Thụy Quỳnh Hương cùng với các nội dung về công tác nhân sự tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên KienlongBank năm 2023.

### 2.2. Hoạt động của HĐQT và các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc

HQĐT hoạt động theo đúng Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT được ĐHĐCĐ thông qua.

Trong năm 2022, HĐQT đã tiến hành 61 phiên họp (bao gồm các phiên họp định kỳ, đột xuất và lấy ý kiến bằng văn bản, qua email) để thực hiện các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao/ủy quyền, theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ KienlongBank. Các thành viên HĐQT thực thi nhiệm vụ theo đúng trách nhiệm được phân công và đóng góp hết sức mình vì sự phát triển của KienlongBank. HĐQT thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công tác quản trị và công bố thông tin theo quy định hiện hành.

Tất cả cuộc họp của HĐQT KienlongBank (bao gồm cả hoạt động lấy ý kiến qua email) đều được thông báo đến Ban Kiểm soát Ngân hàng và có sự tham dự, đóng góp ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát.





### 2.3. Hoạt động của các Ủy ban – Hội đồng trực thuộc

HDQT đã thành lập các Ủy ban trực thuộc để tham mưu, giúp việc cho HDQT trong công tác quản trị Ngân hàng, gồm: Ủy ban Thường trực HDQT, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Đầu tư. Các Ủy ban trực thuộc HDQT hoạt động tuân thủ quy chế tổ chức và hoạt động đã được HDQT ban hành. Ủy ban Quản lý rủi ro đã tham mưu cho HDQT công tác quản lý rủi ro, giám sát việc tuân thủ đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, mức độ đủ vốn (ICCAP), việc tuân thủ an toàn rủi ro hoạt động kinh doanh của KienlongBank theo quy định của pháp luật. Ủy ban Nhân sự đã tham mưu cho HDQT việc tuyển dụng, đánh giá bổ nhiệm các chức danh cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền HDQT, cũng như các chính sách phúc lợi, chính sách khen thưởng cho người lao động.

Bên cạnh các Ủy ban trực thuộc được thành lập theo quy định của pháp luật, HDQT cũng thành lập các Hội đồng trực thuộc Ngân hàng để tham mưu HDQT như: Hội đồng Xử lý rủi ro, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng, Hội đồng Xét duyệt Sáng kiến – Cải tiến. Các hội đồng này hoạt động theo quy chế tổ chức và hoạt động được HDQT ban hành.

### 2.4. Hoạt động giám sát của HDQT đối với Ban Điều hành

HDQT thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban Điều hành theo Điều lệ KienlongBank và quy định của pháp luật hiện hành. Công tác giám sát được thực hiện qua các chính sách, chủ trương, bộ máy kiểm soát. Việc ủy quyền/giao nhiệm vụ giữa HDQT, Ban Điều hành trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ KienlongBank và có bảo cáo định kỳ với NHNN.

Trong năm 2022, HDQT đã thực hiện miễn nhiệm 02 Phó Tổng Giám đốc theo nguyện vọng của các cá nhân; đồng thời bổ nhiệm 02 Phó Tổng Giám đốc nhằm kiện toàn và nâng cao năng lực quản lý, điều hành của Ban Điều hành.

### 2.5. Một số nội dung trọng tâm mà HDQT đã chỉ đạo thực hiện trong năm 2022

Nhằm thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HDQT đã thường xuyên trao đổi, làm việc với Ban Điều hành nhằm nắm bắt kịp thời mọi hoạt động của Ngân hàng, trên cơ sở đó điều chỉnh các định hướng, chính sách cho phù hợp với điều kiện thực tế. HDQT đã tập trung chỉ đạo Ban Điều hành, các đơn vị, cá nhân liên quan thực hiện các công việc trọng tâm sau:

- Chỉ đạo Ban Điều hành cùng toàn thể CBNV nỗ lực hành động, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh đã được ĐHĐCĐ giao.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ngân hàng; rà soát, ban hành mới/sửa đổi/bổ sung các văn bản quy định nội bộ của Ngân hàng phù hợp với mục tiêu hoạt động và tình hình thực tế. Đồng thời nhanh chóng kiện toàn nhân sự Ban Điều hành cũng như đội ngũ nhân sự cấp quản lý nhằm đảm bảo công tác điều hành, vận hành hoạt động chuyên môn nghiệp vụ được thông suốt.
- Liên tục cập nhật, đánh giá tiến độ thực hiện các nội dung cam kết tại Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 – 2020 của KienlongBank; kịp thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của NHNN các cấp về các nội dung liên quan.
- Chỉ đạo Ủy ban Quản lý rủi ro phối hợp với các đơn vị thuộc Ban Điều hành nâng cao chất lượng quản trị rủi ro, xây dựng và củng cố hệ thống kiểm soát nội bộ; chỉ đạo tập trung giải quyết nợ xấu, tăng cường trích lập dự phòng tích lũy nguồn lực xử lý rủi ro, đảm bảo hiệu quả và an toàn hoạt động theo đúng quy định của NHNN.
- Chỉ đạo Ban Điều hành đẩy mạnh tiến độ các Dự án số hóa ngân hàng, quy chuẩn quy trình và tiến hành số hóa văn phòng; chính thức vận hành Core Thê mới và khẩn trương hoàn tất các yêu cầu về nghiệp vụ để sớm đưa Core Bank đi vào vận hành chính thức theo đúng kế hoạch.
- Chỉ đạo triển khai thực hiện Bộ nhận diện thương hiệu mới của KienlongBank trên toàn hệ thống.

## II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

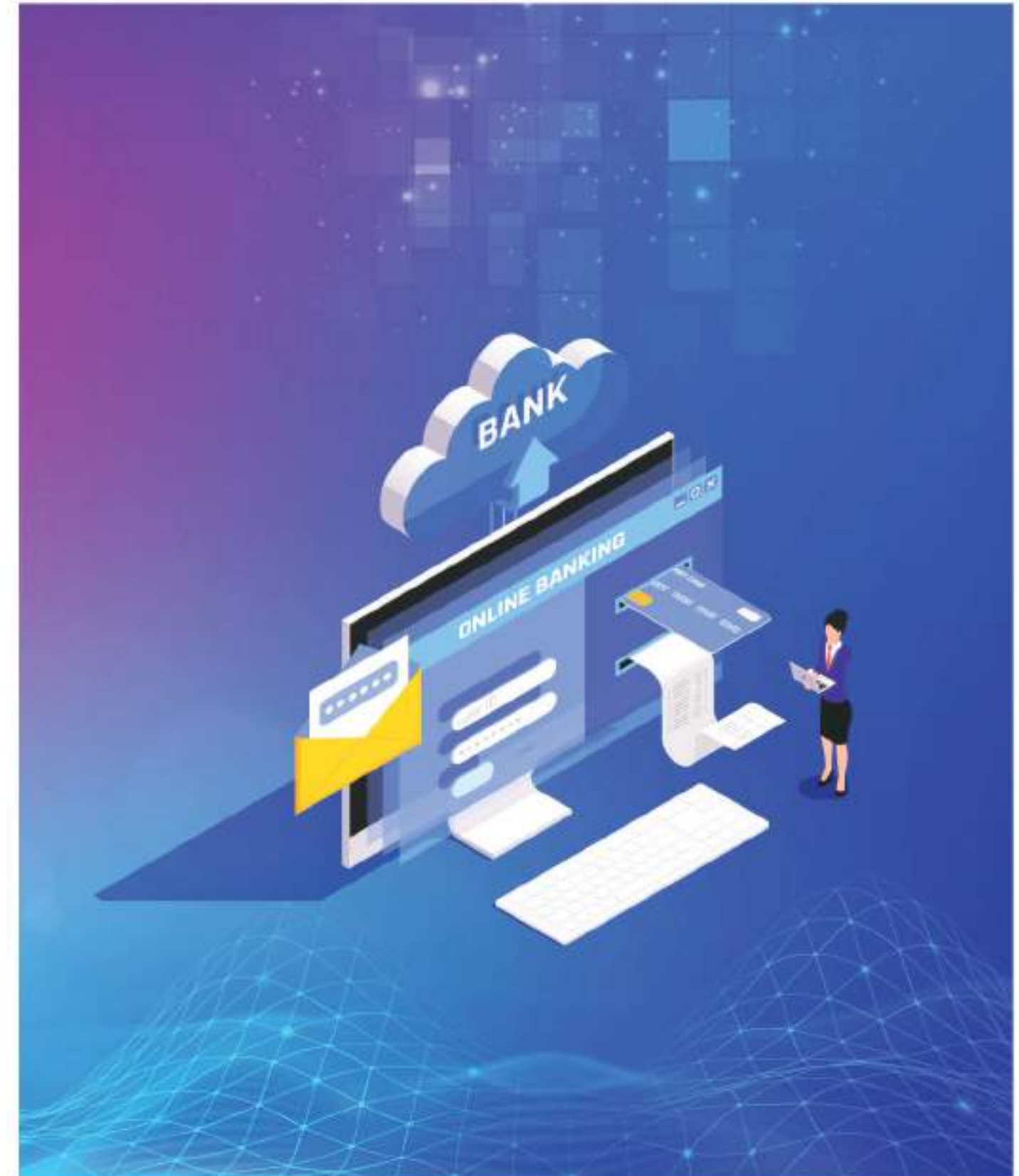
Tiếp tục mục tiêu trở thành một trong những ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực số hóa sản phẩm dịch vụ và cung cấp trải nghiệm ưu việt tới các khách hàng của KienlongBank, HDQT xác định phương hướng hoạt động trong năm 2023 như sau:

- Chỉ đạo Ban Điều hành bám sát tình hình diễn biến của thị trường để có những giải pháp kịp thời và triển khai các hoạt động kinh doanh phù hợp nhằm hoàn thành Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2023 do ĐHĐCĐ giao.
- Chỉ đạo xây dựng và triển khai Đề án tái cơ cấu KienlongBank giai đoạn 2021 – 2025 với trọng tâm kiện toàn mô hình tổ chức gắn với chiến lược số hóa nền tảng ngân hàng, hướng tới mô hình ngân hàng bán lẻ đa năng hiệu quả, đáp ứng tiêu chuẩn an toàn hoạt động; hoàn thành việc xử lý các vấn đề nợ xấu, nợ tiềm ẩn còn tồn đọng.
- Nâng cao năng lực tài chính và năng lực quản trị chất lượng tín dụng; tăng trưởng quy mô hoạt động gắn liền với lộ trình



tăng trưởng quy mô vốn tự có, cơ cấu nguồn vốn và diễn biến thị trường tài chính – ngân hàng.

- Chuẩn hóa khung năng lực nhân sự, hoàn thiện quy định về công tác quản trị nhân lực, trong đó, tập trung xây dựng, hoàn thiện và triển khai áp dụng toàn hàng bộ chỉ tiêu và quy định đo lường đánh giá hiệu quả công việc (KPIs). Thực hiện đánh giá, bố trí, tuyển dụng đội ngũ quản lý theo mô hình tổ chức mục tiêu, ưu tiên nhân sự nội bộ có thâm niên gắn bó, am hiểu hệ thống, tập khách hàng.
- Đảm bảo hoạt động của Ngân hàng an toàn, minh bạch và hiệu quả trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, đặc biệt là việc duy trì các tỷ lệ, giới hạn an toàn theo quy định của NHNN.







# BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

### I. CÁC CHỈ TIÊU HỢP NHẤT CHỦ YẾU CỦA KIENLONGBANK NĂM 2022

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ  
HOÀN THÀNH

**103%**

KẾ HOẠCH

TỔNG TÀI SẢN  
HOÀN THÀNH

**100,89%**

KẾ HOẠCH

DƯ NỢ CẤP TÍN DỤNG  
HOÀN THÀNH

**100,66%**

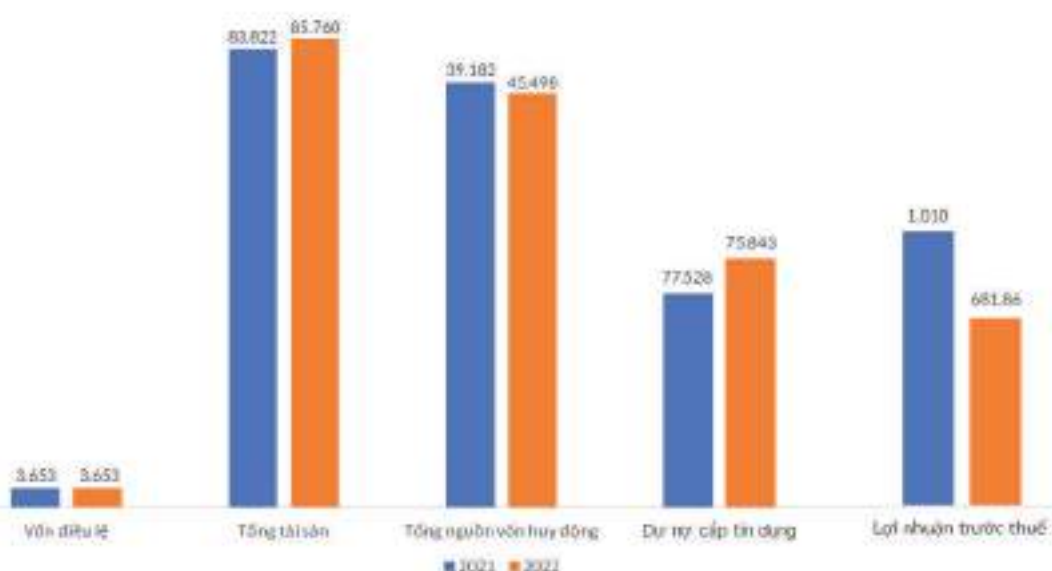
KẾ HOẠCH

TỔNG  
HUY ĐỘNG ĐẠT

**75.843**

TỶ ĐỒNG

Đơn vị: tỷ đồng



Tỷ lệ nợ xấu

ĐVT: %

**1,09**

2021

**1,18**

2022



## II. TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN

### 1. NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG

KienlongBank đã linh hoạt ứng phó với các biến động tiêu cực của thị trường huy động vốn trong những tháng cuối năm 2022, đảm bảo thanh khoản theo quy định của NHNN, đồng thời đáp ứng đủ nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh.

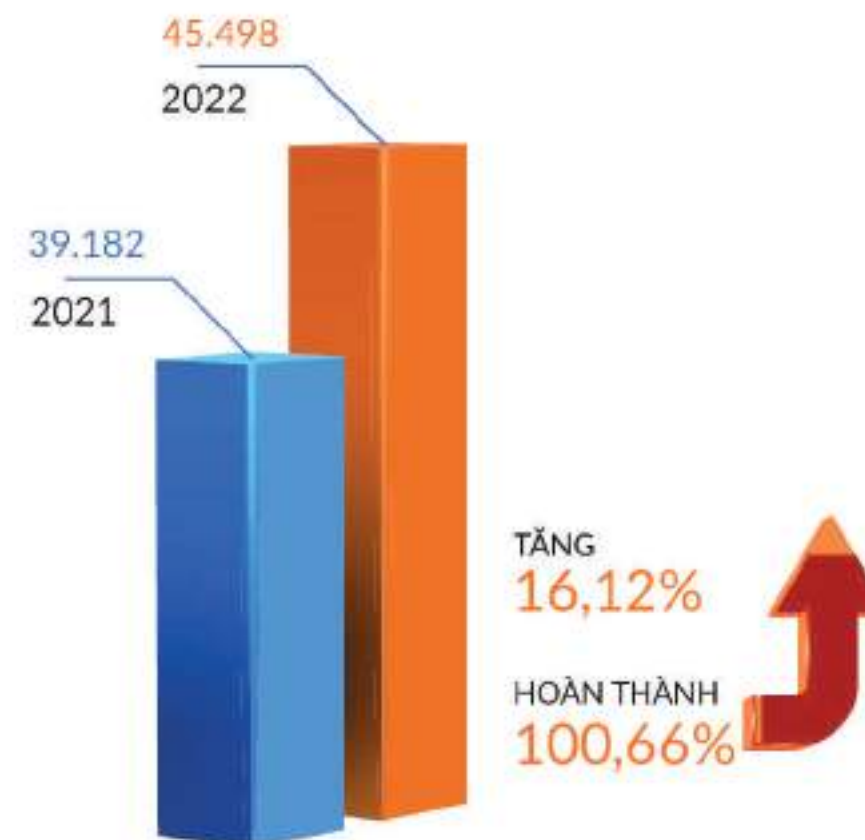
Thời điểm 31/12/2022, tổng nguồn vốn huy động đạt 75.843 tỷ đồng. Trong đó, nguồn vốn huy động từ tổ chức kinh tế và của dân cư tăng 498 tỷ đồng, tương đương tăng 0,96% so với 31/12/2021, chiếm tỷ trọng 68,82%.

### 2. SỬ DỤNG VỐN

#### 2.1. Dư nợ cấp tín dụng

Thời điểm 31/12/2022, tổng dư nợ cấp tín dụng đối với khách hàng đạt 45.498 tỷ đồng, tăng 6.316 tỷ đồng, tương đương tăng 16,12% so với 31/12/2021 và trong hạn mức tăng trưởng cho phép của NHNN, hoàn thành 100,66% kế hoạch.

Bên cạnh việc tăng trưởng tín dụng, KienlongBank tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động tín dụng và phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro của Chính phủ và NHNN Việt Nam cũng như các quy định nội bộ. Tính đến 31/12/2022, tỷ lệ nợ xấu là 1,18%/tổng nợ, thấp hơn tỷ lệ nợ xấu 2% đã được thông qua.



#### 2.2. Tiền gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng

Tính đến ngày 31/12/2022, tổng số dư tiền gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng khác là 23.778 tỷ đồng. Việc sử dụng vốn trên thị trường liên ngân hàng được cân đối phù hợp giữa cơ cấu sử dụng vốn và tổng tài sản giúp cho KienlongBank đảm bảo thanh khoản đồng thời gia tăng hiệu quả sử dụng vốn, duy trì mối quan hệ hợp tác với các tổ chức tín dụng tại Việt Nam.



**2.2. Tiền gửi**

Tính đến ngày 31/12/2022, tổng số dư tiền gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng khác là 23.778 tỷ đồng. Việc sử dụng vốn trên thị trường liên ngân hàng được cân đối phù hợp giữa cơ cấu sử dụng vốn và tổng tài sản giúp cho KienlongBank đảm bảo thanh khoản đồng thời gia tăng hiệu quả sử dụng vốn, duy trì mối quan hệ hợp tác với các tổ chức tín dụng tại Việt Nam.

**2.3. Hoạt động đầu tư****2.3.1. Đầu tư trái phiếu Chính phủ (TPCP)**

Việc đầu tư vào TPCP để tăng tài sản có tính thanh khoản cao, nhằm duy trì tỷ lệ thanh khoản theo quy định của NHNN, gia tăng khả năng sinh lời và đồng thời sử dụng có hiệu quả nguồn vốn khả dụng. Tổng giá trị đầu tư thời điểm 31/12/2022 đạt 6.397 tỷ đồng, chiếm 9,10% so với tổng nợ phải trả bình quân của tháng trước liền kề (đảm bảo tỷ lệ theo quy định của NHNN).

**2.3.2. Đầu tư góp vốn, mua cổ phần**

Đến cuối năm 2022, giá trị đầu tư góp vốn, mua cổ phần là 500 tỷ đồng (đây là khoản góp vốn vào Công ty con), không thay đổi so với 31/12/2021. Tỷ lệ góp vốn mua cổ phần/vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là 13,45% (quy định  $\leq 40\%$ ).

**2.4. Tài sản cố định**

Năm 2022, KienlongBank tiếp tục đầu tư, cải tạo, sửa chữa trụ sở các đơn vị trên toàn hệ thống nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh doanh và giao dịch ngày càng nâng cao của khách hàng. Tính đến ngày 31/12/2022, giá trị tài sản cố định đạt 1.379 tỷ đồng.

**III. HOẠT ĐỘNG PHI TÍN DỤNG**

Năm 2022, KienlongBank triển khai nhiều sản phẩm, dịch vụ mới, đồng thời tiếp tục cải tiến chất lượng dịch vụ để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng. Doanh số giao dịch tăng trưởng ổn định, thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ và ngoại hối tăng 58,75% so với năm 2021. Chi tiết như sau:

- **Thanh toán quốc tế:** Năm 2022, doanh số giao dịch thanh toán quốc tế tăng 50,31% so với năm 2021.
- **Kinh doanh ngoại tệ:** Doanh số kinh doanh ngoại tệ (mua vào và bán ra) tăng 382,42% so với năm 2021.
- **Chuyển tiền:** So với năm 2021, tổng doanh số chuyển tiền và doanh số chi trả kiều hối Western Union tăng 67,92%.

KienlongBank áp dụng chính sách miễn phí rút tiền mặt đối với khách hàng khi thực hiện giao dịch tại các máy ATM KienlongBank trên toàn quốc và hệ thống máy ATM của KienlongBank chấp nhận giao dịch tất cả các loại thẻ ghi nợ của ngân hàng khác (có liên kết Napas - Công ty cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam).

Bên cạnh đó, KienlongBank thường xuyên phối hợp với các Đơn vị liên kết để triển khai các chương trình ưu đãi, chiết khấu dành cho chủ thẻ KienlongBank. Tháng 12/2022, KienlongBank đã thực hiện chuyển đổi Core thẻ nhằm hiện đại hóa hệ thống thẻ, hoàn thiện các tính năng đáp ứng nhu cầu phát triển công nghệ số.

- **Dịch vụ liên kết và tư vấn các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ**

Các sản phẩm tư vấn, liên kết được mở rộng, gia tăng tiện ích cho khách hàng, đóng góp vào sự tăng trưởng thu nhập và lợi nhuận của KienlongBank trong năm 2022. Lãi thuần từ các hoạt động dịch vụ năm 2022 tăng 63,19% so với năm 2021.

**IV. KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ CÁC CHỈ TIÊU AN TOÀN VỐN****1. KẾT QUẢ KINH DOANH**

Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2022 đạt 681,86 tỷ đồng, hoàn thành 103% kế hoạch.

**2. CÁC GIỚI HẠN, TỶ LỆ ĐẢM BẢO AN TOÀN TRONG HOẠT ĐỘNG**

Số liệu đến ngày 31/12/2022, KienlongBank đảm bảo các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động theo quy định của NHNN tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN và Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, cụ thể như sau:

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2022	QUY ĐỊNH CỦA NHNN
1	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hợp nhất (%)	8,52	$\geq 8,00$
2	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (%)	19,30	$\geq 10,00$
3	Giới hạn góp vốn, mua cổ phần (%)	13,45	$\leq 40,00$
4	Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn (%)	25,05	$\leq 34,00$
5	Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (%)	61,98	$\leq 85,00$







## V. CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ KHÁC

## 1. NHÂN SỰ VÀ ĐÀO TẠO

## 1.1. Công tác nhân sự

Trong những năm qua, KienlongBank đã không ngừng cải tiến các chính sách đãi ngộ, ưu tiên đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nội bộ, đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân sự phục vụ cho phát triển kinh doanh. Đến ngày 31/12/2022, tổng số nhân sự toàn hệ thống là 4.967 người, theo cơ cấu như sau:

Nội dung	31/12/2021	31/12/2022
Tổng (người)	5.034	4.967
Chính thức	3.369	3.623
CTV	1.665	1.344

Năm 2022, một trong những chính sách ưu tiên, trọng tâm luôn được KienlongBank đề cao, quan tâm là chính sách lương, thưởng dành cho cán bộ nhân viên (CBNV), cộng tác viên (CTV). Theo đó, chính sách lương tại KienlongBank đã từng bước được cải thiện, tạo lợi thế cạnh tranh để thu hút nguồn nhân lực có tài năng.

Với việc hướng đến đem lại những giá trị thực cho người lao động, chính sách thưởng cũng có sự thay đổi khác biệt. Năm 2022, các chính sách thưởng vẫn được duy trì và có sự cải tiến vượt bậc. Một trong những điểm nổi bật trong chính sách thưởng năm 2022 là Ngân hàng đã cải tiến và đưa vào áp dụng nhiều hình thức thưởng như thưởng theo kết quả công việc (KPI), thưởng thành tích thu hồi nợ, thưởng vượt lợi nhuận... Cách làm này thôi thúc CBNV, CTV bứt phá giới hạn của bản thân, kích thích đội ngũ bán hàng.

Ngoài ra, chính sách hỗ trợ tiền ăn ca tại Ngân hàng cũng đã được nâng lên một cách đáng kể (tăng tương đương 35%), góp phần giúp CBNV có những bữa ăn ngon, tạo sự hứng khởi trong công việc. Đây là một phần trong hành trình cải thiện chính sách chăm sóc sức khỏe vật chất, tinh thần cho CBNV Ngân hàng.

Đặc biệt hơn, tất cả CBNV tham gia các dự án đều có chính sách hỗ trợ phụ cấp xứng đáng. Chỉ tính riêng trong năm 2022, KienlongBank đã có đợt xét năng lương cho CBNV toàn hệ thống nhằm ghi nhận những đóng góp, đồng hành của CBNV với kết quả chung của Ngân hàng. Đây được đánh giá là những hoạt động thiết thực, mang đến giá trị tinh thần và tạo động lực rất lớn đối với CBNV.

Không dừng lại ở đó, đối với CBNV, CTV làm công tác kinh doanh đều được trang bị chính sách Bảo hiểm tai nạn như một giải pháp phòng ngừa, trợ giúp, chia sẻ khó khăn tài chính trong trường hợp bất khả kháng. Năm 2022, với riêng đội ngũ CTV, KienlongBank cũng đã áp dụng chính sách khám sức khỏe định kỳ như CBNV, chi trả phí dịch vụ hàng tháng, đánh giá hiệu quả công việc theo giá trị đóng góp...

Trong suốt năm 2022, với kỳ vọng kiến tạo nên một đội ngũ thiện chiến, đầy tài năng, KienlongBank thường xuyên phát động các chương trình thi đua trong nội bộ Ngân hàng thông qua các sản phẩm, dịch vụ được cung cấp cho khách hàng như: phát hành thẻ tín dụng, thanh toán quốc tế, tư vấn, giới thiệu các sản phẩm về bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm khoản vay, các sản phẩm đầu tư... với các giải thưởng có giá trị, hấp dẫn. Điều này vừa giúp CBNV nâng cao thu nhập, ghi nhận sự nỗ lực, cố gắng, vừa góp phần đẩy mạnh quảng bá thương hiệu KienlongBank đến với khách hàng tiềm năng.



Những CBNV có thành tích cao sẽ được KienlongBank tổ chức tham gia các chương trình du lịch, nghỉ dưỡng tại những địa điểm nổi tiếng. Đặc biệt, cũng trong năm 2022, KienlongBank đã triển khai nhiều chính sách phúc lợi ưu việt khác như:

- Chương trình "Tinh hoa hội tụ" tại Đà Nẵng nhằm ghi nhận, khen thưởng các đơn vị, cá nhân đạt kết quả kinh doanh xuất sắc.
- Chương trình du lịch, nghỉ dưỡng kết hợp trao đổi nghiệp vụ, teambuilding đối với tất cả CBNV, kể cả nhân sự thứ việc nhằm tăng sự giao lưu, kết nối, tri ân sự đóng góp của cá nhân, tạo động lực làm việc cho CBNV.
- Chương trình cho CBNV, CTV vay ưu đãi với mức lãi suất thấp hơn lãi suất ưu đãi hiện hành.

Các ngày lễ trong năm KienlongBank đều dành ngân sách phúc lợi của mình để gửi những món quà ý nghĩa đến toàn thể CBNV. Ngoài ra, Ngân hàng cũng duy trì tổ chức các chương trình Vui Trung thu, Tết thiếu nhi... cho con em CBNV. Nhiều phần quà đã được chuẩn bị thay lời cảm ơn của Ngân hàng đến những đóng góp, nỗ lực của cha mẹ các em.







### 1.2. Công tác đào tạo

KienlongBank đã tổ chức nhiều khóa đào tạo nội bộ; cử nhân sự tham dự các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo bên ngoài; chương trình liên kết đào tạo về dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ thu chi hộ và nhiều chương trình đào tạo tại ĐVVD để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng mềm..., cụ thể như sau:

Số khóa	Lượt học viên
671	<b>ĐÀO TẠO NỘI BỘ</b>
28	Đào tạo trực tiếp nội bộ
42	Đào tạo trực tuyến E-Learning
365	Đào tạo tân tuyển
236	Đào tạo chuyển đổi chức danh
69	<b>ĐÀO TẠO BÊN NGOÀI</b>
20	<b>LIÊN KẾT ĐÀO TẠO</b>
<b>760</b>	<b>30.495</b>

Đối với hoạt động tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực, năm 2022, nhằm hỗ trợ cho hoạt động tân tuyển các nhân sự có trình độ cao, KienlongBank đã triển khai chính sách "Kết nối nhân tài – Kết nối thành công". Theo đó, thông qua mỗi CBNV đang làm việc tại KienlongBank sẽ trở thành một đại sứ thương hiệu, cùng quảng bá cũng như giới thiệu các ứng viên chất lượng cùng tham gia làm việc, phát triển tại Ngân hàng.

Trong quá trình làm việc và công tác tại KienlongBank, toàn thể CBNV đều được tham gia các chương trình đánh giá phát triển Chuyên viên, bồi dưỡng năng lực, nghiệp vụ cho các vị trí quản lý cao hơn. Mỗi CBNV khi tham gia đều được xây dựng một lộ trình phát triển nghề nghiệp phù hợp với năng lực của từng người. Đây cũng là cách để KienlongBank chuẩn bị nguồn lực kế thừa trong tương lai.

Bên cạnh đó, KienlongBank cũng hướng đến việc xây dựng một môi trường làm việc khoa học, hiệu quả, giúp CBNV có thể tạo sự cân bằng và hài hòa giữa cuộc sống cá nhân và công việc. Với chính sách phúc lợi ngày càng được nâng cao, môi trường làm việc thân thiện, mức thu nhập đảm bảo cạnh tranh, KienlongBank đã và đang từng bước khẳng định được thương hiệu tuyển dụng trên thị trường, là yếu tố quan trọng thu hút nhân sự có năng lực, chất lượng cao.

## 2. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Năm 2022, KienlongBank tập trung kiện toàn 134 Đơn vị mạng lưới (31 chi nhánh và 103 phòng giao dịch), cơ sở vật chất được đầu tư khang trang, thuận tiện cho khách hàng giao dịch, tạo điều kiện để phát triển thị phần và quảng bá thương hiệu KienlongBank.

## 3. HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG TÁC XÃ HỘI

**Hoạt động truyền thông:** Trong năm 2022, KienlongBank tăng cường truyền thông các chương trình khuyến mãi, ưu đãi sản phẩm dịch vụ trên báo chí, truyền hình và mạng xã hội nhằm đưa thương hiệu KienlongBank đến gần hơn với khách hàng.

**Công tác xã hội:** KienlongBank tiếp tục duy trì các hoạt động xã hội nhằm thể hiện trách nhiệm vì cộng đồng như: Tặng quà Tết, hỗ trợ kinh phí cho Chương trình thanh niên đường cơ sở quốc gia tại Phú Yên, hỗ trợ trao học bổng khuyến học cho sinh viên khó khăn, ủng hộ chương trình thấp sáng đường biên cho vùng biên giới tỉnh Đồng Tháp...

Từ nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước luôn coi an sinh xã hội (ASXH) là một bộ phận quan trọng của chính sách xã hội, nằm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước. Trong bối cảnh đó, thực hiện an sinh xã hội là một nội dung cơ bản và tất yếu trong trách nhiệm xã hội của mỗi doanh nghiệp.

Trải qua hành trình 28 năm hình thành và phát triển, bên cạnh mục tiêu trở thành một Ngân hàng số hiện đại và toàn diện, KienlongBank cũng hướng tới xây dựng một Ngân hàng XANH dựa trên phương châm "sẵn sàng chia sẻ". Song song với việc phát triển kinh doanh, KienlongBank luôn quan tâm tới việc thực hiện các hoạt động trách nhiệm xã hội (CSR). Do đó, Ngân hàng luôn chủ động cũng như tích cực triển khai các chương trình vì cộng đồng như xây dựng trường học, tặng quà và chúc Tết bà con nghèo có hoàn cảnh khó khăn...

Thông qua mỗi hoạt động, KienlongBank mong muốn đồng hành cùng Chính phủ trong việc đẩy mạnh cũng như tăng cường thực hiện các chương trình, chính sách về an sinh xã hội, góp phần mang đến một "Việt Nam mới". Các hoạt động hỗ trợ an sinh xã hội trong năm 2022 cũng được Ngân hàng triển khai với nhiều nội dung, hình thức phong phú, đa dạng.



### Trao tặng học bổng cho sinh viên trường Đại học Kinh tế – Luật

Sáng ngày 09/04/2022, tại Lễ tốt nghiệp trao bằng cử nhân của Khoa Tài chính – Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế – Luật (Đại học Quốc gia TP.HCM), đại diện KienlongBank đã trao tặng 10 suất học bổng trị giá 50 triệu đồng cho sinh viên trường Đại học Kinh tế – Luật nhằm khuyến khích và động viên tinh thần vượt khó, học giỏi của các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

KienlongBank kỳ vọng rằng những phần quà học bổng chính là nguồn động viên, khích lệ to lớn giúp các em học sinh, sinh viên xuất sắc vươn lên đạt thành tích cao hơn nữa trong học tập cũng như trong cuộc sống, giúp các em có được sự chuẩn bị tốt nhất cho con đường lập thân, lập nghiệp và trở thành những công dân có ích cho xã hội.



### Đồng hành cùng công trình "Thắp sáng đường biên" tỉnh Đồng Tháp



Sáng ngày 03/03/2023, tại xã Thường Lạc, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đã diễn ra Lễ Bàn giao công trình "Thắp sáng đường biên" giai đoạn II. KienlongBank là đơn vị tham gia tài trợ, đồng hành cùng công trình.

Đây là công trình an sinh xã hội do NHNN chỉ nhánh Đồng Tháp vận động theo đề nghị của Liên đoàn Lao động tỉnh đến các chi nhánh ngân hàng có phòng giao dịch trên địa bàn huyện Hồng Ngự, Tân Hồng, thành phố Hồng Ngự, là 03 huyện biên giới trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp tiếp giáp với nước bạn Campuchia.

Công trình hoàn thành và đưa vào sử dụng đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong sản xuất kinh doanh, giao thông thuận tiện ..., đảm bảo an ninh trật tự cho khu vực biên giới, hỗ trợ cho công tác tuần tra biên giới đối với các chiến sĩ biên phòng.

### KienlongBank trao tặng quà Tết cho bà con có hoàn cảnh khó khăn

Nhân dịp Tết cổ truyền của dân tộc, Xuân Nhâm Dần 2022, từ ngày 25/01/2022 – 29/01/2022, KienlongBank đã phối hợp cùng chính quyền các địa phương trao tặng 2.700 suất quà Tết, mỗi suất trị giá 500.000 đồng, tổng giá trị hơn 1,3 tỷ đồng.

Đây là chương trình an sinh xã hội, đầy tính nhân văn được KienlongBank tổ chức 9 năm liên từ năm 2014 đến nay, nhằm hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ "Cả nước chung tay vì người nghèo – Không để ai bị bỏ lại phía sau" đồng thời lan tỏa thông điệp về truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, tinh thần đoàn kết tương trợ nhau vượt qua khó khăn trong cuộc sống. Qua 9 năm tổ chức, KienlongBank tự hào khi đã góp phần mang thêm niềm vui xuân đón Tết bằng những phần quà ý nghĩa đến với 58.900 bà con, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, với tổng giá trị hơn 20 tỷ đồng.



## 4. HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Hoạt động kiểm soát nội bộ được KienlongBank thực hiện thường xuyên bằng hình thức trực tiếp và giám sát từ xa để ngăn ngừa, phát hiện sai sót, từ đó chấn chỉnh, khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo hoạt động của KienlongBank an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững.



## 5. CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Trong năm 2022, hệ thống CNTT của KienlongBank được vận hành thông suốt, an toàn, thường xuyên được rà soát khắc phục kịp thời các phát sinh, hỗ trợ tốt công tác điều hành và phát triển kinh doanh. KienlongBank tiếp tục đầu tư phát triển hạ tầng, hiện đại hóa hệ thống CNTT: triển khai đúng tiến độ các dự án Core Banking, nâng cấp tính năng hệ thống Core thẻ sau khi đã chuyển đổi Core thẻ thành công, dự án quản lý quan hệ khách hàng, Office 365, dự án xây dựng hệ thống quản lý nợ, số hóa 727....

Bên cạnh việc tiếp tục đầu tư phát triển hạ tầng, đổi mới hệ thống CNTT cùng việc đưa vào hoạt động hệ thống máy STM, nạp/rút tiền thông qua QR code... Năm 2022, KienlongBank cũng đẩy mạnh hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để chuyển đổi hệ thống Core Bank, Core thẻ, từ đó đưa đến những sản phẩm nhằm nâng cao trải nghiệm người dùng. Bằng việc ứng dụng tối đa sức mạnh của công nghệ, KienlongBank đã triển khai giải pháp mới tài khoản và thẻ trực tuyến cho khách hàng ngay trên ứng dụng di động KienlongBank Plus.

Không dừng lại ở đó, KienlongBank cũng nâng cấp thành công hệ thống Core Thẻ mới - Smart Vista. Việc nâng cấp hệ thống Thẻ được đánh giá sẽ nâng cao khả năng bảo mật và phát triển nhiều tính năng, tiện ích. Quá trình chuyển đổi hệ thống Core Thẻ được KienlongBank đồng bộ trên tất cả các kênh: quản lý thẻ nội địa, thẻ quốc tế Visa, JCB; triển khai mới MasterCard; quản lý giao dịch thẻ nội địa và quốc tế; quản lý hệ thống ATM/POS/STM...

Được xem như là một trong số những sản phẩm chiến lược của Ngân hàng trong công cuộc chuyển đổi số, không còn giới hạn ở các giao dịch tiền tệ thông thường, năm 2022 KienlongBank cũng đẩy mạnh việc tích hợp và triển khai thêm nhiều ứng dụng, dịch vụ trên ứng dụng KienlongBank Plus. Đây hứa hẹn sẽ mang đến một hệ sinh thái đa dạng, đáp ứng những kỳ vọng cao hơn về các sản phẩm/dịch vụ thông minh, hướng tới sự đơn giản, tiết kiệm thời gian và đa tiện ích cho thế hệ "khách hàng 4.0".

## KHÁCH HÀNG

# 4.0



## KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
Tổng tài sản	85.760	86.000
Tổng nguồn vốn huy động	75.843	78.000
Dư nợ cấp tín dụng	45.498	52.500
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1,18	< 3,00
Lợi nhuận trước thuế	681,86	700

\*Kế hoạch tăng trưởng tín dụng sẽ thực hiện theo tỷ lệ được NHNN Việt Nam phê duyệt.

### 2.5. Các hoạt động khác

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chiến lược tài chính toàn diện Quốc gia đến năm 2025 định hướng đến năm 2030; các Chương trình, Kế hoạch hành động và các Đề án của Ngành đã ban hành.

Bổ sung nhân sự kịp thời cho các chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ phát triển kinh doanh.

Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo qua hệ thống E-learning, đào tạo theo cụm khu vực; tập huấn nội bộ tại chi nhánh, phòng giao dịch.

Chấp hành nghiêm túc các quy định, chỉ đạo của NHNN về giao nhận, vận chuyển, phân loại, tuyển chọn tiền, tồn quỹ, đảm bảo an toàn kho quỹ. Rà soát, cải tiến quy định, quy trình nghiệp vụ về quản lý an toàn kho quỹ, giấy tờ có giá, đảm bảo kiểm soát và phòng ngừa rủi ro.







# BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

BKS nhiệm kỳ 2018 – 2022 có 05 (năm) thành viên, bao gồm 01 Trưởng Ban (thành viên chuyên trách), 03 thành viên chuyên trách và 01 thành viên không chuyên trách. Trong năm 2022, số lượng thành viên BKS không thay đổi, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Khắc Gia Bảo	Trưởng BKS (Thành viên chuyên trách)
2	Ông Nguyễn Cao Cường	Thành viên BKS (Thành viên chuyên trách)
3	Ông Đặng Minh Quân	Thành viên BKS (Thành viên chuyên trách)
4	Bà Đỗ Thị Tuyết Trinh	Thành viên BKS (Thành viên chuyên trách)
5	Bà Vũ Hạnh Ngân	Thành viên BKS (Thành viên không chuyên trách)

Trong năm 2022, BKS đã tiến hành 09 phiên họp định kỳ và bất thường để thảo luận, triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động của BKS đã được Đại hội đồng cổ đông (DHDĐ) thông qua; Phân công nhiệm vụ của các thành viên BKS; phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ; chỉ đạo, giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ; tuyển dụng/bổ nhiệm/tái bổ nhiệm và thông qua một số chính sách về nhân sự Phòng Kiểm toán nội bộ.

Hoạt động của BKS với HĐQT, BDH luôn đảm bảo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định của KienlongBank và vì lợi ích chung của Ngân hàng.

BKS được HĐQT, BDH cung cấp đầy đủ các thông tin, báo cáo, dữ liệu cần thiết để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo luật định. Các phiên họp định kỳ/bất thường của HĐQT đều có sự tham dự của Trưởng BKS.

BKS thực hiện giám sát trong công tác quản trị, điều hành của HĐQT, BDH theo điều lệ KienlongBank; quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT; quy chế tổ chức và hoạt động của BDH; các quy định phân cấp, ủy quyền của HĐQT, TGD.





# CHƯƠNG 05

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2022







## | BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

### KHAI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng TMCP Kiên Long được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 0056/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Ngân hàng đăng ký hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng đã nhiều lần được điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17 tháng 12 năm 2021.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 18 tháng 9 năm 1995.

Trụ sở hoạt động

• Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

• Điện thoại: +84 (029) 7386 9950

• Fax: +84 (029) 7387 1171

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm: huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Ngân hàng trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên	Chức vụ
Bà Trần Thị Thu Hằng	Chủ tịch
Ông Mai Hữu Tín	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Trần Duy Huyền	Phó Chủ tịch



Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thụy Quỳnh Hương	Thành viên
Bà Trần Tuấn Anh	Thành viên
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên
Ông Bùi Thanh Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên độc lập

#### BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Khắc Gia Bảo	Trưởng ban
Ông Nguyễn Cao Cường	Thành viên
Ông Đặng Minh Quân	Thành viên
Bà Vũ Hạnh Ngân	Thành viên
Bà Đỗ Thị Tuyết Trinh	Thành viên





## | BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Ngọc Minh	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Trung Việt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hoàng An	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Thị Mỹ Chi	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Võ Quốc Lợi	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 04 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2023
Ông Trần Văn Thái Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2022
Bà Trần Thị Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 7 năm 2022 Miễn nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2022
Ông Trần Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 01 năm 2023

### ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Ngọc Minh - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2021).

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ASC đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.



### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Rạch Giá, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người phê duyệt:

  
Trần Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc



**I | BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

**NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng TMCP Kiên Long (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 53, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&amp;C

Hồ Văn Tùng – Thành viên Ban Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán số : 0092-2023-008-1  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Hoàng Yến – Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán số 0088-2023-008-1

**I | BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: triệu VND

A	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I.	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.1	742,817	1,046,615
II.	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	V.2	1,347,927	4,755,046
III.	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác		23,777,634	29,872,517
1.	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	V.3.1	19,779,134	29,085,727
2.	Cho vay các TCTD khác	V.3.2	3,998,500	786,790
3.	Dự phòng rủi ro		-	-
IV.	Chứng khoán kinh doanh	V.4	144,176	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	V.4	144,176	-
2.	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	-
V.	Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	V.5	38,707	6,036
VI.	Cho vay khách hàng		44,122,736	38,020,523
1.	Cho vay khách hàng	V.6	44,702,595	38,387,339
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.7	(579,859)	(366,816)
VII.	Hoạt động mua nợ		-	-
1.	Mua nợ		-	-
2.	Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-	-
VIII.	Chứng khoán đầu tư	V.8	7,584,875	7,087,660
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	V.8	1,541,999	1,641,483
2.	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	V.8	6,048,842	5,452,133
3.	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	V.8	(5,966)	(5,956)
IX.	Góp vốn, đầu tư dài hạn		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con		-	-
2.	Vốn góp liên doanh		-	-
3.	Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4.	Đầu tư dài hạn khác		-	-
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-





## | BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: triệu VND

A	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
X.	Tài sản cố định		1,378,608	1,403,268
1.	Tài sản cố định hữu hình	V.9	653,439	692,501
a.	Nguyên giá tài sản cố định	V.9	1,095,674	1,079,371
b.	Hao mòn tài sản cố định	V.9	(442,235)	(386,870)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
a.	Nguyên giá tài sản cố định		-	-
b.	Hao mòn tài sản cố định		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	V.10	725,169	710,767
a.	Nguyên giá tài sản cố định	V.10	820,626	795,228
b.	Hao mòn tài sản cố định	V.10	(95,457)	(84,461)
XI.	Bất động sản đầu tư		-	-
a.	Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
b.	Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
XII.	Tài sản cô khác		6,622,701	1,630,823
1.	Các khoản phải thu	V.11	5,115,275	677,494
2.	Các khoản lãi, phí phải thu	V.12	1,097,493	655,388
3.	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		1,306	1,306
4.	Tài sản cô khác	V.13	437,931	325,939
5.	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản cô nội bảng khác		(29,304)	(29,304)
<b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>			<b>85,760,181</b>	<b>83,822,488</b>



## | BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: triệu VND

B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I.	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	V.14	2,451,824	-
1.	Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN	V.14	2,451,824	-
2.	Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước		-	-
II.	Tiền gửi và vay các TCTD khác	V.15	23,646,899	25,830,794
1.	Tiền gửi của các TCTD khác	V.15	19,623,547	25,772,472
2.	Vay các TCTD khác	V.15	4,023,352	58,322
III.	Tiền gửi của khách hàng	V.16	52,195,871	51,397,605
IV.	Công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
V.	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro		-	-
VI.	Phát hành giấy tờ có giá		-	300,000
VII.	Các khoản nợ khác		2,282,013	1,614,672
1.	Các khoản lãi, phí phải trả	V.17	1,087,458	1,027,911
2.	Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3.	Các khoản phải trả và công nợ khác	V.18	1,194,555	586,761
4.	Dự phòng rủi ro khác (dự phòng cho công nợ tiềm ẩn)		-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>80,576,607</b>	<b>79,143,071</b>
VIII.	Vốn chủ sở hữu	V.19	5,183,574	4,679,417
1.	Vốn của TCTD		3,618,619	3,618,619
a.	Vốn điều lệ	V.19	3,652,819	3,652,819
b.	Vốn đầu tư XDCB		-	-
c.	Thặng dư vốn cổ phần		-	-
d.	Cổ phiếu quỹ	V.19	(34,200)	(34,200)
e.	Cổ phiếu ưu đãi		-	-
f.	Vốn khác		-	-
2.	Quỹ của TCTD	V.19, V.20	406,062	290,521
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5.	Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế	V.19	1,158,893	770,277
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			<b>85,760,181</b>	<b>83,822,488</b>





## | CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: triệu VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Bảo lãnh vay vốn		-	-
2. Cam kết giao dịch hối đoái		7,226,798	15,964,295
Cam kết mua ngoại tệ		47,060	1,142,500
Cam kết bán ngoại tệ		705,900	1,142,500
Cam kết giao dịch hoán đổi		6,473,838	13,679,295
Cam kết giao dịch tương lai		-	-
3. Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	VIII.4	6,938	9,042
5. Bảo lãnh khác	VIII.4	257,326	334,284
6. Các cam kết khác		-	-
7. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	VIII.5	383,601	538,587
8. Nợ khó đòi đã xử lý	VIII.6	1,544,286	987,039
9. Tài sản và chứng từ khác	VIII.7	16,421,101	12,961,938

Rạch Giá, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Thị Duyên  
Kế toán viên

Người kiểm soát:

Phạm Thị Mỹ Chi  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:

Trần Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc

## | BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: triệu VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.1	5,376,251	5,449,139
2. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	VI.2	3,284,730	3,518,179
I. Tiến, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác		2,091,521	1,930,960
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	VI.3	422,695	273,173
4. Chi phí từ hoạt động dịch vụ	VI.3	26,651	17,523
II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.3	396,044	255,650
III. Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối	VI.4	34,981	28,274
IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		-	-
V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.5	7,818	63,737
5. Thu nhập từ hoạt động khác	VI.6	88,565	55,444
6. Chi phí từ hoạt động khác	VI.6	5,651	16,911
VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	VI.6	82,914	38,533
VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.7	-	1,709
VIII. Chi phí hoạt động	VI.8	1,459,022	1,227,211
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1,154,256	1,091,652
X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		472,393	81,647
XI. Tổng lợi nhuận trước thuế		681,863	1,010,005
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VIII.2	137,342	241,038
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	(1,306)
XII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		137,342	239,732
XIII. Lợi nhuận sau thuế		544,521	770,273
XIV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9a,b	1,506	2,234

Rạch Giá, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Thị Duyên  
Kế toán viên

Người kiểm soát:

Phạm Thị Mỹ Chi  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:

Trần Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc





## | BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: triệu VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác</b>			
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	V.13; VI.1	4,934,146	5,860,160
02. Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	V.18; VI.2	(3,225,183)	(3,508,722)
03. Thu nhập hoạt động dịch vụ nhận được	VI.3	396,044	255,650
04. "Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)"		42,799	92,010
			(5,435)
05. Thu nhập khác		(3,162)	32,685
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	VI.6	83,647	(1,107,374)
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(1,419,053)	(178,957)
08. Tiền thuế thực nộp trong kỳ	VIII.2	(174,815)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về tài sản và vốn lưu động</b>		<b>634,423</b>	<b>1,440,017</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
09. (Tăng)/Giảm tiền vàng gửi và cho vay các TCTD khác		-	-
10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(641,391)	(3,705,880)
11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(32,671)	(6,036)
12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(6,315,256)	(3,671,142)
13. (Giảm)/Tăng nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(259,350)	(7,984)
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(4,484,623)	(247,636)
<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>			
15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		2,451,824	-
16. Tăng/(Giảm) tiền gửi, tiền vay các TCTD		(2,183,895)	16,677,191
17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		798,266	9,379,908
18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá được tính vào hoạt động tài chính)		(300,000)	(600,000)
19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư, cho vay mà TCTD phải chịu rủi ro		-	-
20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		633,353	215,713
22. Chi từ các quỹ của TCTD		(1,267)	-
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(9,700,787)</b>	<b>19,474,151</b>



## | BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
01. Mua sắm tài sản cố định		(107,442)	(20,026)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		2,429	34,949
07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác)			14,521
09. Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư góp vốn dài hạn	VI.7		1,709
<b>II. Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(105,013)</b>	<b>31,153</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
01. Tăng vốn cổ phần từ hoạt động góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác		-	-
03. Tiền chi thanh toán giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác		-	-
04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	-
05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
<b>III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(9,805,800)</b>	<b>19,505,304</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm</b>	VII	<b>35,674,178</b>	<b>16,168,874</b>
<b>VI. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VII. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm</b>	VII	<b>25,868,378</b>	<b>35,674,178</b>

Rạch Giá, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Thị Duyên  
Kế toán viên

Người kiểm soát:

Phạm Thị Mỹ Chi  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:

Trần Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc





## I. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

#### Giấy phép thành lập và hoạt động, thời hạn có giá trị

Ngân hàng TMCP Kiên Long, tên gọi trước đây là Ngân hàng TMCP Nông thôn Kiên Long (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") hoạt động theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 0056/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 18 tháng 9 năm 1995.
- Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Năm 2006, Ngân hàng được đổi tên thành Ngân hàng TMCP Kiên Long và được chuyển đổi mô hình hoạt động từ ngân hàng nông thôn sang ngân hàng đô thị.

Ngân hàng đăng ký hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng đã nhiều lần được điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 17 tháng 12 năm 2021.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 18 tháng 9 năm 1995.

Hoạt động chính của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng, bao gồm: huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

#### Hình thức sở hữu vốn

Ngân hàng TMCP Kiên Long là ngân hàng thương mại cổ phần.

#### Vốn điều lệ

Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 là 3.652.819 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 3.652.819 triệu VND).

#### Mạng lưới hoạt động

Trụ sở chính của Ngân hàng đặt tại 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng có một (01) hội sở chính, ba mươi mốt (31) chi nhánh và một trăm lẻ ba (103) phòng giao dịch trên toàn quốc.

#### Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Ngân hàng và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Ngân hàng.

Ngân hàng đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long có trụ sở tại Tầng 6, Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Công ty con này được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1701452905, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2010 và điều chỉnh gần nhất vào ngày 21 tháng 02 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là: tư vấn, môi giới kinh doanh, cho thuê bất động sản, quyền sử dụng đất; quản lý các khoản nợ vay và tài sản bảo đảm nợ vay;



thẩm định giá và quản lý hồ sơ tài sản bảo đảm; tái cơ cấu các khoản vay; mua khoản nợ từ và bán khoản nợ cho các tổ chức tín dụng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Ngân hàng tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

#### Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 3.623 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 3.369 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND). Theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu Đồng Việt Nam (triệu VND) khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Ngân hàng áp dụng Hệ thống kế toán các Tổ chức tín dụng (TCTD) Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021. Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng theo Chế độ Báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các chuẩn mực kế toán có liên quan.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các TCTD do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

### IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TẬP ĐOÀN

#### Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.





## | BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Báo cáo tình hình tài chính giữa Ngân hàng và công ty con trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

### Chuyển đổi ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Tập đoàn được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay của ngoại tệ đó ("tỷ giá giao ngay") tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính nếu tỷ giá giao ngay này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính, trường hợp tỷ giá giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính thì Tập đoàn dùng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao ngay tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các giao dịch liên quan đến thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Tập đoàn được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND tại ngày báo cáo hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm.

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiền gửi tại các TCTD khác, cho vay các TCTD khác với kỳ hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

### Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

#### Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác:

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác bao gồm tiền gửi không kỳ hạn; tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng nước ngoài.

Tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước và tiền gửi tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài được phân ánh theo số dư trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước) và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 7 năm 2021 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư số 11/2021/TT-NHNN) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngân hàng thực hiện việc phân loại các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác dựa trên phương pháp định lượng theo các quy định trên. Việc tính dự phòng cụ thể các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng được căn cứ trên tình trạng quá hạn của nợ gốc hoặc lãi với các tỷ lệ trích lập như sau:



Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn)	0%
Nhóm 2 (nợ cần chú ý)	5%
Nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn)	20%
Nhóm 4 (nợ nghi ngờ)	50%
Nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn)	100%

### Cho vay các tổ chức tín dụng khác:

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc dưới một năm.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác được phân ánh theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại rủi ro tín dụng của các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng cụ thể tương ứng được thực hiện theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN tương tự như chính sách áp dụng đối với các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác như được trình bày ở trên.

Theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

### Chứng khoán kinh doanh

#### Phân loại

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

#### Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày Tập đoàn trở thành bên đối tác trong các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này.

#### Đo lường

Chứng khoán kinh doanh được phân ánh theo giá trị sổ sách trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Mức trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh tối đa bằng giá trị sổ sách của khoản chứng khoán đó.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh sẽ được hoàn nhập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm khi số dự phòng phải trích lập năm nay thấp hơn số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh đã trích lập ở báo cáo năm trước, hoặc tại các thời điểm khác khi lập Báo cáo tài chính mà Tập đoàn không còn nắm giữ bất kỳ loại chứng khoán kinh doanh nào.

Giá vốn chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi thu các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

### Cho vay khách hàng và phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Tiền vay được ghi nhận khi Tập đoàn và khách hàng ký kết hợp đồng vay, khế ước nhận nợ và Tập đoàn giải ngân cho khách hàng.

Phương thức cho vay đối với tổ chức và cá nhân dưới các hình thức: vay từng lần, theo hạn mức, theo dự án đầu tư,....





## | BÀN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Hình thức đảm bảo tiền vay chủ yếu là cầm cố, thế chấp tài sản. Ngoài ra, Tập đoàn còn cho vay tín chấp.

**Phân loại các khoản cho vay khách hàng**

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN. Tập đoàn cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid – 19 theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020, Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2021 và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07 tháng 9 năm 2021 sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Tập đoàn mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Tập đoàn phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro, ngoại trừ số dư nợ sau khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-NHNN, Thông tư 03/2021/TT-NHNN và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN còn trong hạn theo thời hạn cơ cấu lại, Tập đoàn không áp dụng nguyên tắc điều chỉnh, phân loại lại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn.

Khi Tập đoàn tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của các ngân hàng cho vay hợp vốn.

Theo quy định của Thông tư số 11/2021/TT-NHNN, Tập đoàn sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng ("CIC") cung cấp để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ hàng tháng. Trường hợp nợ của khách hàng được Tập đoàn phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Tập đoàn phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

**Dự phòng rủi ro tín dụng các khoản cho vay khách hàng**

Việc tính dự phòng cụ thể được căn cứ trên các tỷ lệ dự phòng áp dụng cho từng nhóm nợ như sau:

Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn)	0%
Nhóm 2 (nợ cần chú ý)	5%
Nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn)	20%
Nhóm 4 (nợ nghi ngờ)	50%
Nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn)	100%

Theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN dự phòng chung được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày cuối tháng của các khoản cho vay khách hàng, không bao gồm các khoản cho vay khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

Theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN, dự phòng cụ thể được tính theo số dư các khoản cho vay từng khách hàng tại ngày cuối tháng trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản đảm bảo. Giá trị và tỷ lệ khấu trừ của tài sản đảm bảo được xác định theo các quy định của Thông tư số 11/2021/TT-NHNN. Tài sản bảo đảm có giá trị từ 50 tỷ đồng Việt Nam trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là bên có liên quan của Tập đoàn và các đối tượng khác theo quy định tại Điều 127 của Luật các tổ chức tín dụng và tài sản bảo đảm có giá trị từ 200 tỷ đồng Việt Nam trở lên đối với các khoản nợ của các khách hàng khác phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá, đối với các trường hợp khác các trường hợp nêu trên, tài sản bảo đảm được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của Tập đoàn. Tài sản bảo đảm nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó xem như bằng không.

Dự phòng cụ thể được trích lập bổ sung theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2021/TT-NHNN, Thông tư số 14/2021/TT-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN quy định về việc



tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19.

**Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro các khoản cho vay khách hàng**

Các khoản cho vay khách hàng sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro sau khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay bị phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức, doanh nghiệp), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân). Các khoản nợ được xử lý rủi ro theo quyết định của Hội đồng Xử lý Rủi ro của Tập đoàn sau khi đã xem xét thấy mọi nỗ lực cần thiết để thu hồi khoản nợ, bao gồm cả các hành động pháp lý đều không có kết quả.

Tập đoàn chuyển khoản nợ được sử dụng dự phòng xử lý rủi ro ra hạch toán trên các tài khoản ngoại bảng và tiếp tục theo dõi, có biện pháp để thu hồi nợ đầy đủ theo thỏa thuận đã ký với khách hàng.

**Các cam kết ngoại bảng**

Các cam kết ngoại bảng bao gồm: các khoản bảo lãnh, cam kết giao dịch hối đoái và cam kết trong nghiệp vụ L/C.

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng và được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh trên.

Toàn bộ số dư nợ và giá trị các cam kết ngoại bảng của một khách hàng tại một tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được phân loại vào cùng một nhóm nợ. Đối với khách hàng có từ hai khoản nợ và/hoặc cam kết ngoại bảng trở lên tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà có bất cứ một khoản nợ hoặc cam kết ngoại bảng nào bị phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn các khoản nợ hoặc cam kết ngoại bảng khác thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó phải phân loại lại các khoản nợ hoặc cam kết ngoại bảng còn lại của khách hàng vào nhóm có mức độ rủi ro cao nhất.

Theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN, Tập đoàn không cần phải lập dự phòng rủi ro cho các cam kết ngoại bảng.

**Chứng khoán đầu tư**

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Tập đoàn phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Tập đoàn được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được mà Tập đoàn có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

**Ghi nhận chứng khoán đầu tư**

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán đầu tư tại ngày khớp lệnh đối với chứng khoán niêm yết hoặc tại ngày Tập đoàn chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật đối với chứng khoán chưa niêm yết.

**Chứng khoán nợ**

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí có liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro chứng



**| BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

khoản (bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán). Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian nắm giữ.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán đã niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn không thực hiện trích lập dự phòng đối với chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn trừ khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là Tập đoàn khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn của doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư số 11/2021/TT-NHNN.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi Tập đoàn mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá chứng khoán hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán đầu tư tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

**Chấm dứt ghi nhận chứng khoán đầu tư**

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận tại ngày khớp lệnh bán đối với chứng khoán niêm yết hoặc Tập đoàn đã chính thức chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật đối với chứng khoán chưa niêm yết.

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận chuyển	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	05 – 10

gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố



định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng đất (36 – 49 năm), riêng quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

**Chương trình phần mềm máy tính**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 08 năm.

**Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

**Các tài sản có khác****Chi phí mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí mua sắm tài sản, xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí mua sắm tài sản, sửa chữa trụ sở, xây dựng và nâng cấp phần mềm máy vi tính chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và nâng cấp.

**Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm**

Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm đã chuyển quyền sở hữu chờ xử lý là những tài sản gắn nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Tập đoàn.

**Các tài sản Có khác**

Các tài sản Có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng.

Các tài sản Có khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

Đối với các tài sản Có quá hạn thanh toán, Tập đoàn áp dụng mức trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.



**| BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoạt động.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả gồm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi và vay các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng và các khoản nợ khác được thể hiện theo giá gốc.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công cụ tài chính phái sinh**

Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá trị hợp đồng vào ngày giao dịch và sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Lãi hoặc lỗ khi các công cụ tài chính phái sinh được thực hiện đã ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện không được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất mà được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch đánh giá lại các công cụ tài chính phái sinh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào thời điểm cuối kỳ kế toán năm.

**Vốn chủ sở hữu và các quỹ****Vốn điều lệ**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Tập đoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

**Các quỹ dự trữ**

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với các TCTD, Tập đoàn phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định



Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Tập đoàn.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Tập đoàn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được trích từ lợi nhuận sau thuế. Việc trích từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi pháp luật và được phép phân phối hết.

**Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi không do pháp luật quy định được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và được phép phân phối hết, chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của Tập đoàn. Quỹ khen thưởng và phúc lợi được ghi nhận trong phần nợ phải trả của Tập đoàn.

**Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất**

Tại từng thời điểm, Tập đoàn có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Tập đoàn cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Cam kết và các khoản nợ tiềm tàng có thể đáo hạn trước khi giải ngân một phần hoặc toàn bộ các khoản đã cam kết. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

**Thu nhập lãi, chi phí lãi và ngừng dự thu lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 và các khoản nợ được giữ nguyên nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn) do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi Tập đoàn thực sự thu được.

Khi một khoản nợ được giữ nguyên Nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước thì số lãi phải thu phát sinh trong năm không được hạch toán là thu nhập và Tập đoàn thực hiện theo dõi ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi Tập đoàn thực sự thu được.

Đối với thu lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu,... là số lãi phải thu trong năm.

Các khoản chi phí trả lãi vay, tiền gửi được hạch toán trên cơ sở dự chi.

**Thu nhập từ hoạt động dịch vụ**

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ, phí từ các khoản bảo lãnh và các dịch vụ khác. Thu nhập từ các khoản bảo lãnh được ghi nhận theo phương pháp dồn tích. Thu nhập nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác được ghi nhận khi thu được.

**Thu nhập cổ tức**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.





## | BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

**Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**Tài sản tài chính****Phân loại tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:



- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

**Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính**

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

**Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động được ghi nhận theo giá hợp lý.

Nợ phải trả tài chính khác

Các khoản nợ phải trả tài chính khác gồm: tiền gửi và vay từ Ngân hàng Nhà nước và các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng, các khoản phải trả khác.



**| BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuế mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuận của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuận trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuận hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ; có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể; có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

**Bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp và các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Ngân hàng và công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Ngân hàng và công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Ngân hàng và công ty con. Các bên liên kết và các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Ngân hàng và công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Ngân hàng và công ty con, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, cần chú ý đến bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của mối quan hệ đó.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt bằng VND	701.168	975.244
Tiền mặt bằng ngoại tệ	41.649	71.371
<b>Cộng</b>	<b>742.817</b>	<b>1.046.615</b>

**2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi bằng VND	1.341.428	3.007.395
Tiền gửi bằng ngoại tệ	6.499	1.747.651
<b>Cộng</b>	<b>1.347.927</b>	<b>4.755.046</b>

Phân ánh các tài khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định. Trong đó, tiền gửi dự trữ bắt buộc được xác định tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, với tỷ lệ dự trữ là:

- Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng: 3% đối với VND, 8% đối với ngoại tệ.
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên: 1% đối với VND, 6% đối với ngoại tệ.
- Tiền gửi ở nước ngoài: 1% đối với ngoại tệ.

**3. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác****Tiền gửi tại các TCTD khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi không kỳ hạn	4.689.334	8.624.587
Bằng VND	4.521.126	7.102.790
Bằng ngoại tệ	168.208	1.521.797
Tiền gửi có kỳ hạn	15.089.800	20.461.140
Bằng VND	14.148.600	13.126.290
Bằng ngoại tệ	941.200	7.334.850
<b>Cộng</b>	<b>19.779.134</b>	<b>29.085.727</b>

**Cho vay các TCTD khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay các TCTD khác	3.998.500	786.790
Bằng VND	3.998.500	786.790
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.998.500</b>	<b>786.790</b>

**Phân tích chất lượng nợ vay**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, tất cả các khoản tiền gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng khác đều được phân loại là Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn.





## | BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 4. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Chứng khoán nợ</b>		
Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành (chưa niêm yết)	144.176	-
<b>Cộng</b>	<b>144.176</b>	<b>-</b>

## 5. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác

	Tổng giá trị hợp đồng (theo tỷ giá hối đoái tại ngày hiệu lực hợp đồng)	Tổng giá trị ghi sổ (theo tỷ giá hối đoái tại ngày cuối năm)
<b>Số cuối năm</b>		
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ (Giao dịch hoán đổi tiền tệ)	1.692.506	21.876
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ (Giao dịch kỳ hạn tiền tệ)	1.388.270	16.831
<b>Cộng</b>	<b>3.080.776</b>	<b>38.707</b>
<b>Số đầu năm</b>		
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ (Giao dịch hoán đổi tiền tệ)	5.467.186	6.036
<b>Cộng</b>	<b>5.467.186</b>	<b>6.036</b>

## 6. Cho vay khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	44.700.596	38.380.230
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	1.999	7.109
<b>Cộng</b>	<b>44.702.595</b>	<b>38.387.339</b>



## Phân tích chất lượng nợ vay

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ đủ tiêu chuẩn	43.501.787	37.454.982
Nợ cần chú ý	355.793	206.181
Nợ dưới tiêu chuẩn	75.282	98.389
Nợ nghi ngờ	121.976	95.906
Nợ có khả năng mất vốn	647.757	531.861
<b>Cộng</b>	<b>44.702.595</b>	<b>38.387.339</b>

## Phân tích dư nợ theo thời gian

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ ngắn hạn	27.619.454	22.646.432
Nợ trung hạn	10.291.949	7.864.682
Nợ dài hạn	6.791.192	7.876.225
<b>Cộng</b>	<b>44.702.595</b>	<b>38.387.339</b>

Cột "Số đầu năm" được trình bày lại dư nợ theo thời gian.

## Phân tích dư nợ theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hệ kinh doanh và cá nhân	22.339.786	26.124.777
Công ty trách nhiệm hữu hạn	17.058.356	7.231.663
Công ty cổ phần	5.302.093	5.027.576
Doanh nghiệp tư nhân	2.360	3.323
<b>Cộng</b>	<b>44.702.595</b>	<b>38.387.339</b>





## | BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## Phân tích dư nợ theo ngành kinh tế

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tiêu dùng của hộ gia đình	8.172.209	11.215.740
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	7.043.685	7.407.912
Hoạt động dịch vụ khác	16.203.288	11.961.662
Lĩnh vực bất động sản (kinh doanh, tự sử dụng)	2.928.243	3.362.115
Hoạt động đầu tư	270.000	487.400
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ	3.162.642	2.049.933
Xây dựng	4.667.549	983.802
Vận tải kho bãi	6.801	653.914
Công nghiệp chế biến, chế tạo	41.954	23.164
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	192.321	203.287
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	2.000	3.035
Thông tin và truyền thông	409	422
Giáo dục và đào tạo	10.725	10.805
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	640	2.800
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	45	524
Khai khoáng	-	500
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	84	84
<b>Cộng</b>	<b>44.702.595</b>	<b>38.387.339</b>



## 7. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

## Đối với sự thay đổi (tăng/giảm) của dự phòng rủi ro tín dụng

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể
<b>Năm nay</b>		
Số đầu năm nay	(260.629)	(106.187)
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	(62.756)	(409.637)
Sử dụng dự phòng trong năm	-	259.350
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>(323.385)</b>	<b>(256.474)</b>
<b>Năm trước</b>		
Số đầu năm trước	(234.686)	(58.467)
Dự phòng rủi ro (trích lập)/hoàn nhập trong năm trước	(25.943)	(55.704)
Sử dụng dự phòng trong năm trước	-	7.984
<b>Số cuối năm trước</b>	<b>(260.629)</b>	<b>(106.187)</b>
<b>Chi tiết số dư dự phòng</b>		
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng:	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng chung	(323.385)	(260.629)
Dự phòng cụ thể	(256.474)	(106.187)
<b>Cộng</b>	<b>(579.859)</b>	<b>(366.816)</b>





## | BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 8. Chứng khoán đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>	<b>1.541.999</b>	<b>1.641.483</b>
Chứng khoán nợ		
• Chứng khoán chính phủ	348.597	447.176
• Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	397.800	400.000
• Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	795.602	794.307
<b>Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>	<b>(5.966)</b>	<b>(5.956)</b>
Dự phòng chung	(5.966)	(5.956)
<b>Cộng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>	<b>1.536.033</b>	<b>1.635.527</b>
<b>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)</b>		
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu Chính phủ <sup>(a)</sup>	6.048.842	5.152.133
Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành	-	300.000
<b>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>6.048.842</b>	<b>5.452.133</b>
<b>Cộng chứng khoán đầu tư</b>	<b>7.584.875</b>	<b>7.087.660</b>

<sup>(a)</sup> Trong trái phiếu Chính phủ có các loại trái phiếu với tổng mệnh giá 3.616.000 triệu VND (số đầu năm là 1.469.000 triệu VND) được Ngân hàng cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tham gia nghiệp vụ thị trường mở, hạn mức bù trừ và hạn mức nợ ròng (xem thuyết minh số IX.5).

Biến động dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu năm	(5.956)	-
Trích lập dự phòng trong năm	(10)	(5.956)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(5.966)</b>	<b>(5.956)</b>



## 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	729.488	73.163	126.858	125.830	24.032	1.079.371
Mua trong năm	319	1.084	-	1.622	86	3.111
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	58	10.647	3.278	-	13.983
Thanh lý, nhượng bán	(186)	(533)	-	(72)	-	(791)
Phân loại lại	(601)	577	-	1.304	(1.280)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>729.020</b>	<b>74.349</b>	<b>137.505</b>	<b>131.962</b>	<b>22.838</b>	<b>1.095.674</b>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.258	13.868	43.328	45.999	9.589	117.042
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	161.498	36.850	85.849	88.223	14.450	386.870
Khấu hao trong năm	28.629	5.645	9.076	11.858	948	56.156
Thanh lý, nhượng bán	(186)	(533)	-	(72)	-	(791)
Phân loại lại	(601)	663	-	1.188	(1.250)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>189.340</b>	<b>42.625</b>	<b>94.925</b>	<b>101.197</b>	<b>14.148</b>	<b>442.235</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	567.990	36.313	41.009	37.607	9.582	692.501
<b>Số cuối năm</b>	<b>539.680</b>	<b>31.724</b>	<b>42.580</b>	<b>30.765</b>	<b>8.690</b>	<b>653.439</b>
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-





## | BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	686.287	98.250	98.250	795.228
Mua trong năm	-	-	-	175
Thanh lý	-	25.223	25.223	25.223
Phân loại lại	-	(9.148)	(9.148)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>686.287</b>	<b>114.325</b>	<b>114.325</b>	<b>820.626</b>
<b>Trong đó:</b>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	50.990	50.990	58.608
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	8.662	68.272	68.272	84.461
Khấu hao trong năm	1.821	8.022	8.022	10.996
Phân loại lại	-	(6.496)	(6.496)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.483</b>	<b>69.798</b>	<b>69.798</b>	<b>95.457</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	677.625	29.978	29.978	710.767
<b>Số cuối năm</b>	<b>675.804</b>	<b>44.527</b>	<b>44.527</b>	<b>725.169</b>
<b>Trong đó:</b>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-



## 11. Các khoản phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (i)	65.061	7.857
Khoản phải thu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên quan đến Chương trình Hỗ trợ lãi suất	3.972	3.822
Ký quỹ thuê văn phòng và tạm ứng hợp đồng	41.917	15.408
Tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ	8.820	50.919
<b>Khoản phải thu từ nghiệp vụ</b>		
vụ thế tín dụng và Banknetvn	856.385	480.171
Phải thu khách hàng nghiệp vụ thư tín dụng	4.020.291	-
Ký quỹ tại các tổ chức thanh toán quốc tế	34.136	8.739
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	579	8
Phải thu từ dịch vụ cho thuê kho và văn phòng	1.156	9.985
Phải thu từ bán tài sản cố định	-	56.381
<b>Khoản phải thu từ bán tài sản đảm bảo</b>		
của khách hàng vay	-	5.585
Phải thu khác	82.958	38.619
<b>Cộng</b>	<b>5.115.275</b>	<b>677.494</b>

<sup>(i)</sup> Chi tiết các khoản tạm ứng mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà cửa	4.385	4.155
Phần mềm máy vi tính	60.676	2.719
Máy móc thiết bị	-	983
<b>Cộng</b>	<b>65.061</b>	<b>7.857</b>





## | BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 12. Các khoản lãi, phí phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi phải thu từ tiền gửi	17.426	10.386
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	130.675	120.505
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	839.809	524.333
Lãi phải thu từ các công cụ tài chính phải sinh	3.443	164
Phí phải thu	106.140	-
<b>Cộng</b>	<b>1.097.493</b>	<b>655.388</b>

## 13. Tài sản có khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí chờ phân bổ	285.992	295.527
Công cụ và dụng cụ	8.461	2.718
Chi hộ các TCTD khác	15.684	466
Tài sản gán nợ đã chuyển quyền		
sở hữu cho Ngân hàng đang chờ xử lý	114.869	16.258
Tài sản có khác	12.925	10.970
<b>Cộng</b>	<b>437.931</b>	<b>325.939</b>

## 14. Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN

Vay tái chiết khấu trái phiếu với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với lãi suất từ 6%/năm đến 7%/năm.



## 15. Tiền, vàng gửi và vay các TCTD khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tiền gửi của các TCTD khác</b>	<b>19.623.547</b>	<b>25.772.472</b>
Tiền gửi không kỳ hạn	4.534.147	7.041.292
Bảng VND	4.534.147	7.041.292
Tiền gửi có kỳ hạn	15.089.400	18.731.180
Bảng VND	14.148.200	13.018.680
Bảng ngoại tệ	941.200	5.712.500
<b>Vay các TCTD khác</b>	<b>4.023.352</b>	<b>58.322</b>
Vay các TCTD khác bằng VND	4.022.601	57.526
Vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	751	796
<b>Cộng</b>	<b>23.646.899</b>	<b>25.830.794</b>

## 16. Tiền gửi của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi không kỳ hạn	2.051.781	7.949.405
Bảng VND	2.040.815	7.904.259
Bảng ngoại tệ	10.966	45.146
Tiền gửi có kỳ hạn	1.871.934	3.797.222
Bảng VND	1.824.874	3.797.222
Bảng ngoại tệ	47.060	-
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn	9.631	29.969
Bảng VND	6.550	25.470
Bảng ngoại tệ và vàng	3.081	4.499
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	48.240.973	39.607.262
Bảng VND	48.194.602	39.523.124
Bảng ngoại tệ và vàng	46.371	84.138
Tiền ký quỹ	21.552	13.747
Bảng VND	20.781	12.600
Bảng ngoại tệ	771	1.147
<b>Cộng</b>	<b>52.195.871</b>	<b>51.397.605</b>





## | BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 17. Các khoản lãi, phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi phải trả cho tiền gửi	978.377	996.963
Lãi phải trả về phát hành các giấy tờ có giá	-	27.498
Lãi phải trả cho tiền vay	89.995	54
Lãi phải trả cho các công cụ tài chính phải sinh	19.086	1.396
<b>Cộng</b>	<b>1.087.458</b>	<b>1.027.911</b>

## 18. Các khoản phải trả và công nợ khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước (xem thuyết minh số VIII.2)	50.265	76.179
Phải trả cho cán bộ, công nhân viên	-	27.184
Các khoản chờ thanh toán khác	1.035.154	431.941
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (i)	49.220	10.124
Chuyển tiền phải trả	1.500	3.715
Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	26.818	18.359
Phải trả khác	31.598	19.259
<b>Cộng</b>	<b>1.194.555</b>	<b>586.761</b>

<sup>i</sup> Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng và phúc lợi như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	10.124	1.096
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	40.364	9.028
Chi quỹ	(1.268)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>49.220</b>	<b>10.124</b>



## 19. Vốn và quỹ của Tập đoàn

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Các quỹ của TCTD	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	3.236.958	(34.200)	271.573	443.841	3.918.172
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	770.273	770.273
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm trước từ lợi nhuận sau thuế năm 2020	-	-	18.948	(18.948)	-
Tăng vốn từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	415.861	-	-	(415.861)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(9.028)	(9.028)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>3.652.819</b>	<b>(34.200)</b>	<b>290.521</b>	<b>770.277</b>	<b>4.679.417</b>
Số dư đầu năm nay	3.652.819	(34.200)	290.521	770.277	4.679.417
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	544.521	544.521
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm nay từ lợi nhuận sau thuế năm 2021	-	-	115.541	(115.541)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(40.364)	(40.364)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>3.652.819</b>	<b>(34.200)</b>	<b>406.062</b>	<b>1.158.893</b>	<b>5.183.574</b>





## | BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	365.281.878	365.281.878
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	365.281.878	365.281.878
Cổ phiếu phổ thông	365.281.878	365.281.878
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(3.800.000)	(3.800.000)
Cổ phiếu phổ thông	(3.800.000)	(3.800.000)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	361.481.878	361.481.878
Cổ phiếu phổ thông	361.481.878	361.481.878
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

## 20. Các quỹ của Tập đoàn

	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Cộng
Số dư đầu năm trước	28.215	243.355	3	271.573
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm trước từ lợi nhuận sau thuế năm 2020	6.316	12.632	-	18.948
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>34.531</b>	<b>255.987</b>	<b>3</b>	<b>290.521</b>
Số dư đầu năm nay	34.531	255.987	3	290.521
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm nay từ lợi nhuận sau thuế năm 2021	38.514	77.027	-	115.541
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>73.045</b>	<b>333.014</b>	<b>3</b>	<b>406.062</b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT



## 1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	Năm nay	Năm trước
Thu lãi tiền gửi	196.275	87.932
Thu lãi cho vay	4.893.529	5.114.354
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán nợ	271.729	195.543
Thu lãi từ bảo lãnh	10.934	2.641
Thu khác từ hoạt động tín dụng	3.784	48.669
<b>Cộng</b>	<b>5.376.251</b>	<b>5.449.139</b>

## 2. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

	Năm nay	Năm trước
Trả lãi tiền gửi	2.662.993	2.756.110
Trả lãi tiền vay	165.954	3.051
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	14.299	39.632
Chi phí khác từ hoạt động tín dụng	421.484	719.386
<b>Cộng</b>	<b>3.284.730</b>	<b>3.518.179</b>

## 3. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>422.695</b>	<b>273.173</b>
Thu từ dịch vụ thanh toán	304.891	35.396
Thu từ dịch vụ cho thuê kho và văn phòng	3.679	7.436
Thu từ dịch vụ thẩm định tài sản	21.809	19.502
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	640	964
Thu từ kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm	64.554	35.437
Thu từ dịch vụ tư vấn	-	164.673
Thu khác	27.122	9.763
<b>Chi phí hoạt động dịch vụ</b>	<b>26.651</b>	<b>17.523</b>
Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	17.069	13.840
Chi về dịch vụ tư vấn	5.550	1.614
Chi về dịch vụ khác	4.012	2.069
<b>Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>396.044</b>	<b>255.650</b>





## | THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 4. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Năm nay	Năm trước
<b>Thu về hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>487.987</b>	<b>147.813</b>
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	381.855	108.772
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	106.132	39.041
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>453.006</b>	<b>119.539</b>
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	196.497	8.681
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	256.509	110.858
<b>Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối</b>	<b>34.981</b>	<b>28.274</b>

## 5. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	29.234	72.945
Chi cho kinh doanh chứng khoán đầu tư	(21.406)	(3.252)
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(10)	(5.956)
<b>Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>7.818</b>	<b>63.737</b>

## 6. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác

	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập từ hoạt động khác</b>	<b>88.565</b>	<b>55.444</b>
Thu từ bán tài sản gán nợ	2.429	18.218
Thu hồi các khoản nợ đã xóa	83.647	32.685
Thu từ hoạt động kinh doanh khác	2.489	4.541
<b>Chi phí hoạt động khác</b>	<b>5.651</b>	<b>16.911</b>
Chi phí cho hoạt động công tác xã hội	2.091	13.014
Chi phí khác	3.560	3.897
<b>Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác</b>	<b>82.914</b>	<b>38.533</b>

## 7. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức nhận được từ đầu tư dài hạn khác	-	1.709
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.709</b>



## 8. Chi phí hoạt động

	Năm nay	Năm trước
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	20.185	16.046
Chi phí cho nhân viên	957.263	761.402
Trong đó:		
Chi lương và phụ cấp	840.816	680.024
Các khoản chi đóng góp theo lương	59.233	50.766
Chi phí khác cho nhân viên	57.214	30.612
Chi về tài sản	189.687	205.471
Trong đó:		
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.152	67.472
Chi phí thuê tài sản	73.440	70.435
Chi sửa chữa, bảo trì	37.446	52.141
Chi mua sắm công cụ lao động	11.248	15.196
Chi phí khác	401	227
Chi phí hoạt động quản lý và công vụ	235.209	158.518
Trong đó:		
Chi phí quảng cáo tiếp thị, khuyến mại và vật liệu văn phòng	52.890	23.483
Công tác phí	9.794	2.976
Chi phí điện nước, vệ sinh cơ quan, xăng dầu	40.344	33.415
Chi phí thông tin liên lạc, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ	50.975	39.175
Chi phí đào tạo	516	191
Chi phí hội nghị, lễ tân, khánh tiết	65.652	49.592
Chi phí khác	15.038	9.686
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	56.678	60.595
Chi phí dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng	-	25.179
<b>Cộng</b>	<b>1.459.022</b>	<b>1.227.211</b>





## | THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

## Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	544.521	770.273
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi <sup>II</sup>	-	(40.364)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	544.521	729.909
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	361.481.878	326.731.854
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.506</b>	<b>2.234</b>

<sup>II</sup> Tập đoàn chưa có kế hoạch phân phối quỹ khen thưởng và phúc lợi năm nay. Lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ được điều chỉnh lại sau khi có kế hoạch phân phối lợi nhuận năm nay được Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng thông qua.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 6 năm 2022. Việc áp dụng này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 2.358 VND xuống còn 2.234 VND.

## Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

## Tiền và các khoản tương đương tiền

	Năm nay	Năm trước
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	742.817	1.046.615
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	1.347.927	4.755.046
Tiền gửi thanh toán, tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn trong vòng 3 tháng	8.687.834	9.411.377
Tiền gửi các tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	15.089.800	20.461.140
<b>Cộng</b>	<b>25.868.378</b>	<b>35.674.178</b>



## VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

## 1. Tình hình thu nhập của nhân viên

	Năm nay	Năm trước
Số lượng nhân viên bình quân (người)	3.479	3.306
<b>Thu nhập của nhân viên</b>		
Tổng quỹ lương	750.666	610.417
Tiền thưởng	90.150	69.607
<b>Tổng thu nhập</b>	<b>840.816</b>	<b>680.024</b>
<i>Tiền lương bình quân/tháng</i>	<i>18</i>	<i>15</i>
<i>Thu nhập bình quân/tháng</i>	<i>20</i>	<i>17</i>

## 2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

	Năm nay	Số phát sinh trong năm		Số cuối năm
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT	3.774	40.629	(30.266)	14.137
Thuế thu nhập doanh nghiệp	69.088	137.342	(174.815)	31.615
Các loại thuế khác	3.317	39.240	(38.044)	4.513
<b>Cộng</b>	<b>76.179</b>	<b>217.211</b>	<b>(243.125)</b>	<b>50.265</b>

## Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng cho hoạt động dịch vụ ngân hàng và thanh toán là 10%.

## Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ngân hàng TMCP Kiên Long	137.342	239.651
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long	-	1.387
<b>Cộng</b>	<b>137.342</b>	<b>241.038</b>



**| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các khoản thuế, lệ phí khác**

Tập đoàn nộp theo các quy định hiện hành.

**3. Loại hình và giá trị tài sản thế chấp của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bất động sản	59.353.993	61.386.087
Máy móc và thiết bị	136.483	451.033
Phương tiện vận tải	1.112.611	1.325.960
Cổ phiếu phát hành bởi TCTD khác	240.663	224.250
Cổ phiếu phát hành bởi tổ chức kinh tế khác	8.911.045	2.946.538
Sổ tiết kiệm	11.729.433	6.789.952
Tài sản khác	14.815.501	12.193.968
<b>Cộng</b>	<b>96.299.749</b>	<b>85.317.788</b>

**4. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Cam kết trong nghiệp vụ L/C</i>	<i>6.938</i>	<i>9.042</i>
Giá trị theo hợp đồng	7.709	13.025
Trừ: Tiền ký quỹ	(771)	(3.983)
<b>Bảo lãnh khác</b>	<b>257.326</b>	<b>334.284</b>
Giá trị theo hợp đồng	281.212	337.073
Trừ: Tiền ký quỹ	(23.886)	(2.789)

**5. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được**

Lãi cho vay chưa thu được:

**6. Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	419.018	211.056
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	1.125.268	775.983
<b>Cộng</b>	<b>1.544.286</b>	<b>987.039</b>

**7. Tài sản và chứng từ khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản khác giữ hộ	15.497.812	12.133.407
Tài sản thuê ngoài	-	1.499
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	923.289	827.032
<b>Cộng</b>	<b>16.421.101</b>	<b>12.961.938</b>





## | THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 8. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập thuần của các thành viên quản lý chủ chốt (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng) trong năm nay là 35.644 triệu VND (năm trước là 26.017 triệu VND).

Các nghiệp vụ phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Thành viên Hội đồng quản trị</b>	173	253
Chi phí lãi tiền gửi	15.615	13.135
Thù lao và thưởng		
<b>Thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>		
Chi phí lãi tiền gửi	49	17
Tiền lương và thưởng	14.321	12.308
<b>Thành viên Ban kiểm soát</b>		
Chi phí lãi tiền gửi	4	-
Thù lao và thưởng	5.708	3.397
<b>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Chi phí lãi tiền gửi	1.270	5.171
<b>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>		
Chi phí lãi tiền gửi	9.997	3.762
<b>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban kiểm soát</b>		
Chi phí lãi tiền gửi	84	159



Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Cho vay	27	-
<b>Thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>		
Cho vay	298	-
<b>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Cho vay	53.373	-
<b>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>		
Cho vay	815	-
<b>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban kiểm soát</b>		
Cho vay	225	-
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>56.718</b>	<b>2.050</b>
<b>Thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Tiền gửi	1.848	3.829
Lãi phải trả	6	3
<b>Thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>		
Tiền gửi	4.738	16.732
Lãi phải trả	5	4
<b>Thành viên Ban kiểm soát</b>		
Tiền gửi	243	220
<b>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Tiền gửi	47.876	2.183.829
Lãi phải trả	54	1.363
<b>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>		
Tiền gửi	164.291	2.731.799
Lãi phải trả	274	1.095
<b>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban kiểm soát</b>		
Tiền gửi	1408	1.808
Lãi phải trả	19	20
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>551.546</b>	<b>5.203.362</b>





## | THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 9. Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

	Tổng dư nợ tiền gửi cho vay	Tổng tiền gửi và tiền vay	Phát hành giấy tờ có giá	Các cam kết tín dụng	Chứng khoán kinh doanh	Chứng khoán đầu tư
<b>Số cuối năm</b>	<b>69.828.156</b>	<b>78.294.594</b>	<b>-</b>	<b>288.921</b>	<b>144.176</b>	<b>7.590.841</b>
Trong nước	69.828.156	78.294.594	-	288.921	144.176	7.590.841
Nước ngoài	-	-	-	-	-	-
<b>Số đầu năm</b>	<b>73.014.902</b>	<b>77.228.399</b>	<b>300.000</b>	<b>350.098</b>	<b>-</b>	<b>7.093.616</b>
Trong nước	73.014.902	77.228.399	300.000	350.098	-	7.093.616
Nước ngoài	-	-	-	-	-	-

## IX. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

## 1. Tổng quan

Hoạt động của Ngân hàng phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm tổng thể về việc hướng dẫn, giám sát nhận định về rủi ro và đảm bảo duy trì một nền văn hóa quản lý rủi ro và tuân thủ hiệu quả. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm trong việc xây dựng các mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Ngân hàng, bao gồm việc thiết lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, các hạn mức rủi ro và các quy định về phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro được thực hiện bởi các phòng, ban, trung tâm có liên quan theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Phòng Quản lý rủi ro của Ngân hàng thực hiện công tác quản lý rủi ro hàng ngày tại Ngân hàng dưới sự chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Cùng với các phòng ban khác, trung tâm khai thác, Phòng Quản lý rủi ro chịu trách nhiệm phát triển hệ thống quản lý rủi ro các công cụ và phương pháp luận để xác định, đo lường, theo dõi, kiểm soát và đánh giá rủi ro.

Ngoài ra, Phòng Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng chịu trách nhiệm soát xét độc lập việc quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát của Ngân hàng.

## 2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi bên đối tác của Ngân hàng không thực hiện trách nhiệm của mình gây ra tổn thất cho Ngân hàng. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ hoạt động cho vay hình thành nợ và các khoản tạm ứng.

Các chính sách quản lý và giảm thiểu rủi ro tín dụng

Để quản lý rủi ro tín dụng Ngân hàng sử dụng các công cụ như: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; xếp hạng tín dụng; quy định về hạn mức tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Ngân hàng quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc xây dựng hạn mức cho vay đối với mỗi khách hàng hay một nhóm khách hàng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngoài ra, việc quản lý rủi ro tín dụng còn được thực hiện thông qua phân tích khả năng khách hàng hay khách hàng tiềm năng có thể thanh toán gốc và lãi.



Mức độ tập trung rủi ro của tài sản tài chính có rủi ro tín dụng

Các tài sản tài chính phi phái sinh phân loại theo khu vực địa lý được trình bày tại thuyết minh số X.

Tổng mức tối đa có rủi ro tín dụng chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất cũng như trên các tài khoản ngoại bảng của các công cụ tài chính mà chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng khác.

Bảng dưới đây trình bày mức rủi ro tín dụng tối đa của Ngân hàng:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Mức rủi ro tín dụng của các tài khoản thuộc Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất</b>		
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	1.347.927	4.755.046
Tiền gửi và cho vay tại các TCTD khác	23.777.634	29.872.517
Chứng khoán kinh doanh – gộp	144.176	-
Cho vay khách hàng – gộp	44.702.595	38.387.339
Chứng khoán đầu tư – gộp	7.590.841	7.093.616
Các khoản lãi, phí phải thu	1.097.493	655.388
Các tài sản tài chính khác – gộp	4.998.898	603.302
<b>Cộng</b>	<b>83.659.564</b>	<b>81.367.208</b>
<b>Mức độ rủi ro tín dụng của các tài khoản ngoại bảng</b>		
Cam kết trong nghiệp vụ L/C – gộp	7.709	13.025
Bảo lãnh khác – gộp	281.212	337.073
<b>Cộng</b>	<b>288.921</b>	<b>350.098</b>

## 3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng sẽ đối mặt với khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính.

Chiến lược của Tập đoàn trong quản lý rủi ro thanh khoản là Ban Tổng Giám đốc thiết lập giới hạn về mức tối thiểu các khoản vốn đến hạn có thể dùng để đáp ứng những yêu cầu rút vốn này và mức tối thiểu các khoản vay liên ngân hàng và các khoản vay để đáp ứng những nhu cầu rút vốn ngoài dự kiến.

Hoạt động trong lĩnh vực rất nhạy cảm trước các biến động của thị trường, các tin đồn thất thiệt có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Tập đoàn đang thực hiện các biện pháp nhằm kiểm soát rủi ro về thanh khoản như sau:

- Thực hiện duy trì các tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Quản lý nguồn vốn tập trung, đảm bảo khả năng thanh khoản cho ngân hàng thông qua việc nghiên cứu, phân tích độ lệch kỳ hạn; dự đoán thời hạn, trị giá các khoản chi chủ yếu ảnh hưởng đến luồng tiền vào ra, từ đó đưa ra các chỉ số giới hạn, các danh mục đầu tư hợp lý và có tính thanh khoản cao có thể chuyển đổi thành tiền mặt đáp ứng nhu cầu rút tiền theo định kỳ hoặc đột xuất của khách hàng;
- Luôn theo dõi, phân tích, đánh giá và có trách nhiệm chủ động công bố thông tin nhằm giúp khách hàng hiểu rõ mọi hoạt động của Tập đoàn.





## | THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Tập đoàn theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2022 đến ngày đáo hạn:

Tài sản	Trong hạn							
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng		Từ 1-3 tháng	Từ 3-12 tháng	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	742.817		-	-	-	-
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	1.347.927		-	-	-	-
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	19.779.134		-	3.998.500	-	-
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-		-	144.176	-	-
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	38.707		-	-	-	-
Cho vay khách hàng (*)	845.015	355.793	3.226.331		4.368.835	21.185.103	9.134.707	5.586.811
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-		-	397.800	795.602	6.397.439
Tài sản cố định	-	-	607.286		259	2.437	82.939	685.687
Các tài sản có khác (*)	54.483	-	1.097.493		5.500.029	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>899.498</b>	<b>355.793</b>	<b>26.839.695</b>		<b>9.869.123</b>	<b>25.728.016</b>	<b>10.013.248</b>	<b>12.669.937</b>
<b>Nợ phải trả</b>								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	20.928.133		1.156.625	4.005.613	7.601	751
Tiền gửi của khách hàng	-	-	7.566.888		7.714.529	34.518.852	2.394.231	1.371
Các khoản nợ khác	-	-	2.282.013		-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>30.777.034</b>		<b>8.871.154</b>	<b>38.524.465</b>	<b>2.401.832</b>	<b>2.122</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>899.498</b>	<b>355.793</b>	<b>(3.937.339)</b>		<b>997.969</b>	<b>(12.796.449)</b>	<b>7.611.416</b>	<b>12.667.815</b>
								<b>5.798.703</b>

(\*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.







## | THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Tập đoàn theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2021 đến ngày đáo hạn:

Tài sản	Trong hạn							
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng		Từ 1-3 tháng	Từ 3-12 tháng	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	1.046.615		-	-	-	-
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	4.755.046		-	-	-	-
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	27.827.097		2.045.420	-	-	-
Cộng cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	6.036		-	-	-	-
Cho vay khách hàng (*)	726.176	206.181	4.100.238		4.583.948	13.483.129	8.759.677	6.527.990
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-		150.000	150.000	1.194.307	5.599.309
Tài sản cố định	-	-	607.663		10	3.582	58.463	733.550
Các tài sản cố khác (*)	54.510	-	655.388		950.229	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>780.686</b>	<b>206.181</b>	<b>38.998.083</b>		<b>7.729.607</b>	<b>13.636.711</b>	<b>10.012.447</b>	<b>12.860.849</b>
<b>Nợ phải trả</b>								
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	23.727.002		2.046.898	33.498	15.000	8.396
Tiền gửi của khách hàng	-	-	17.344.960		11.677.946	20.547.527	1.826.319	853
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-		-	300.000	-	-
Các khoản nợ khác	-	-	1.614.672		-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>42.686.634</b>		<b>13.724.844</b>	<b>20.881.025</b>	<b>1.841.319</b>	<b>9.249</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>780.686</b>	<b>206.181</b>	<b>(3.688.551)</b>		<b>(5.995.237)</b>	<b>(7.244.314)</b>	<b>8.171.128</b>	<b>12.851.600</b>
								<b>5.081.493</b>

\* Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.







## | THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

**4. Rủi ro thị trường**

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị của dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động giá trên thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ trạng thái mở của lãi suất và tiền tệ chịu tác động từ biến động trên thị trường nói chung và từng loại thị trường nói riêng và sự thay đổi mức độ biến động của giá thị trường như: lãi suất, tin dụng, tỷ giá hối đoái.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính bị biến động do tác động của các thay đổi về lãi suất của thị trường. Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc kiểm soát mức chênh lệch lãi suất theo kỳ hạn hàng tháng.

Tập đoàn đo lường bằng cách phân tích độ nhạy cảm của lãi suất, tức là phân loại trái phiếu và các chứng từ khác về mức độ rủi ro thị trường phân ra theo loại tiền, ngày đến hạn...

Để có thể kiểm soát rủi ro về lãi suất, Tập đoàn đã và đang áp dụng chính sách quản lý rủi ro lãi suất trên cơ sở hệ thống báo cáo ALCO nhằm phân tích mức chênh lệch tài sản nợ - tài sản có nhạy cảm với lãi suất trong từng khung kỳ hạn, tính toán Duration Gap của tài sản nợ - tài sản có, lãi suất của các khoản mục nguồn vốn và tài sản, từ đó đưa ra các biện pháp xử lý, cụ thể:

- Thực hiện cho vay với lãi suất thả nổi, điều này có thể cho phép Tập đoàn có thể linh hoạt mức lãi suất cho vay phù hợp với biến động của thị trường;
- Duy trì chênh lệch lãi suất giữa đầu vào, đầu ra một cách hợp lý, tuân thủ quy định về an toàn vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

KienlongBank







## | THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 – 3 tháng	Từ 3 – 6 tháng	Từ 6 – 12 tháng	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Tài sản</b>									
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	-	742.817	-	-	-	-	-	742.817
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	1.347.927	-	-	-	-	-	1.347.927
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	19.779.134	-	1.000.000	2.998.500	-	-	23.777.634
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-	-	144.176	-	-	144.176
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	38.707	-	-	-	-	-	38.707
Cho vay khách hàng (*)	1.200.808	-	3.226.331	4.368.835	4.818.056	16.367.047	9.134.707	5.586.811	44.702.595
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	-	397.800	795.602	6.397.439	7.590.841
Tài sản cố định	-	1.378.608	-	-	-	-	-	-	1.378.608
Các tài sản cố khác (*)	54.483	6.597.522	-	-	-	-	-	-	6.652.005
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.255.291</b>	<b>7.976.130</b>	<b>25.134.916</b>	<b>4.368.835</b>	<b>5.818.056</b>	<b>19.907.523</b>	<b>9.930.309</b>	<b>11.984.250</b>	<b>86.375.310</b>
<b>Nợ phải trả</b>									
Tiền gửi và vay NHNN và các TCTD khác	-	-	20.928.133	1.156.625	1.005.613	3.000.000	7.601	751	26.098.723
Tiền gửi của khách hàng	-	-	7.566.888	7.714.529	20.139.778	14.379.074	2.394.231	1.371	52.195.871
Các khoản nợ khác	-	2.282.013	-	-	-	-	-	-	2.282.013
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>2.282.013</b>	<b>28.495.021</b>	<b>8.871.154</b>	<b>21.145.391</b>	<b>17.379.074</b>	<b>2.401.832</b>	<b>2.122</b>	<b>80.576.607</b>
<b>Mức chênh lệch cam với lãi suất – nội bảng</b>	<b>1.255.291</b>	<b>5.694.117</b>	<b>(3.360.105)</b>	<b>(4.502.319)</b>	<b>(15.327.335)</b>	<b>2.528.449</b>	<b>7.528.477</b>	<b>11.982.128</b>	<b>5.798.703</b>

(\*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.





## | BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Giả hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 – 3 tháng	Từ 3 – 6 tháng	Từ 6 – 12 tháng	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Tài sản</b>									
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	1.046.615	-	-	-	-	-	-	1.046.615
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	4.755.046	-	-	-	-	-	4.755.046
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	27.827.097	2.045.420	-	-	-	-	29.872.517
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	6.036	-	-	-	-	-	6.036
Cho vay khách hàng (*)	932.357	-	4.100.238	4.583.948	5.299.743	8.183.386	8.759.677	6.527.990	38.367.339
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	150.000	-	150.000	1.194.307	5.599.309	7.093.616
Tài sản cố định	-	1.403.268	-	-	-	-	-	-	1.403.268
Các tài sản cố khác (*)	54.510	1.605.617	-	-	-	-	-	-	1.660.127
<b>Tổng tài sản</b>	<b>986.867</b>	<b>4.055.500</b>	<b>36.688.417</b>	<b>6.779.368</b>	<b>5.299.743</b>	<b>8.333.386</b>	<b>9.953.984</b>	<b>12.127.299</b>	<b>84.224.564</b>
<b>Nợ phải trả</b>									
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	23.727.002	2.046.898	26.465	7.033	15.000	8.396	25.830.794
Tiền gửi của khách hàng	-	-	17.344.960	11.677.946	10.328.911	10.218.616	1.826.319	853	51.397.605
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	300.000	-	-	300.000
Các khoản nợ khác	-	1.614.672	-	-	-	-	-	-	1.614.672
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>1.614.672</b>	<b>41.071.962</b>	<b>13.724.844</b>	<b>10.355.376</b>	<b>10.525.649</b>	<b>1.841.319</b>	<b>9.249</b>	<b>79.143.071</b>
<b>Mức chênh lệch cam với lãi suất – nội bảng</b>	<b>986.867</b>	<b>2.440.828</b>	<b>(4.383.545)</b>	<b>(6.945.476)</b>	<b>(5.055.633)</b>	<b>(2.192.263)</b>	<b>8.112.665t</b>	<b>12.118.050</b>	<b>5.081.493</b>

(\*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.



**| BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Tập đoàn được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Tập đoàn cũng là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD, EUR và các ngoại tệ khác.

Chiến lược của Tập đoàn trong quản lý rủi ro tiền tệ là đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Tập đoàn sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Ngoài ra, Tập đoàn còn sử dụng các công cụ khác như: tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND.

Để giảm thiểu rủi ro về tiền tệ, Tập đoàn đã xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rủi ro về ngoại hối như sau:

- Tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Thiết lập và quản lý hạn mức trạng thái ngoại hối mở;
- Kiểm soát rủi ro thông qua các quy định tách bạch chức năng của các bộ phận, quy định về phân quyền, hạn mức giao dịch, hạn mức dừng lỗ;
- Đa dạng hóa các sản phẩm phái sinh.

Mọi giao dịch nội, ngoại bảng đều được tính ngay vào trạng thái ngoại tệ ngay khi phát sinh.

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro hối đoái của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Bảng trình bày các tài sản và nợ của Tập đoàn theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ.

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Tiền tệ khác quy đổi	Cộng
<b>Tài sản</b>				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	35.279	3.640	2.730	41.649
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	6.499	-	-	6.499
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	1.096.267	4.733	8.408	1.109.408
Các công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác (*)	(3.042.069)	-	-	(3.042.069)
Cho vay khách hàng (*)	138.838	-	-	138.838
<b>Tổng tài sản</b>	<b>(1.765.186)</b>	<b>8.373</b>	<b>11.138</b>	<b>(1.745.675)</b>
<b>Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	941.951	-	-	941.951
Tiền gửi của khách hàng	106.512	1.642	95	108.249
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.048.463</b>	<b>1.642</b>	<b>95</b>	<b>1.050.200</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội bảng</b>	<b>(2.813.649)</b>	<b>6.731</b>	<b>11.043</b>	<b>(2.795.875)</b>
<b>Trạng thái tiền tệ ngoại bảng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng</b>	<b>(2.813.649)</b>	<b>6.731</b>	<b>11.043</b>	<b>(2.795.875)</b>

(\*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.



Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro hối đoái của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Bảng trình bày các tài sản và nợ của Tập đoàn theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ.

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Tiền tệ khác quy đổi	Cộng
<b>Tài sản</b>				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	35.279	2.248	4.482	71.371
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	6.499	-	-	1.747.650
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	1.096.267	2.985	819.431	9.643.437
Các công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác (*)	(3.042.069)	-	-	(5.461.150)
Cho vay khách hàng (*)	138.838	-	-	201.206
<b>Tổng tài sản</b>	<b>(1.765.186)</b>	<b>5.233</b>	<b>823.913</b>	<b>6.202.514</b>
<b>Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	941.951	-	-	5.713.295
Tiền gửi của khách hàng	106.512	1.032	50.896	182.775
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.048.463</b>	<b>1.032</b>	<b>50.896</b>	<b>5.896.070</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội bảng</b>	<b>(2.813.649)</b>	<b>4.201</b>	<b>773.017</b>	<b>306.444</b>
<b>Trạng thái tiền tệ ngoại bảng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng</b>	<b>(2.813.649)</b>	<b>4.201</b>	<b>773.017</b>	<b>306.444</b>

(\*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

**5. Tài sản đảm bảo****Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đang thế chấp các giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với giá trị 3.616.000 triệu VND (số đầu năm là 1.469.000 triệu VND) (xem thuyết minh số V.8).

**Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác**

Chi tiết tài sản nhận thế chấp được trình bày tại thuyết minh số VIII.3. Tập đoàn chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản thế chấp này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.





## | BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 6. Tài sản và nợ phải trả tài chính

## Tài sản tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	742.817	-	1.046.615	-
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	1.347.927	-	4.755.046	-
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	23.777.634	-	29.872.517	-
Chứng khoán kinh doanh	144.176	-	-	-
Công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác	38.707	-	6.036	-
Cho vay khách hàng	44.702.595	(579.859)	38.387.339	(366.816)
Chứng khoán đầu tư	7.590.841	(5.966)	7.093.616	(5.956)
Các khoản lãi, phí phải thu	1.097.493	-	655.388	-
Các tài sản có khác	4.998.898	(29.304)	603.302	(29.304)
<b>Cộng</b>	<b>84.441.088</b>	<b>(615.129)</b>	<b>82.419.859</b>	<b>(402.076)</b>

## Nợ phải trả tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi và vay các TCTD khác	26.098.723	25.830.794
Tiền gửi của khách hàng	52.195.871	51.397.605
Phát hành giấy tờ có giá	-	300.000
Các khoản lãi, phí phải trả	1.087.458	1.027.911
Các khoản nợ khác	1.095.070	473.274
<b>Cộng</b>	<b>80.477.122</b>	<b>79.029.584</b>

## Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa xác định được vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán của các TCTD Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.







## | BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

**X. BÁO CÁO BỘ PHẬN****1. Báo cáo bộ phận chính yếu**

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Điều chỉnh		Cộng	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>I. Thu nhập</b>	<b>1.035.565</b>	<b>628.603</b>	<b>834.608</b>	<b>787.415</b>	<b>6.074.801</b>	<b>5.444.112</b>	<b>(1.540.252)</b>	<b>(859.907)</b>	<b>6.404.722</b>	<b>6.000.223</b>
1. Thu nhập lãi	892.232	587.949	783.311	741.766	5.240.960	4.979.331	(1.540.252)	(859.907)	5.376.251	5.449.139
Thu nhập lãi khách hàng bên ngoài	990.688	344.656	571.355	597.184	3.814.208	4.507.299	-	-	5.376.251	5.449.139
Thu nhập lãi nội bộ	(98.456)	243.293	211.956	144.582	1.426.752	472.032	(1.540.252)	(859.907)	-	-
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	128.318	37.897	45.113	44.372	249.264	190.904	-	-	422.695	273.173
3. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	15.015	2.757	6.184	1.277	584.577	273.877	-	-	605.776	277.911
<b>II. Chi phí</b>	<b>639.227</b>	<b>453.766</b>	<b>733.091</b>	<b>689.945</b>	<b>5.418.400</b>	<b>4.624.767</b>	<b>(1.540.252)</b>	<b>(859.907)</b>	<b>5.250.466</b>	<b>4.908.571</b>
1. Chi phí lãi	537.365	376.135	548.787	525.417	3.738.830	3.476.534	(1.540.252)	(859.907)	3.284.730	3.518.179
Chi phí lãi từ khách hàng bên ngoài	343.875	356.457	474.295	479.949	2.466.560	2.681.773	-	-	3.284.730	3.518.179
Chi phí lãi từ nội bộ	193.490	19.678	74.492	45.468	1.272.270	794.761	(1.540.252)	(859.907)	-	-
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	903	983	7.969	8.155	58.280	58.334	-	-	67.152	67.472
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	100.959	76.648	176.335	156.373	1.621.290	1.089.899	-	-	1.898.584	1.322.920
<b>Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro</b>	<b>396.338</b>	<b>174.837</b>	<b>101.517</b>	<b>97.470</b>	<b>656.401</b>	<b>819.345</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.154.256</b>	<b>1.091.652</b>
Chi phí dự phòng rủi ro	112.906	27.375	63.073	7.271	296.414	47.001	-	-	472.393	81.647
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>283.432</b>	<b>147.462</b>	<b>38.444</b>	<b>90.199</b>	<b>359.987</b>	<b>772.344</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>681.863</b>	<b>1.010.005</b>







## | BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Điều chỉnh		Cộng	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>I. Tài sản</b>	<b>6.576.196</b>	<b>5.241.749</b>	9.318.453	6.434.940	69.865.532	72.145.799	-	-	85.760.181	83.822.488
1. Tiền mặt	61.720	99.638	121.839	177.990	559.258	768.987	-	-	742.817	1.046.615
2. Tài sản cố định	2.972	3.488	243.230	250.264	1.132.406	1.149.516	-	-	1.378.608	1.403.268
3. Tài sản khác	6.511.504	5.138.623	8.953.384	6.006.686	68.173.868	70.227.296	-	-	83.638.756	81.372.605
<b>II. Nợ phải trả</b>	<b>6.292.765</b>	<b>12.186.420</b>	9.280.010	7.518.534	65.003.832	59.438.117	-	-	80.576.607	79.143.071
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	6.238.812	12.184.206	9.277.753	7.516.765	63.865.487	58.855.339	-	-	79.382.052	78.556.310
2. Nợ phải trả khác	<b>53.953</b>	<b>2.214</b>	2.257	1.769	1.138.345	582.778	-	-	1.194.555	586.761

KienlongBank





## | BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 2. Báo cáo bộ phận thứ yếu

Tập đoàn có 2 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: ngân hàng và quản lý nợ và khai thác tài sản.

Kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Lĩnh vực ngân hàng	Lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản	Lợi trừ	Cộng
<b>Năm nay</b>				
Thu nhập	6.379.155	58.603	(33.026)	6.404.732
Chi phí	5.628.630	59.790	(32.703)	5.655.717
Chi phí khấu hao tài sản cố định	66.796	356	-	67.152
Lợi nhuận trước thuế	683.729	(1.543)	(323)	681.863
<b>Năm trước</b>				
Thu nhập	5.966.300	59.208	(25.285)	6.000.223
Chi phí	4.889.612	58.419	(25.285)	4.922.746
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	67.087	365	-	67.472
Lợi nhuận trước thuế	1.009.601	404	-	1.010.005

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Lĩnh vực ngân hàng	Lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản	Lợi trừ	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản bộ phận	86.066.196	526.750	(832.765)	85.760.181
Nợ phải trả bộ phận	80.904.119	5.252	(332.764)	80.576.607
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản bộ phận	84.055.630	531.568	(764.710)	83.822.488
Nợ phải trả bộ phận	79.399.528	8.253	(264.710)	79.143.071



## XI. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	67.505	57.461
Trong vòng 2 đến 5 năm	168.461	175.780
Trên 5 năm	23.887	51.099
<b>Cộng</b>	<b>259.853</b>	<b>284.340</b>

## XII. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Rạch Giá, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Thi Duyên  
Kế toán viên

Người kiểm soát:

Phạm Thị Mỹ Chi  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:

Trần Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc





# 06

CHƯƠNG

## MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH







## CHƯƠNG 6 | MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại	Email
1	HỘI SỞ	Số 40 - 42 - 44 Phạm Hồng Thái, P. Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, T. Kiên Giang	0297. 2869 950	kienlong@kienlongbank.com
2	CHI NHÁNH HÀ NỘI	Số 190 Trần Hưng Đạo, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024. 3933 4743	hanoi@kienlongbank.com
3	Phòng Giao dịch Tây Hồ	Tầng 1 - Tầng 2, Tòa nhà R2, Ocean Sunshine Riverside, KĐT Nam Thăng Long, P. Phú Thượng, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội	024. 3627 5756	tayho.vn@kienlongbank.com
4	Phòng Giao dịch Phạm Hùng	Tầng 1 - Tầng 2 - Tầng 3, Ocean Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	024. 3514 8767	phanhung.hn@kienlongbank.com
5	Phòng Giao dịch Bà Kim	Số 17 Phố Hàng Bài, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	024. 3927 4816	baskinhn@kienlongbank.com
6	Phòng Giao dịch Giảng Võ	Tầng 1 - Tầng 2, Tòa 55-5, Ocean Sunshine City Hà Nội, Khu đô thị Nam Thăng Long, P. Đồng Ngạc 4b, P. Xuân Đình, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội	024. 3250 5545	giangvo.hn@kienlongbank.com
7	CHI NHÁNH HẢI PHÒNG	Số 87 Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	0225. 361 1245	haiphong@kienlongbank.com
8	Phòng Giao dịch Lạch Tray	Số 227 Lạch Tray, P. Bồng Giang, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	0225. 384 5968	lachtray.ha@kienlongbank.com
9	Phòng Giao dịch Ngô Quyền	Số 263 Đá Ngừng, P. Cầu Trại, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	0225. 356 0406	ngoqueen.ha@kienlongbank.com
10	Phòng Giao dịch Trần Nguyên Hãn	Số 167E Trần Nguyên Hãn, P. Trần Nguyên Hãn, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	0225. 371 9338	trannguyenhann.ha@kienlongbank.com
11	Phòng Giao dịch Kiến An	Số 25 Trần Nhân Tông, P. Quán Trãi, Q. Kiến An, TP. Hải Phòng	0225. 354 5939	kienan.ha@kienlongbank.com
12	CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG	Số 158 - 160 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	0236. 629 8999	danang@kienlongbank.com
13	Phòng Giao dịch Đồng Hới	477 Điện Biên Phủ, P. Hòa Khê, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	0236. 384 7378	donghoi.dn@kienlongbank.com
14	Phòng Giao dịch Hải Châu	Số 232 Hùng Vương, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	0236. 387 1122	haichau.dn@kienlongbank.com
15	Phòng Giao dịch Ngã Hinh Sơn	Số 501, Lê Văn Hiến, P. Khuất Mỗ, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng	0236. 710 5708	ngahanson.dn@kienlongbank.com
16	CHI NHÁNH QUẢNG NAM	Số 363 Trần Nhân Tông, P. Vĩnh Điện, TX. Điện Bàn, T. Quảng Nam	0235. 366 6488	quangnam@kienlongbank.com
17	CHI NHÁNH BÌNH ĐỊNH	Số 98 Phạm Hùng, P. Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định	0256. 382 5566	binhbinh@kienlongbank.com
18	Phòng Giao dịch An Nhơn	Số 254 Ngô Gia Tự, P. Bình Định, TX. An Nhơn, T. Bình Định	0256. 363 5335	annhan.bd@kienlongbank.com
19	Phòng Giao dịch Tam Quan	Số 327 - 329 Quốc lộ 1A, TT. Tam Quan, H. Hoài Nhơn, T. Bình Định	0256. 356 5998	tamquan.bd@kienlongbank.com
20	CHI NHÁNH PHÚ YÊN	Số 97 Nguyễn Trãi, P. 4, TP. Tuy Hòa, T. Phú Yên	0257. 382 9393	phuyen@kienlongbank.com
21	Phòng Giao dịch Sông Cầu	Số 08 Nguyễn Huệ, P. Xuân Phú, TX. Sông Cầu, T. Phú Yên	0257. 365 9695	soigcau.py@kienlongbank.com
22	Phòng Giao dịch Sơn Hòa	Số 173 Tiền Phú, TT. Càng Sơn, H. Sơn Hòa, T. Phú Yên	0257. 386 4854	soihoa.py@kienlongbank.com
23	Phòng Giao dịch Tuy An	Số 30 Lê Thánh Phương, TT. GH Thạnh, H. Tuy An, T. Phú Yên	0257. 386 6679	tuyan.py@kienlongbank.com
24	CHI NHÁNH KHÁNH HÒA	Số 54A Yersin, P. Phương Sài, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	0258. 356 3446	khakhhoa@kienlongbank.com
25	Phòng Giao dịch Diên Khánh	Số 140 Lạc Long Quân, TT. Diên Khánh, H. Diên Khánh, T. Khánh Hòa	0258. 375 3111	diengkhanh.kh@kienlongbank.com
26	Phòng Giao dịch Vĩnh Hải	Số 420 đường 2/4, P. Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	0258. 354 1133	vinhhai.kh@kienlongbank.com
27	Phòng Giao dịch Ninh Hòa	Số 523A Trần Quý Cáp, P. Ninh Hiệp, TX. Ninh Hòa, T. Khánh Hòa	0258. 368 5893	ninhhoa.kh@kienlongbank.com
28	Phòng Giao dịch Cam Ranh	Số 72-74 đường 22/8, P. Cam Thuận, TP. Cam Ranh, T. Khánh Hòa	0258. 395 6757	camranh.kh@kienlongbank.com
29	Phòng Giao dịch Bình Tân	Số 260 Đỗ Tự, P. Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	0258. 386 3777	binhntan.kh@kienlongbank.com
30	Phòng Giao dịch Vạn Ninh	Số 260 - 270 Hùng Vương, TT. Vạn Giã, H. Vạn Ninh, T. Khánh Hòa	0258 391 3691	vaninh.kh@kienlongbank.com
31	CHI NHÁNH ĐÀK LẮK	Số 146 Hoàng Diệu, TP. Buôn Ma Thuột, T. ĐAK LẮK	0262. 384 3236	daklak@kienlongbank.com
32	Phòng Giao dịch Tân Lập	Đường 10/3, Thôn 2, X. Cư Đơu, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đak Lăk	0262. 387 5353	tanlap.dl@kienlongbank.com
33	Phòng Giao dịch Cư Kuin	Đội 4 Quốc lộ 27, Buôn Eakmar, X. Ea Bô, H. Cư Kuin, T. Đak Lăk	0262. 365 5666	cukuin.dl@kienlongbank.com
34	Phòng Giao dịch Buôn Hồ	Số 498 - 500 Hùng Vương, P. An Bình, TX. Buôn Hồ, T. Đak Lăk	0262. 355 5636	buonho.dl@kienlongbank.com
35	CHI NHÁNH LÂM ĐỒNG	Số 394 Quốc lộ 20, TT. Liên Nghĩa, H. Đức Trọng, T. Lâm Đồng	0263. 366 8833	lamdong@kienlongbank.com
36	CHI NHÁNH BÌNH THUẬN	Số 304 Trần Hưng Đạo, P. Lạc Đạo, TP. Phan Thiết, T. Bình Thuận	0253. 373 8889	binhthuan@kienlongbank.com
37	Phòng Giao dịch Lagi	Số 168 Lê Lợi, P. Phước Hải, TX. Lagi, T. Bình Thuận	0253. 373 0091	lagi.bn@kienlongbank.com
38	Phòng Giao dịch Hàm Tiến	Số 382 Huỳnh Trác Khang, H. Mũi Né, TP. Phan Thiết, T. Bình Thuận	0253. 373 0094	hamtien.bn@kienlongbank.com
39	Phòng Giao dịch Bắc Bình	Số 5, đường 18 tháng 4, TT. Chơn Lầu, H. Bắc Bình, T. Bình Thuận	0253. 373 0099	bacbinh.bn@kienlongbank.com
40	CHI NHÁNH ĐỒNG NAI	Số 184 Hà Huy Giáp, Kp. 1, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai	0251. 391 8606	dongnai@kienlongbank.com
41	Phòng Giao dịch Long Khánh	Số 302-304 đường Hùng Vương, P. Xuân Bình, TP. Long Khánh, T. Đồng Nai	0251. 387 9998	longkhanh.dn@kienlongbank.com
42	Phòng Giao dịch Long Thành	111 đường Lê Quốc X. Long Đức, H. Long Thành, T. Đồng Nai	0251. 352 8029	longthanh.dn@kienlongbank.com



## CHƯƠNG 6 | MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại	Email
43	CHI NHÁNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU	Số 26A-28-30 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Hưng Tân, P. Long Hương, TP. Bà Rịa, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	0254. 373 7999	bairiangtau@kienlongbank.com
44	Phòng Giao dịch Phú Mỹ	Số 208 Độc Lập, P. Phú Mỹ, TX. Phú Mỹ, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	0254. 389 8788	phumy.bn@kienlongbank.com
45	Phòng Giao dịch Vũng Tàu	Số 234 Lê Hồng Phong, P.4, TP. Vũng Tàu, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	0254. 363 1621	vungtau.bn@kienlongbank.com
46	Phòng Giao dịch Long Điền	Số 141 Võ Thị Sáu, TT. Long Hải, H. Long Điền, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	0254. 388 8887	longdien.bn@kienlongbank.com
47	CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG	Số 242 Yersin, P. Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương	0274. 387 2742	binhduong@kienlongbank.com
48	Phòng Giao dịch Lai Thiệu	Số A62 Nguyễn Văn Tiễn, KP. Đồng Từ, P. Lai Thiệu, TP. Thuận An, T. Bình Dương	0274. 379 7213	lathieu.bd@kienlongbank.com
49	Phòng Giao dịch Bến Cát	Số 304 Hùng Vương, TĐ 14, KP. 1, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, T. Bình Dương	0274. 355 7557	bencat.bd@kienlongbank.com
50	Phòng Giao dịch Dĩ An	Số 9/10 KP. Bình Minh 1, TT. Dĩ An, T. Bình Dương	0274. 377 5757	dian.bd@kienlongbank.com
51	CHI NHÁNH TÂY NINH	Số 683 Cách Mạng Tháng Tám, KP.2, P.3, TP. Tây Ninh, T. Tây Ninh	0276. 389 6633	tayninh@kienlongbank.com
52	Phòng Giao dịch Trảng Bàng	Số 18 - 19 Quốc lộ 22, KP. Lộc An, P. Trảng Bàng, TX. Trảng Bàng, T. Tây Ninh	0276. 3883965	trangbang.tn@kienlongbank.com
53	Phòng Giao dịch Châu Thành	Số 168 Hoàng Lê Kha, KP. 1, TT. Châu Thành, H. Châu Thành, T. Tây Ninh	0276. 3877977	chauthanh.tn@kienlongbank.com
54	CHI NHÁNH SÀI GÒN	Số 98 - 100A Cách Mạng Tháng 8, P.7, Q.3, TP. HCM	028. 3933 3393	saigon@kienlongbank.com
55	CHI NHÁNH NHÀ BÈ	Số 19 Lê Bội, Pháo đài 18A, đường Nguyễn Hữu Thọ, X. Phước Kiển, H. Nhà Bè, TP. HCM	028. 3620 1430	nhabe.hcm@kienlongbank.com
56	CHI NHÁNH CẦN GIỜ	312 Rừng Sáo, Ấp Bình Thuận, X. Bình Khánh, H. Cần Giờ, TP. HCM	028. 3874 2019	cangio@kienlongbank.com
57	Phòng Giao dịch Bình Tây	Số 344 Hữu Bàng, P. 2, Q. 6, TP. HCM	028. 3968 0245	bintay.hcm@kienlongbank.com
58	Phòng Giao dịch An Lạc	Số 279 - 281 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP. HCM	028. 6256 0936	anlac.hcm@kienlongbank.com
59	Phòng Giao dịch Dâm Sơn	Số 870 Lạc Long Quân, P. 8, Q. Tân Bình, TP. HCM	028. 3974 1679	damsen.hcm@kienlongbank.com
60	Phòng Giao dịch Gò Vấp	Số 366A13 - 366A14 Phan Văn Trị, P. 6, Q. Gò Vấp, TP. HCM	028. 2263 2766	govap.hcm@kienlongbank.com
61	Phòng Giao dịch Ngô Gia Tự	Số 93 Ngô Gia Tự, P. 2, Q. 10, TP. HCM	028. 3838 8361	ngogiatu.hcm@kienlongbank.com
62	Phòng Giao dịch Quận 7	Tòa nhà 83, Sunshine City Sài Gòn, số 23 Phố Thuận KPS, P. Phú Nhuận, Q. 7, TP. HCM	028. 3775 2084	quan7.hcm@kienlongbank.com
63	Phòng Giao dịch Phú Nhuận	Số 117 - 119 Nguyễn Văn Trỗi, P. 11, Q. Phú Nhuận, TP. HCM	028. 3845 5668	phunhuan.hcm@kienlongbank.com
64	Phòng Giao dịch Quận 12	Số 166 Nguyễn Ảnh Thủ, Ấp Đông, X. Thới Tân Thới, H. Hóc Môn, TP. HCM	028. 3718 5557	quan12.hcm@kienlongbank.com
65	Phòng Giao dịch Bà Chiểu	Số 25K Phan Đăng Lưu, P.3, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	028. 3561 1151	bachieu.hcm@kienlongbank.com
66	Phòng Giao dịch Tân Sơn Nhì	Số 65 Tân Sơn Nhì, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, TP. HCM	028. 3810 3947	tansonnhi.hcm@kienlongbank.com
67	Phòng Giao dịch Thủ Đức	Số 1168 Khu Vực Cận, KP. 1, P. Linh Chiểu, TP. Thủ Đức	028. 3720 5623	thuduc.hcm@kienlongbank.com
68	Phòng Giao dịch Thủ Thiêm Vương	Số 344 Tăng Thiên Vương, P. 13, Q. 8, TP. HCM	028. 3961 6447	thuthienvuong.hcm@kienlongbank.com
69	CHI NHÁNH LONG AN	Đường số 1, KCN Thuận Đạo, TT. Bến Lức, H. Bến Lức, T. Long An	0272. 356 7072	longan@kienlongbank.com
70	Phòng Giao dịch Tân An	Số 50 - 52 Quốc lộ 1 (Tuyến tránh), Khu đô thị TT. Hồ Bình, P. 6, TP. Tân An, T. Long An	0273. 364 7828	tanan.la@kienlongbank.com
71	Phòng Giao dịch Đức Hòa	Số 159 - 161 đường Tỉnh lộ 82A, Kp. 3, Ấp Bình Tây 1, X. Đức Hòa Hạ, H. Đức Hòa, T. Long An	0273. 375 8886	duchoa.la@kienlongbank.com
72	Phòng Giao dịch Cần Giuộc	Số 72A, Quốc lộ 50, Ấp Thuận Đông, X. Thuận Thành, H. Cần Giuộc, T. Long An	0273. 373 2288	cangiuoc.la@kienlongbank.com
73	CHI NHÁNH TIỀN GIANG	Số 300-302-304-306-308 Hùng Vương, Xã Đạo Thạnh, TP. Mỹ Tho, T. Tiền Giang	0273. 367 2222	tiengiang@kienlongbank.com
74	Phòng Giao dịch Cai Lậy	Số 19 Tỉnh lộ 095, Kp. 1, P. 1, TX. Cai Lậy, T. Tiền Giang	0273. 377 2223	cailay.tg@kienlongbank.com
75	Phòng Giao dịch Gò Công	Số 5 Nguyễn Trãi Phương, Kp. 1, P.2, TX. Gò Công, T. Tiền Giang	0273. 353 1888	gocong.tg@kienlongbank.com
76	Phòng Giao dịch Cai Bè	Số 326A, Kp. 3, TT. Cai Bè, H. Cai Bè, T. Tiền Giang	0273. 390 3438	caibe.tg@kienlongbank.com
77	CHI NHÁNH BẾN TRE	Số 17 Đại lộ Đồng Khởi, P. Phú Khương, TP. Bến Tre, T. Bến Tre	0275. 356 1288	bentre@kienlongbank.com
78	Phòng Giao dịch Bình Đại	Số 60 đường 20/4, KP. 1, TT. Bình Đại, H. Bình Đại, T. Bến Tre	0275. 374 2555	binhdaui@kienlongbank.com
79	Phòng Giao dịch Ba Trĩ	Số 44 Trương Định, KP. 2, TT. Ba Trĩ, H. Ba Trĩ, T. Bến Tre	0275. 376 3388	baui.ba@kienlongbank.com
80	Phòng Giao dịch Mỹ Xuyên	Khu phố 7, TT. Mỹ Xuyên, H. Mỹ Xuyên, T. Bến Tre	0275. 366 2585	mexuyen.bn@kienlongbank.com
81	CHI NHÁNH VĨNH LONG	Số 1K-1H đường 20/4, P.1, TP. Vĩnh Long, T. Vĩnh Long	0270. 385 3337	vinhlong@kienlongbank.com
82	Phòng Giao dịch Bình Minh	Số 114 Ngô Quyền, Khóm 1, P. Cai Ván, TX. Bình Minh, T. Vĩnh Long	0270. 374 1727	binhminh.vl@kienlongbank.com
83	Phòng Giao dịch Trà Ôn	Số 11 đường Lê Văn Duyệt, Khu 2, TT. Trà Ôn, H. Trà Ôn, T. Vĩnh Long	0270. 377 2979	traon.vl@kienlongbank.com
84	Phòng Giao dịch Vũng Liêm	Số 178 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, TT. Vũng Liêm, H. Vũng Liêm, T. Vĩnh Long	0270. 397 1999	vungliem.vl@kienlongbank.com
85	CHI NHÁNH TRÀ VINH	Số 67 Lý Thường Kiệt, P. 3, TP. Trà Vinh, T. Trà Vinh	0294. 385 3999	travinh@kienlongbank.com
86	Phòng Giao dịch Duyên Hải	Căn nhà số 2, dãy 4, căn số 10, Khóm 1, P. 1, TX. Duyên Hải, T. Trà Vinh	0294. 389 3444	duyenhai.tv@kienlongbank.com
87	Phòng Giao dịch Tiểu Cần	Số 125A Quốc lộ 50, Khóm 2, TT. Tiểu Cần, H. Tiểu Cần, T. Trà Vinh	0294. 361 4555	tiucan.tv@kienlongbank.com
88	Phòng Giao dịch Càng Long	Số 268 Quốc lộ 53, Khóm 3, TT. Càng Long, H. Càng Long, T. Trà Vinh	0294. 388 5777	canglong.tv@kienlongbank.com





STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại	Email
<b>89</b>	<b>CHE NHÁNH ĐỒNG THÁP</b>	<b>Số 30 Ly Thường Kiệt, P. 1, TP. Cao Lãnh, T. Đồng Tháp</b>	<b>0277. 987 6481</b>	<b>dongthap@kienlongbank.com</b>
90	Phòng Giao dịch Hồng Ngự	Số 38 - 40 Hùng Vương, P. An Thạnh, TP. Hồng Ngự, T. Đồng Tháp	0277. 265 3801	hongngudt@kienlongbank.com
91	Phòng Giao dịch Sa Đéc	Số 422 Hùng Vương, P. 2, TP. Sa Đéc, T. Đồng Tháp	0277. 377 5555	sadec.dh@kienlongbank.com
92	Phòng Giao dịch Tháp Mười	Số 16/D Nguyễn Văn Trãi, Khóm 4, TT. Mỹ An, H. Tháp Mười, T. Đồng Tháp	0277. 261 5566	thapmuoi.dh@kienlongbank.com
<b>93</b>	<b>CHE NHÁNH CẦN THƠ</b>	<b>Số 38 - 40 Đại Lộ Hòa Bình, P. An Cư, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ</b>	<b>0292. 381 7112</b>	<b>cantho@kienlongbank.com</b>
94	Phòng Giao dịch Cái Răng	Số 162/35 Quốc lộ 1, P. Lê Bình, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ	0292. 391 0903	carang.ct@kienlongbank.com
95	Phòng Giao dịch Thới Núi	Số 477 số 24, KV. Phụng Thành 1, P. Thới Núi, Q. Thới Núi, TP. Cần Thơ	0292. 361 2100	thoinoi.ct@kienlongbank.com
96	Phòng Giao dịch Ô Môn	Số 988/B, KV. 4, P. Châu Văn Liêm, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ	0292. 365 5827	omon.ct@kienlongbank.com
97	Phòng Giao dịch Vĩnh Thạnh	Số 21 QL. 80, Ấp Vĩnh Quê, TT. Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ	0292. 364 1902	vinhthanh.ct@kienlongbank.com
98	Phòng Giao dịch Bình Thủy	Số 77 CM TB, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	0292. 388 1841	binhthuy.ct@kienlongbank.com
<b>99</b>	<b>CHE NHÁNH RẠCH GIÀ</b>	<b>Số 40-42-44 Phạm Hùng Thái, P. Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, T. Kiên Giang</b>	<b>0297. 385 9950</b>	<b>rachgia@kienlongbank.com</b>
101	Phòng Giao dịch Bôn Nhut	Ngã ba Bôn Nhut, X. Long Thành, H. Bôn Nhut, T. Kiên Giang	0297. 387 2590	bienhuth.kg@kienlongbank.com
101	Phòng Giao dịch S02	Số 171, KP. Kinh B, TT. Tân Hiệp, H. Tân Hiệp, T. Kiên Giang	0297. 371 7273	kinhb.kg@kienlongbank.com
102	Phòng Giao dịch S03	Số 28 đường 30/4, TT. Giồng Reng, H. Giồng Reng, T. Kiên Giang	0297. 382 1475	giongreng.kg@kienlongbank.com
103	Phòng Giao dịch S04	Số 349 Quốc lộ 80, TT. Kiên Lương, H. Kiên Lương, T. Kiên Giang	0297. 385 6368	kienluong.kg@kienlongbank.com
104	Phòng Giao dịch Rạch Sỏi	Số 14 Cách mạng tháng 8, P. Vĩnh Lợi, TP. Rạch Giá, T. Kiên Giang	0297. 391 2468	rachsoi.kg@kienlongbank.com
105	Phòng Giao dịch Kim B	Số 147, Ấp Đông Thành, X. Thanh Đông A, H. Tân Hiệp, T. Kiên Giang	0297. 373 0900	kinhb.kg@kienlongbank.com
106	Phòng Giao dịch Hà Tiên	Số 171 Mạc Thiên Tích, P. Bình An, TP. Hà Tiên, T. Kiên Giang	0297. 395 2810	hastien.kg@kienlongbank.com
107	Phòng Giao dịch Tân Hiệp	Số 29 KP. B, TT. Tân Hiệp, H. Tân Hiệp, T. Kiên Giang	0297. 372 7268	tanhiep.kg@kienlongbank.com
108	Phòng Giao dịch Vĩnh Thuận	Số 942 Vĩnh Phước 2, TT. Vĩnh Thuận, H. Vĩnh Thuận, T. Kiên Giang	0297. 388 0460	vinhthuan.kg@kienlongbank.com
109	Phòng Giao dịch An Biên	Số 136 QL. 63, KP. 3, TT. Thổ Sơn, H. An Biên, T. Kiên Giang	0297. 361 0858	anbien.kg@kienlongbank.com
110	Phòng Giao dịch Gò Gao	Số 66, đường 3/2, KP. Phước Trung 2, TT. Gò Gao, H. Gò Gao, T. Kiên Giang	0297. 365 0977	gogao.kg@kienlongbank.com
111	Phòng Giao dịch Hới Đốc	Số 32 Tô B, KP. Tr. Tân, TT. Hới Đốc, H. Hới Đốc, T. Kiên Giang	0297. 378 6898	hoi.doc.kg@kienlongbank.com
112	Phòng Giao dịch Tân Thành	Số 358 Ấp Tân Tiến, X. Tân Thành, H. Tân Hiệp, T. Kiên Giang	0297. 373 7148	tanthanh.kg@kienlongbank.com
113	Phòng Giao dịch An Minh	Khu phố 3, TT. Thổ Lộ, H. An Minh, T. Kiên Giang	0297. 394 5599	anminh.kg@kienlongbank.com
<b>114</b>	<b>CHE NHÁNH PHÚ QUỐC</b>	<b>Số 139 đường 30/4, KP. 1, P. Dương Đông, TP. Phú Quốc, T. Kiên Giang</b>	<b>0297. 384 8621</b>	<b>phupquo@kienlongbank.com</b>
115	Phòng Giao dịch An Thới	Số 104 Nguyễn Văn Cừ, KP. 3, P. An Thới, TP. Phú Quốc, T. Kiên Giang	0297. 399 5993	anthoi.kg@kienlongbank.com
<b>116</b>	<b>CHE NHÁNH AN GIANG</b>	<b>Số 1621, 22A2 Lý Thái Tổ, K.1, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, T. An Giang</b>	<b>0296. 394 0945</b>	<b>angiang@kienlongbank.com</b>
117	Phòng Giao dịch Châu Đốc	Số 26 Phan Văn Vàng, Khóm Châu Đốc 3, P. Châu Phú B, TP. Châu Đốc, T. An Giang	0296. 365 6338	chaudoc.ag@kienlongbank.com
118	Phòng Giao dịch Tân Châu	Số 30 Nguyễn Văn Linh, P. Long Thành, TX. Tân Châu, T. An Giang	0296. 369 6027	tanchau.ag@kienlongbank.com
119	Phòng Giao dịch Thoại Sơn	Số 311 Nguyễn Huệ, TT. Mỹ Sáp, H. Thoại Sơn, T. An Giang	0296. 625 9149	thoaison.ag@kienlongbank.com
<b>120</b>	<b>CHE NHÁNH HẬU GIANG</b>	<b>Số 44 đường 1/5, P.1, TP. Vị Thanh, T. Hậu Giang</b>	<b>0293. 358 2277</b>	<b>haugiang@kienlongbank.com</b>
121	Phòng Giao dịch Long Mỹ	Số 44N Cách Mạng Tháng 8, KV. 2, P. Thuận An, TX. Long Mỹ, T. Hậu Giang	0293. 351 1885	longmy.hg@kienlongbank.com
122	Phòng Giao dịch Phụng Hiệp	Số 638 Quốc lộ 1A, Ấp Tân Phú A, TT. Cái Lác, H. Châu Thành A, T. Hậu Giang	0293. 393 6670	phungghiep.hg@kienlongbank.com
123	Phòng Giao dịch Ngã Bảy	Số 29 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Ngã Bảy, TP. Ngã Bảy, T. Hậu Giang	0293. 398 3670	ngabay.hg@kienlongbank.com
<b>124</b>	<b>CHE NHÁNH SÓC TRĂNG</b>	<b>Số 193 - 197 Trần Hưng Đạo, P.3, TP. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng</b>	<b>0299. 364 5668</b>	<b>soctrang@kienlongbank.com</b>
125	Phòng Giao dịch Vĩnh Châu	Số 450 Nguyễn Huệ, P. 1, TX. Vĩnh Châu, T. Sóc Trăng	0299. 388 6688	vinhchau.st@kienlongbank.com
126	Phòng Giao dịch Thanh Tri	Số 333 Quốc lộ 1A, TT. Phú Lộc, H. Thanh Tri, T. Sóc Trăng	0299. 381 6038	thanhtri.st@kienlongbank.com
127	Phòng Giao dịch Trá Quýt	Số 123 Ấp Trá Quýt A, TT. Châu Thành, H. Châu Thành, T. Sóc Trăng	0299 2809 378	traquyt.st@kienlongbank.com
<b>128</b>	<b>CHE NHÁNH BẠC LIÊU</b>	<b>Số 460 Trần Phú, Khóm 1, P. 7, TP. Bạc Liêu, T. Bạc Liêu</b>	<b>0291. 325 8860</b>	<b>baclieu@kienlongbank.com</b>
129	Phòng Giao dịch Hộ Phòng	Số 164 Ấp D, TT. Hộ Phòng, H. Giỏi Rai, T. Bạc Liêu	0291. 387 2638	huphong.bl@kienlongbank.com
130	Phòng Giao dịch Hồng Dân	Khu nhà phố 50, đường Nguyễn Thị Minh Khai, TTMM TT. Ngan Chai, H. Hồng Dân, T. Bạc Liêu	0291. 358 0895	hongdan.bl@kienlongbank.com
131	Phòng Giao dịch Phước Long	Ấp Ngòi, TT. Phước Long, H. Phước Long, T. Bạc Liêu	0291. 358 1620	phucdong.bl@kienlongbank.com
<b>132</b>	<b>CHE NHÁNH CÀ MAU</b>	<b>Số 25 - 28 Phan Ngộ Hiên, P.4, TP. Cà Mau, T. Cà Mau</b>	<b>0298. 399 5999</b>	<b>camau@kienlongbank.com</b>
133	Phòng Giao dịch Đầm Dơi	Số 04 Tiền Văn Phú, Khóm 4, TT. Đầm Dơi, H. Đầm Dơi, T. Cà Mau	0298. 394 2999	damdoi.cm@kienlongbank.com
134	Phòng Giao dịch Năm Căn	Số 02 An Dương Vương, Khóm 2, TT. Năm Căn, H. Năm Căn, T. Cà Mau	0298. 387 8668	namcan.cm@kienlongbank.com
135	Phòng Giao dịch Thới Bình	Số 102 đường 3/2, Khóm 8, TT. Thới Bình, H. Thới Bình, T. Cà Mau	0298. 385 1999	thoibinh.cm@kienlongbank.com
<b>136</b>	<b>VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN MIỀN BẮC</b>	<b>Tầng 6 Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, P. Mỹ Đình, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội</b>	<b>024.7303.7768</b>	<b>vpdb@kienlongbank.com</b>
<b>137</b>	<b>VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN MIỀN NAM</b>	<b>66-108A Cách Mạng Tháng 8, P. Võ Thị Sáu, Q. 3, TP. HCM</b>	<b>028.3932.3393</b>	<b>vpdhn@kienlongbank.com</b>







#### **NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

40-42-44 Phạm Hồng Thái, P. Vĩnh Thanh Vân,  
TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

1900 6929

[www.kienlongbank.com](http://www.kienlongbank.com)